



ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán 3

TẬP HAI

BẢN MẪU

$$\begin{array}{r} 736 \overline{) 3} \\ 6 \\ \underline{13} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18618 \\ - 9584 \\ \hline \end{array}$$



3 333



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

Toán 3

TẬP HAI

BẢN MẪU

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

3

Các số trong phạm vi 100 000

• Các số trong phạm vi 10 000	4
• Các số trong phạm vi 10 000 (tiếp theo)	7
• Làm quen với chữ số La Mã	10
• Các số trong phạm vi 100 000	12
• Các số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	15
• So sánh các số trong phạm vi 100 000	18
• Luyện tập	20
• Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng	22
• Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính	24
• Vẽ trang trí hình tròn	26
• Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	28
• Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	30
• Luyện tập chung	34
• Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	36
• Thực hành xem đồng hồ	38
• Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo)	41
• Tháng – Năm	44
• Em ôn lại những gì đã học	47
• Em vui học Toán	49

4

Cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000

• Phép cộng trong phạm vi 100 000	53
• Phép trừ trong phạm vi 100 000	55
• Tiền Việt Nam	57
• Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	59
• Nhân với số có một chữ số (có nhớ)	61

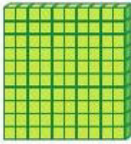
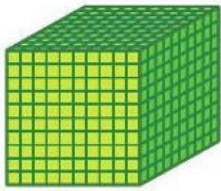
• Luyện tập	63
• Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000	65
• Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	67
• Luyện tập	69
• Chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	71
• Luyện tập	73
• Luyện tập chung	75
• Tìm thành phần chưa biết của phép tính	76
• Tìm thành phần chưa biết của phép tính (tiếp theo)	79
• Luyện tập chung	81
• Diện tích một hình	83
• Đơn vị đo diện tích. Xăng-ti-mét vuông	85
• Diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình vuông	88
• Luyện tập chung	90
• Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê	92
• Bảng số liệu thống kê	95
• Khả năng xảy ra của một sự kiện	98
• Em ôn lại những gì đã học	100
• Em vui học Toán	102
• Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000	105
• Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)	107
• Ôn tập về hình học và đo lường	109
• Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất	111
• Ôn tập chung	113
• Bảng tra cứu từ ngữ	115

3

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

			
1 đơn vị	10 đơn vị = 1 chục	10 chục = 1 trăm	10 trăm = 1 nghìn
Viết số: 1	Viết số: 10	Viết số: 100	Viết số: 1 000

Một nghìn
1 000

Hai nghìn
2 000

Ba nghìn
3 000

Bốn nghìn
4 000

Năm nghìn
5 000

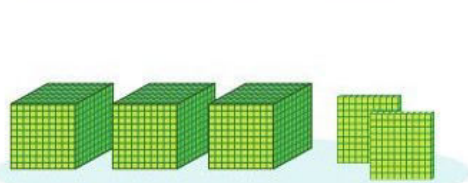
Mười nghìn
10 000

10 nghìn = 1 chục nghìn

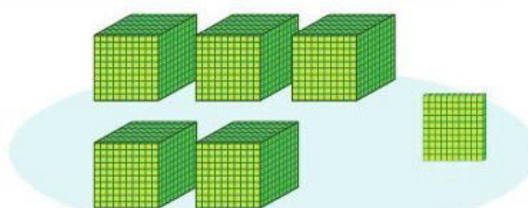
Đếm theo nghìn



Các số 1 000, 2 000, 3 000, ..., 10 000 là các số tròn nghìn.
10 000 còn đọc là một vạn.

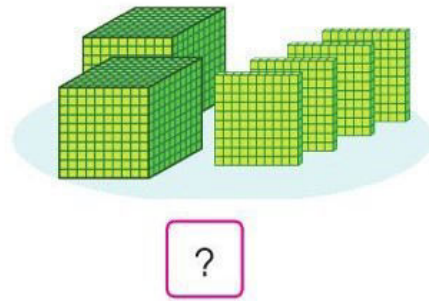
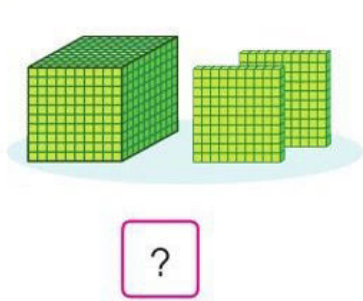


Ba nghìn hai trăm
3 200



Năm nghìn một trăm
5 100

1 Số ?



- 2 a) Viết các số sau: sáu nghìn, mười nghìn, một nghìn ba trăm, bốn nghìn năm trăm, bảy nghìn tám trăm.
b) Đọc các số sau: 7 000, 5 300, 8 400, 9 000, 10 000.

3 Số ?

a)

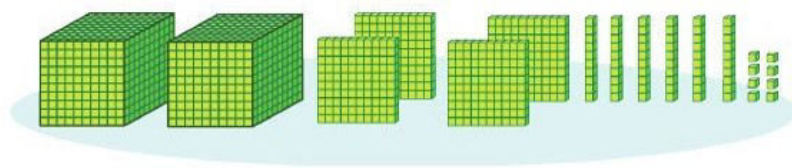


b)



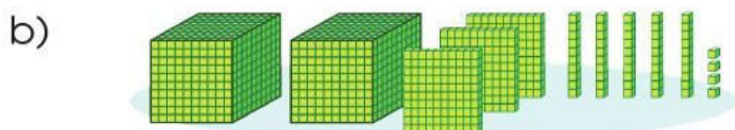
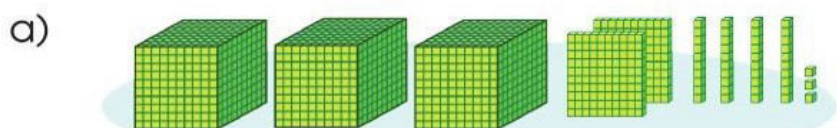
4 Đếm, viết rồi đọc số khối lập phương (theo mẫu):

Mẫu:



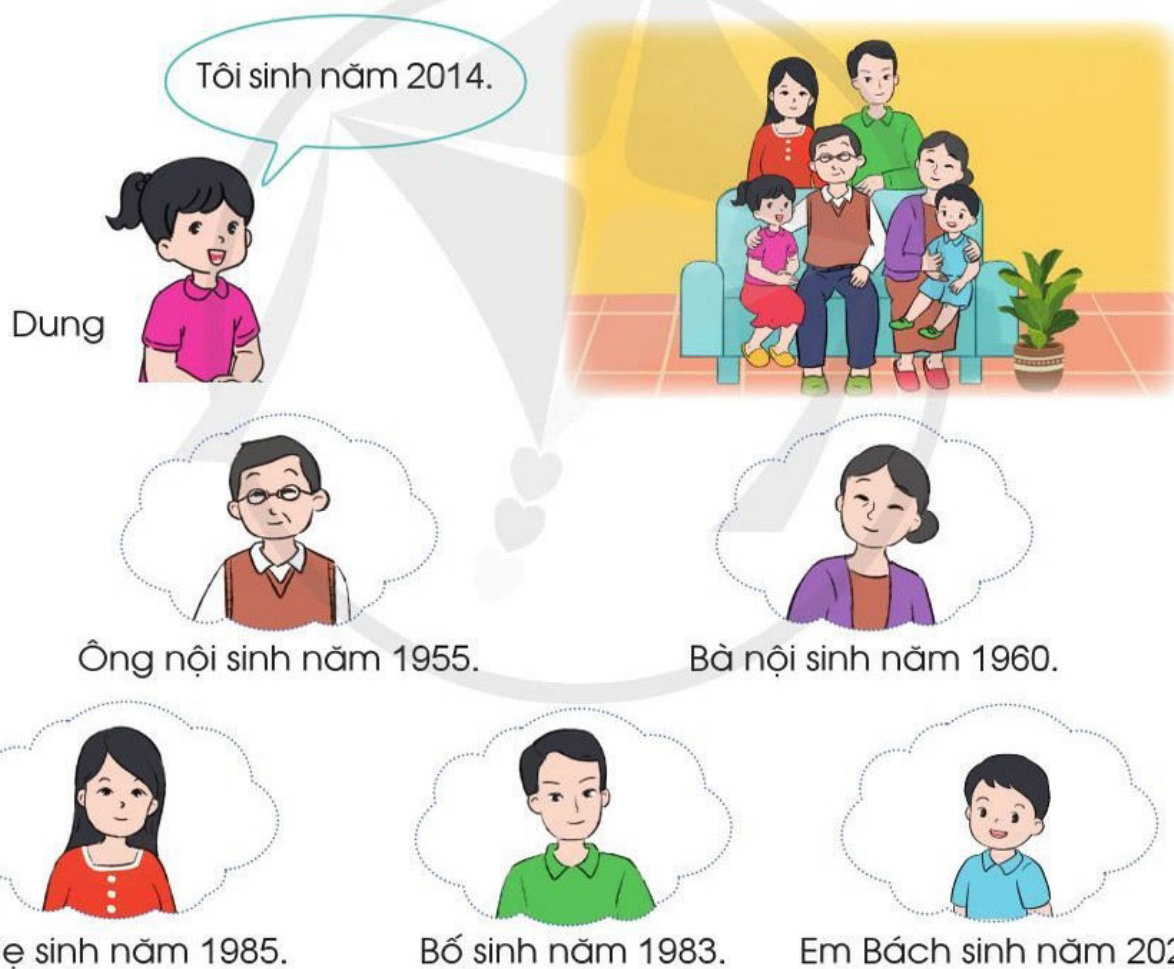
2 468

Hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám



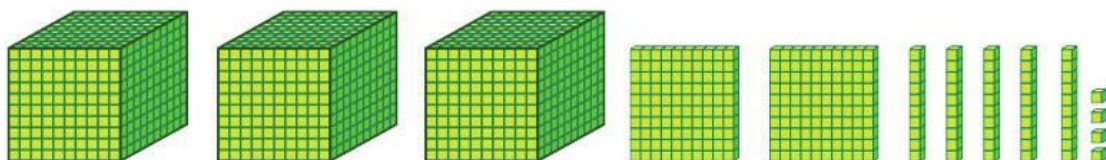
- 5** a) Viết các số sau: một nghìn hai trăm sáu mươi chín, năm nghìn tám trăm mười ba, chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm, sáu nghìn sáu trăm chín mươi, ba nghìn hai trăm linh sáu.
b) Đọc các số sau: 4 765, 6 494, 3 120, 8 017.

- 6** Hãy đọc năm sinh của các thành viên trong gia đình ở bức tranh sau:



- 7** Đi bộ khoảng 4 000 bước mỗi ngày giúp chúng ta có trái tim khỏe mạnh, tránh nhiều bệnh tật và luôn vui tươi. Em hãy cùng với người thân trong gia đình ước lượng xem mỗi người đi bộ được khoảng bao nhiêu bước chân một ngày.

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (tiếp theo)



3 254

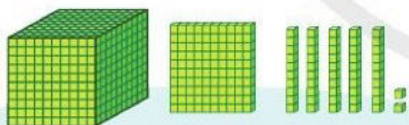
Ba nghìn hai trăm năm mươi tư

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
3	2	5	4

Số 3 254 gồm
3 nghìn 2 trăm 5 chục 4 đơn vị.

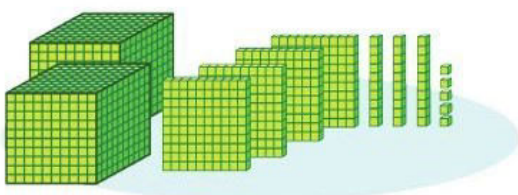
1 Số ?

a)



Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
?	?	?	?

b)



Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
?	?	?	?



2 Thực hiện (theo mẫu):

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	1	9	2	3 192	Ba nghìn một trăm chín mươi hai
5	6	4	8	?	?
7	9	5	5	?	?
6	4	0	7	?	?
5	0	4	0	?	?
2	3	0	1	?	?

3 Nói (theo mẫu):

Mẫu: Số 7 293 gồm 7 nghìn 2 trăm 9 chục 3 đơn vị.

- a) Số 2 641 gồm nghìn trăm chục đơn vị.
- b) Số 3 097 gồm nghìn trăm chục đơn vị.
- c) Số 8 802 gồm nghìn trăm chục đơn vị.
- d) Số 5 550 gồm nghìn trăm chục đơn vị.

4 Viết mỗi số sau thành tổng của nghìn, trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):

Mẫu: $3\ 567 = 3\ 000 + 500 + 60 + 7$

5 832

7 575

8 621

4 444

5 Nói các số có bốn chữ số (theo mẫu):

Mẫu: $6\ 000 + 400 + 80 + 2 = 6\ 482$

a) $9\ 000 + 500 + 50 + 7$

$3\ 000 + 600 + 80 + 1$

b) $5\ 000 + 800 + 8$

$7\ 000 + 30 + 9$

c) $6\ 000 + 600 + 60$

$9\ 000 + 100$

d) $4\ 000 + 4$

$7\ 000 + 20$

6 Số ?

Mẫu: Số 8 551 gồm 8 nghìn 5 trăm 5 chục 1 đơn vị.

Số ? gồm 7 nghìn 2 trăm 3 chục 9 đơn vị.

Số ? gồm 1 nghìn 6 trăm 4 chục.

Số ? gồm 8 nghìn 5 chục 3 đơn vị.

Số ? gồm 2 nghìn 8 đơn vị.

Số ? gồm 6 nghìn 7 trăm.

Số ? gồm 3 nghìn 6 chục.

Em có biết: Có bao nhiêu vệ tinh nhân tạo đang bay trên đầu chúng ta?

Người ta thống kê có khoảng 2 666 vệ tinh nhân tạo đang hoạt động trong vũ trụ vào tháng 4 năm 2020. Các vệ tinh trông rất khác nhau. Có những vệ tinh to bằng một chiếc xe buýt. Trong khi đó, có những vệ tinh chỉ bé như một chiếc hộp và cân nặng chưa đầy 1 kg.



(Nguồn: <https://www.weforum.org>, <https://www.tiasang.com.vn>)

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ



1. Các số ở mặt đồng hồ bên được ghi bằng một số **chữ số La Mã** thường dùng, đó là:

I: một

V: năm

X: mười



2. Với các chữ số La Mã trên, ta ghi được các số từ 1 đến 20 như sau:

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

1

a) Đọc các số sau:

I, II, IV, VI, VIII, IX, XI, X, XX

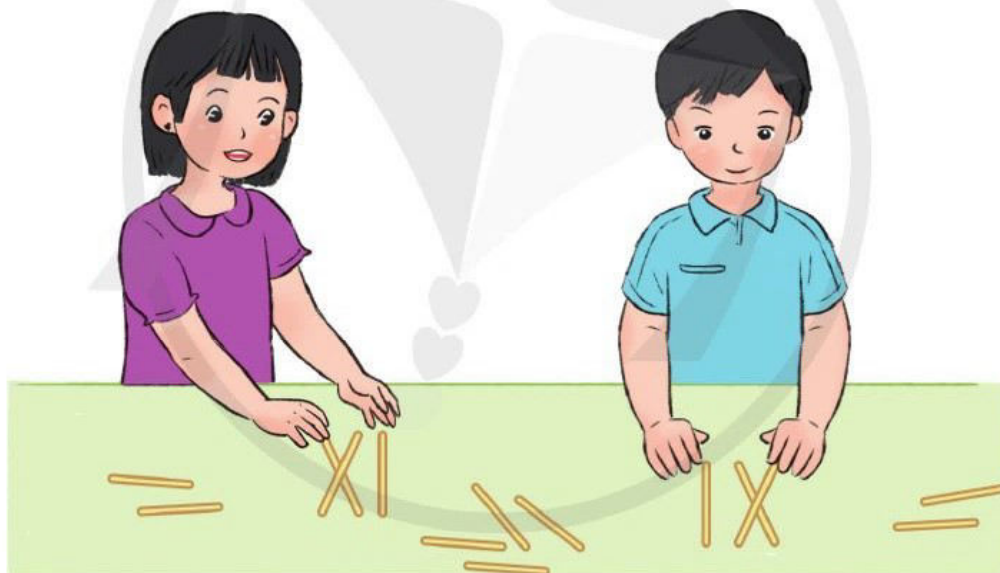
b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 3, 5, 12, 19.

2 Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



3 a) Dùng que tính xếp các số sau bằng chữ số La Mã:

2, 4, 9, 10, 11, 20



b) Hãy dùng que tính xếp số chỉ tuổi của em bằng chữ số La Mã.

4 **Đố em**

a) Có 3 que tính xếp thành số 6 bằng chữ số La Mã như hình bên. Em hãy chuyển chỗ một que tính để được số khác.

b) Với 3 que tính em có thể xếp được những số nào bằng chữ số La Mã?



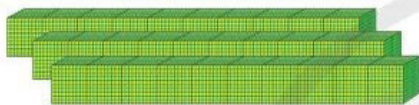
CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



Mười nghìn
10 000

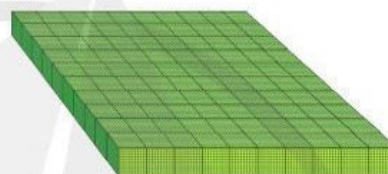


Hai mươi nghìn
20 000



Ba mươi nghìn
30 000

...



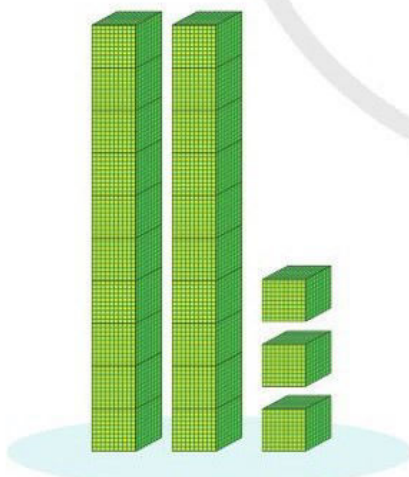
Một trăm nghìn
100 000

10 chục nghìn = 1 trăm nghìn

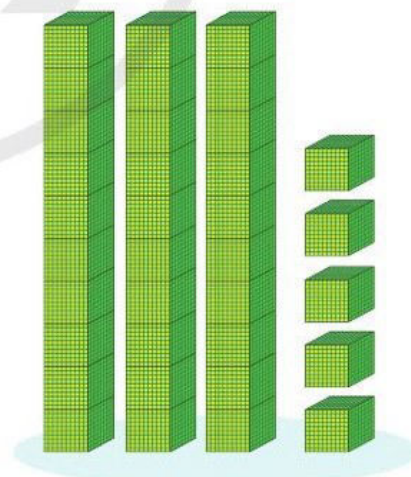
Đếm theo mười nghìn



Các số 10 000, 20 000, 30 000, ..., 100 000 là các số tròn mười nghìn.



23 000
Hai mươi ba nghìn

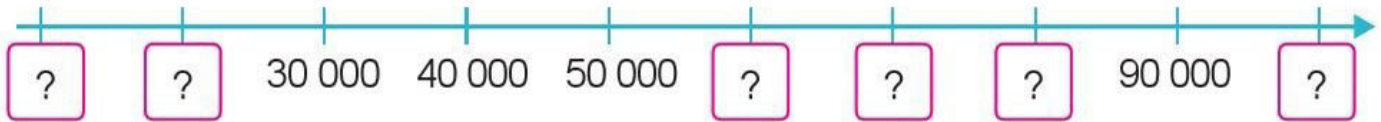


35 000
Ba mươi lăm nghìn

- 1** a) Viết các số sau: mười hai nghìn, năm mươi mốt nghìn, tám mươi lăm nghìn, ba mươi chín nghìn, hai mươi tư nghìn, một trăm nghìn.
b) Đọc các số sau: 72 000, 14 000, 36 000, 45 000, 88 000, 91 000.

2 Số ?

a)

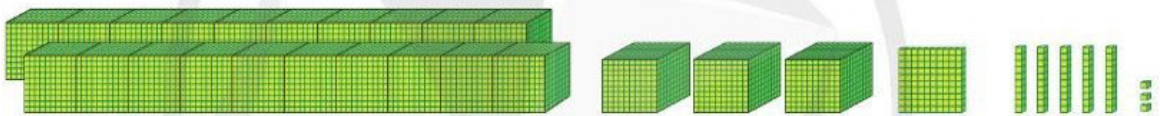


b)



3 Đếm, viết rồi đọc số khối lập phương (theo mẫu):

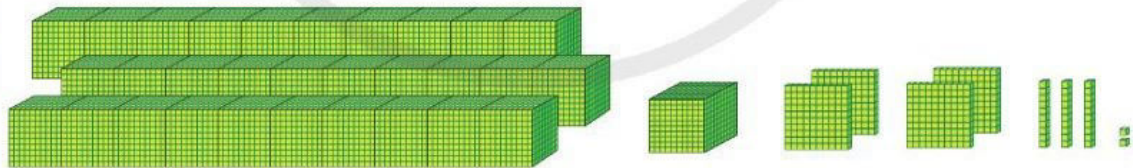
Mẫu:



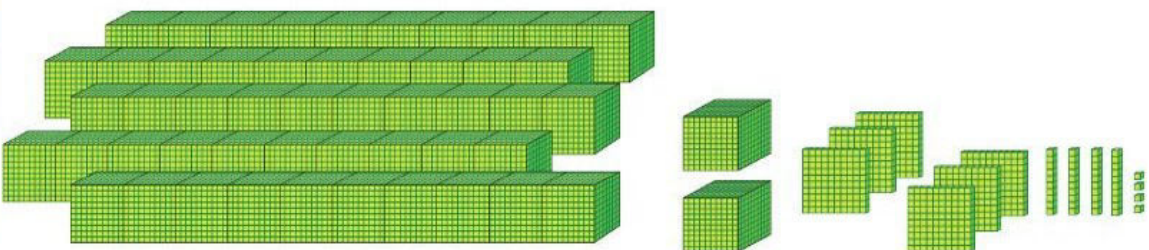
23 153

Hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba

a)



b)



4

a) Viết các số sau: bốn mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi bảy, ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi mốt, tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi sáu, mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi lăm.

b) Đọc các số sau: 38 239, 76 815, 27 413, 21 432, 68 331.

5

Thực hiện (theo mẫu):

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
6	3	1	9	2	63 192	Sáu mươi ba nghìn một trăm chín mươi hai
2	5	6	4	8	?	?
3	7	9	5	5	?	?
8	6	2	9	7	?	?
9	0	8	0	1	?	?
1	1	0	3	0	?	?

6

Đọc các thông tin về sức chứa của mỗi sân vận động sau:



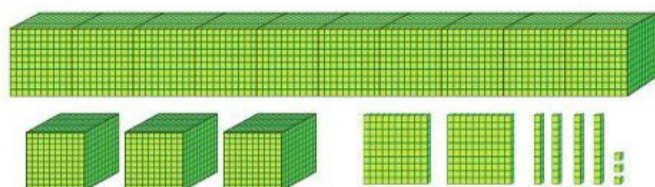
Sân vận động Hàng Đẫy ở Hà Nội có sức chứa khoảng 22 580 người, khánh thành từ năm 1958.



Sân vận động Thống Nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh có sức chứa khoảng 25 000 người, hoạt động từ năm 1960.

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>)

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)



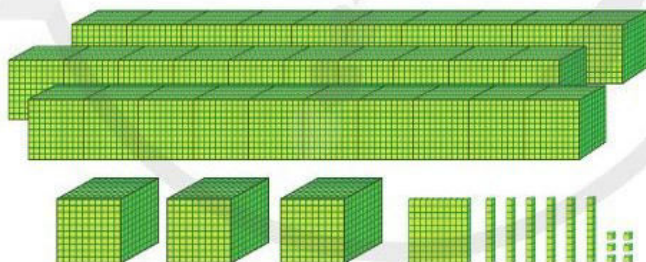
13 243

Mười ba nghìn hai trăm bốn mươi ba

Hàng				
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
1	3	2	4	3

Số 13 243 gồm 1 chục nghìn
3 nghìn 2 trăm 4 chục 3 đơn vị.

1 Số ?



?

Hàng				
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
?	?	?	?	?

Số ? gồm ? chục nghìn ? nghìn ? trăm ? chục ? đơn vị.



2 Thực hiện (theo mẫu):

Hàng					Viết số	Đọc số
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
4	3	6	5	2	43 652	Bốn mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai
6	5	7	8	1	?	?
3	4	2	7	4	?	?
9	9	6	0	2	?	?
1	4	0	9	6	?	?
8	0	3	1	5	?	?

3 Nói (theo mẫu):

Mẫu: 57 418 gồm 5 chục nghìn 7 nghìn 4 trăm 1 chục 8 đơn vị.

- a) 34 715 gồm chục nghìn nghìn trăm chục đơn vị.
- b) 58 089 gồm chục nghìn nghìn trăm chục đơn vị.
- c) 20 405 gồm chục nghìn nghìn trăm chục đơn vị.
- d) 66 292 gồm chục nghìn nghìn trăm chục đơn vị.

4 Số ?

- a) 42 630 42 631 ? ? ? 42 635 ?
- b) 28 437 28 447 28 457 ? ? 28 487 ?
- c) 31 900 32 900 33 900 ? ? ? ?

5

Số ?

a) $11\ 568 = 10\ 000 + 1\ 000 + \boxed{?} + 60 + \boxed{?}$

b) $72\ 934 = 70\ 000 + 2\ 000 + \boxed{?} + \boxed{?} + \boxed{?}$

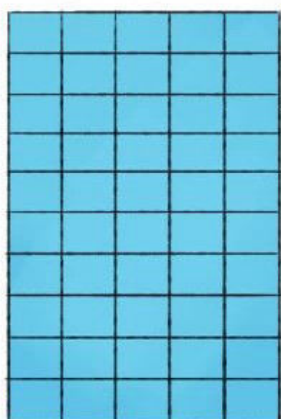
c) $\boxed{?} = 80\ 000 + 6\ 000 + 100 + 30 + 7$

d) $\boxed{?} = 20\ 000 + 100 + 30$

6

Thực hành: Làm công cụ tìm hiểu số.

Ví dụ:



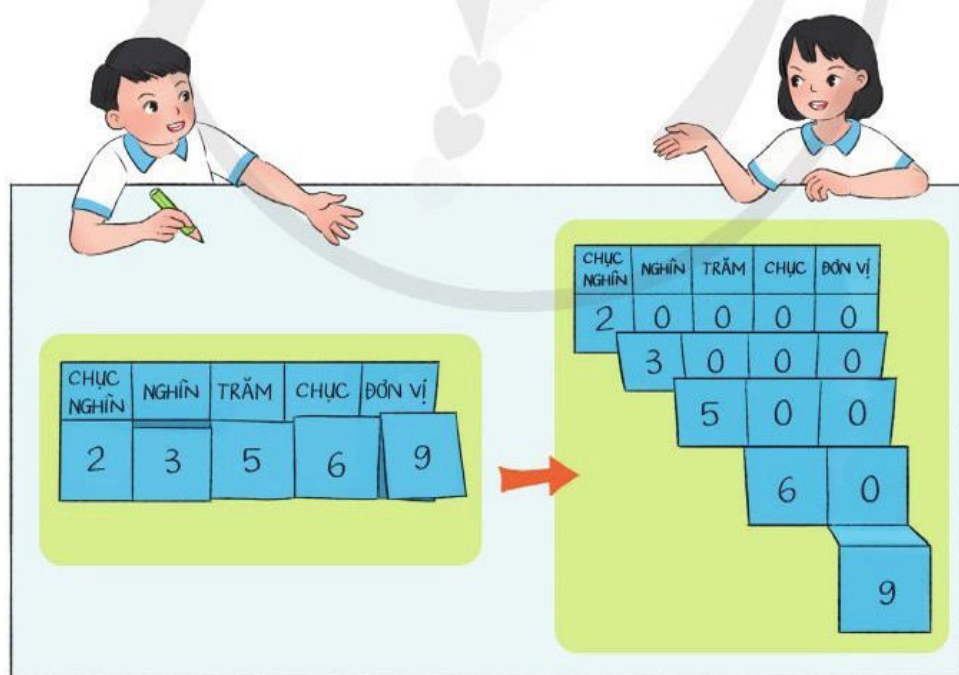
CHỤC NGHÌN	NGHÌN	TRĂM	CHỤC	ĐƠN VỊ
2	0	0	0	0
	3	0	0	0
		5	0	0
			6	0
				9

CHỤC NGHÌN	NGHÌN	TRĂM	CHỤC	ĐƠN VỊ
2	0	0	0	0
	3	0	0	0
		5	0	0
			6	0
				9

① Lấy một tờ giấy gấp hoặc kẻ 5 cột, 10 hàng.

② Viết số em thích theo mẫu ở hình trên.

③ Cắt theo hình hướng dẫn trên.



④ Gấp tờ giấy theo hướng dẫn để đọc số hoặc mở tờ giấy ra để biết số vừa đọc gồm mấy chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

Tôi chạy được
4 275 bước chân.



Tôi chạy được
4 228 bước chân.



Tôi chạy được
984 bước chân.



1. So sánh 984 và 4 275

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
	9	8	4
4	2	7	5

Số 984 có ba chữ số.

Số 4 275 có bốn chữ số.

Vậy $984 < 4\,275$.

Trong hai số:

- Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn.
- Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.

2. So sánh 4 275 và 4 228

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
4	2	7	5
4	2	2	8

4 = 4

2 = 2

7 > 2

• Số 4 275 và 4 228 cùng có bốn chữ số.

• Ta so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng, kể từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau là $7 > 2$.

Vậy $4\,275 > 4\,228$.

Nếu hai số có cùng số chữ số:

Lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng, kể từ trái sang phải, cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Số nào chứa chữ số lớn hơn thì số đó lớn hơn.

1 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

861 ? 1 237

8 544 ? 1 541

2 918 ? 2 918

7 170 ? 7 123

3 507 ? 3 507

1 009 ? 1 010

2 Câu nào đúng, câu nào sai?

a) $11\,514 < 9\,753$

b) $50\,147 > 49\,999$

c) $61\,725 > 61\,893$

d) $85\,672 > 8\,567$

e) $89\,156 < 87\,652$

g) $60\,017 = 60\,017$

3 Cho các số sau:

6 231

1 236

6 312

1 263

a) Tìm số bé nhất.

b) Tìm số lớn nhất.

c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.



4 Trong phong trào nuôi ong lấy mật ở một huyện miền núi, gia đình anh Tài thu được 1 846 l mật ong. Gia đình ông Dìn thu được 1 407 l mật ong. Gia đình ông Nhâm thu được 2 325 l mật ong.

a) Gia đình nào thu hoạch được nhiều mật ong nhất?

b) Gia đình nào thu hoạch được ít mật ong nhất?

c) Nêu tên các gia đình trên theo thứ tự từ thu hoạch được nhiều mật ong đến ít mật ong.



LUYỆN TẬP

1 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

6 378 ? 53 127

24 619 ? 24 619

45 909 ? 42 093

77 115 ? 74 810

89 127 ? 89 413

93 017 ? 93 054

2 Tìm câu sai và sửa lại cho đúng:

a) $43\ 000 > 38\ 000$

b) $4\ 326 < 4\ 321$

c) $24\ 387 > 24\ 598$

d) $12\ 025 > 12\ 018$

3 Cho các số sau:



a) Tìm số lớn nhất.

b) Tìm số bé nhất.

c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.

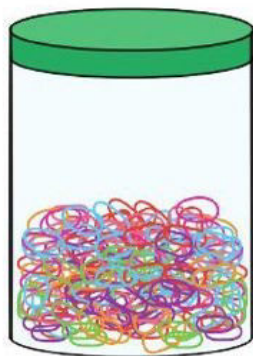
4 Số ?

a)	13 500	23 500	?	?	53 500	?
b)	2 607	3 607	?	?	6 607	?
c)	5 480	?	5 680	?	5 880	?
d)	7 929	7 939	?	?	?	7 979

5 Chọn chữ đặt dưới hình vẽ có nhiều dây chun nhất:



A. 2 009 dây



B. 950 dây



C. 2 030 dây



D. 1 230 dây

6 Dưới đây là thông tin về chiều dài một số cây cầu ở Việt Nam. Đọc tên các cây cầu đó theo thứ tự từ ngắn nhất đến dài nhất:



Cầu Cần Thơ nối liền thành phố
Cần Thơ với tỉnh Vĩnh Long dài:
2 750 m



Cầu Nhật Tân ở thành phố
Hà Nội dài:
3 900 m



Cầu Long Biên ở thành phố
Hà Nội dài:
2 290 m



Cầu Bạch Đằng nối hai tỉnh
Quảng Ninh và Hải Phòng dài:
3 054 m

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>)

ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

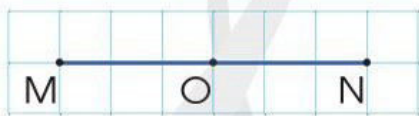


1. Điểm ở giữa



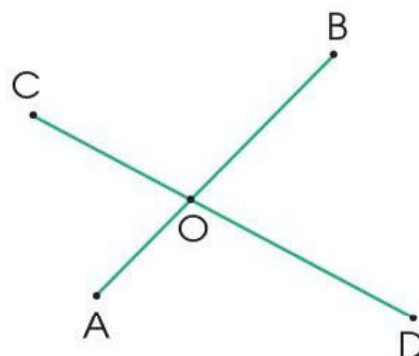
- A, C, B là ba điểm thẳng hàng.
- C là *điểm ở giữa* hai điểm A và B.

2. Trung điểm của đoạn thẳng

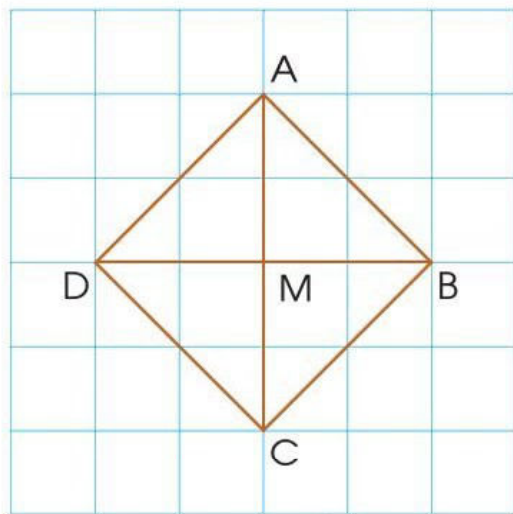
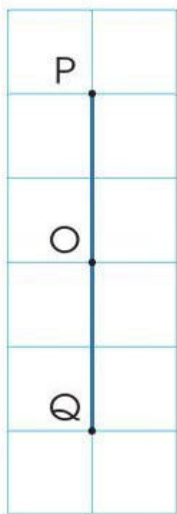


- O là điểm ở giữa hai điểm M và N.
- Độ dài đoạn thẳng MO bằng độ dài đoạn thẳng ON. Ta viết $MO = ON$. Điểm O được gọi là *trung điểm* của đoạn thẳng MN.

1 Quan sát các hình sau và nêu tên điểm ở giữa hai điểm khác:



2 Nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình dưới đây:

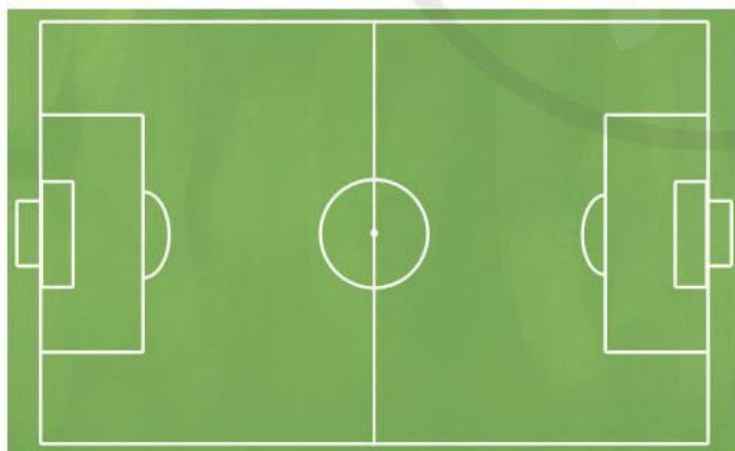


3 Quan sát tia số, chọn câu đúng:



- a) Trung điểm của đoạn thẳng AB ứng với số 4 200.
- b) Trung điểm của đoạn thẳng BC ứng với số 4 700.
- c) Trung điểm của đoạn thẳng AD ứng với số 4 500.

4 a) Quan sát các hình sau và chỉ ra những hình ảnh liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng:



b) **Đố em:** Có một đoạn dây thép thẳng, làm thế nào để tìm được trung điểm của đoạn dây thép đó?



HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH

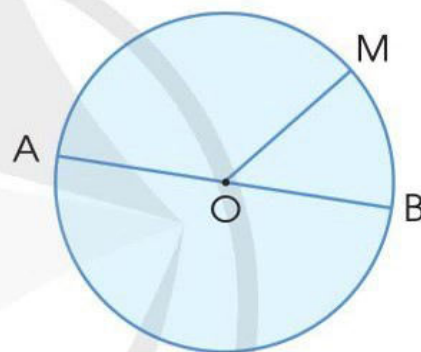


Hình tròn tâm O , bán kính OM , đường kính AB .

Nhận xét:

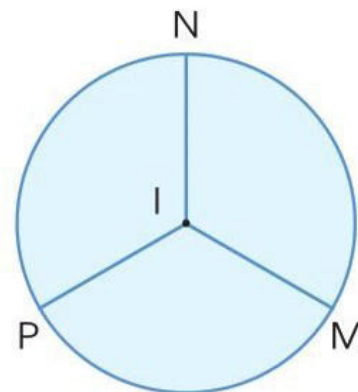
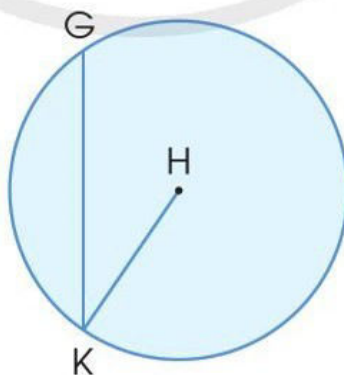
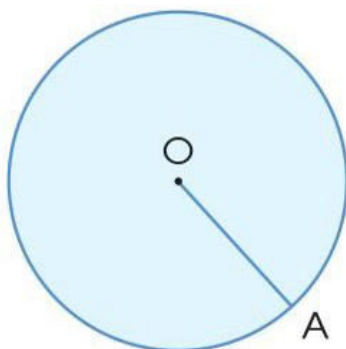
Trong một hình tròn:

- Tâm O là trung điểm của đường kính AB .
- Độ dài đường kính gấp 2 lần độ dài bán kính.



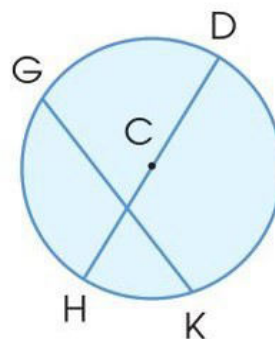
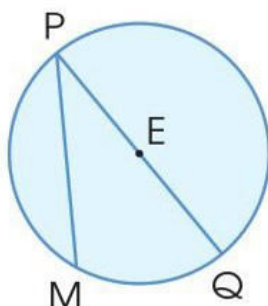
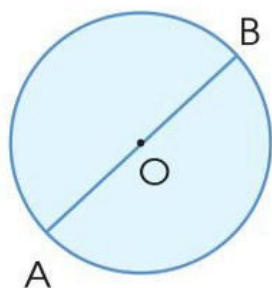
1

a) Gọi tên hình tròn và các bán kính của mỗi hình sau (theo mẫu):



Mẫu: Hình tròn tâm O , bán kính OA .

b) Gọi tên hình tròn và đường kính của mỗi hình sau (theo mẫu):



Mẫu: Hình tròn tâm O,
đường kính AB.

2 a) Cho hình tròn tâm O có độ dài đường kính bằng 8 cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn đó.

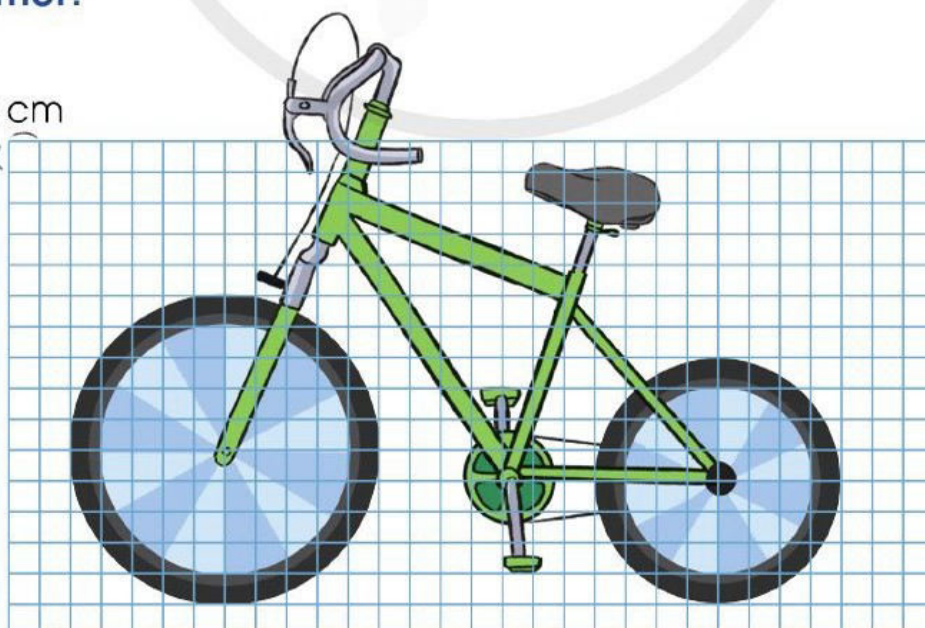
b) Cho hình tròn tâm O có độ dài bán kính bằng 5 cm. Tính độ dài đường kính của hình tròn đó.

3 **Thực hành:** Xác định tâm của một hình tròn.



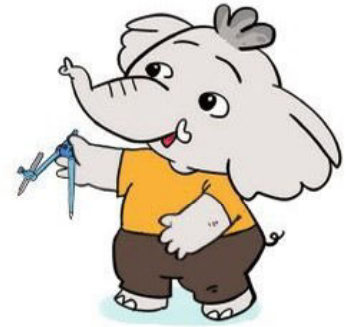
4 Theo em, đường kính của mỗi bánh xe trong hình dưới đây là bao nhiêu xăng-ti-mét?

5 cm
5 cm (

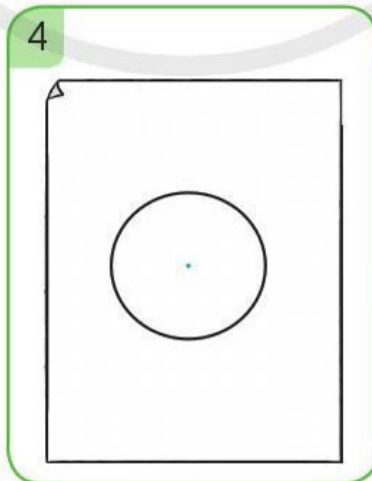
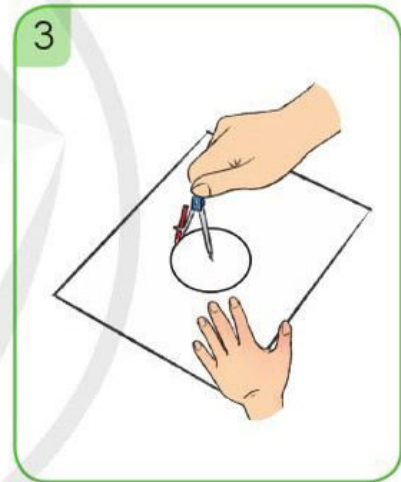
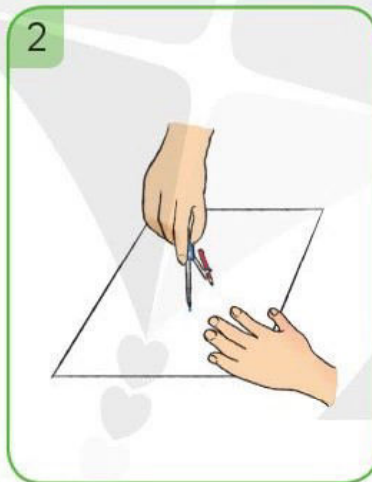
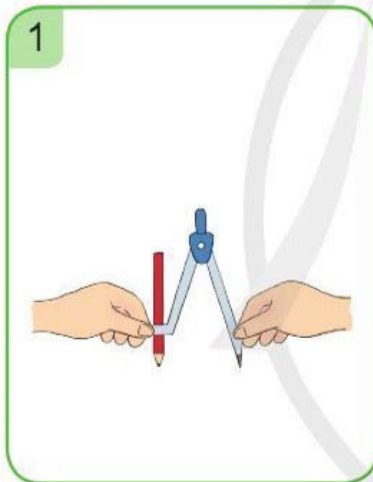


VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

- 1 a) Quan sát chiếc compa của em rồi chia sẻ với bạn cách sử dụng.



- b) **Thực hành:** Sử dụng compa để vẽ đường tròn (theo mẫu).

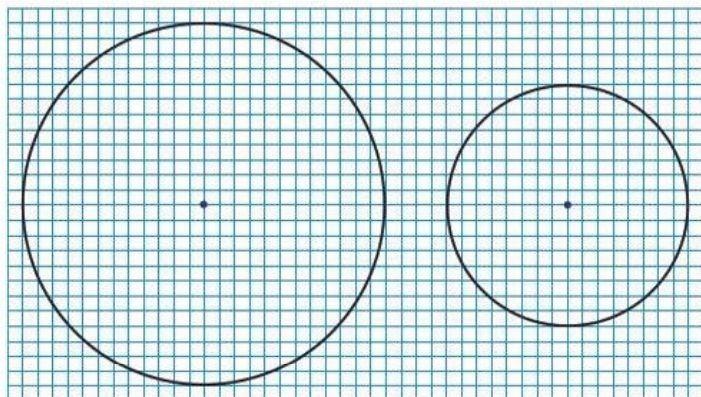


- c) Hãy vẽ vào vở của em một đường tròn.

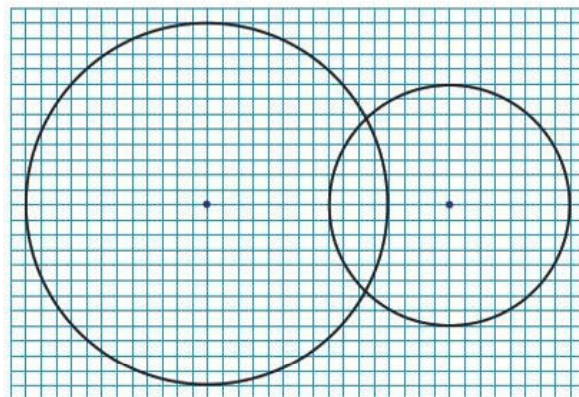


2 Quan sát mỗi hình mẫu dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

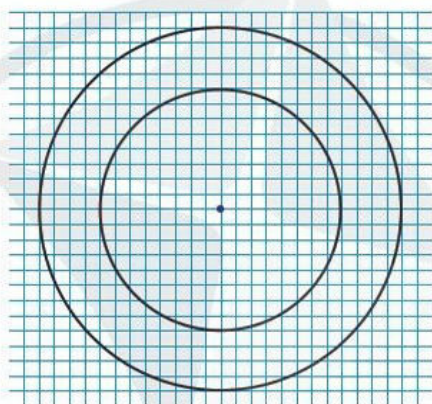
- Nêu cách vẽ hình.
- Thực hành vẽ hình vào vở.



Hình 1

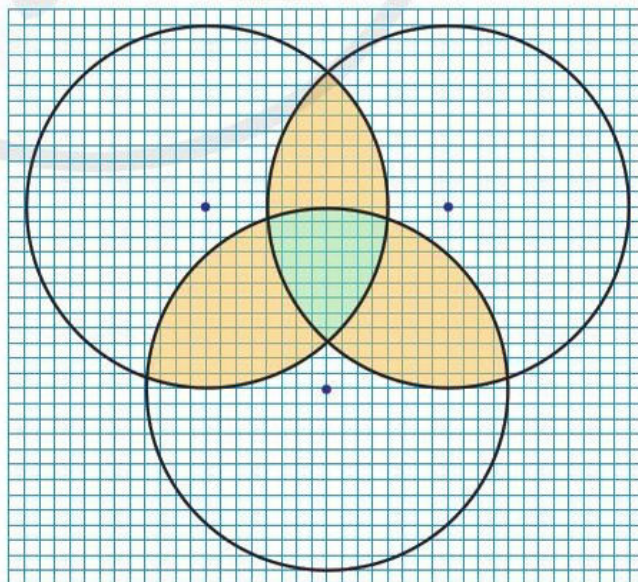
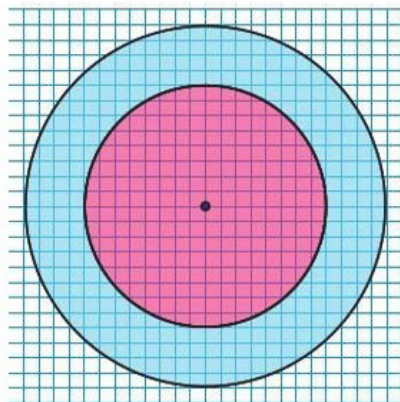


Hình 2



Hình 3

3 a) Tìm cách vẽ trang trí như các hình dưới đây và tô màu theo ý thích của em:



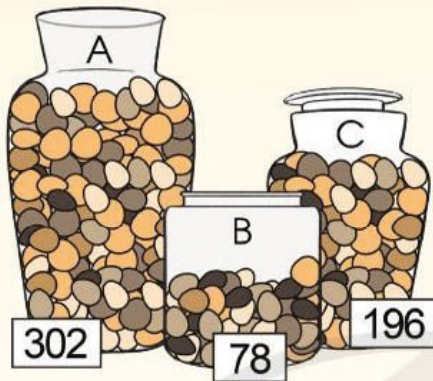
b) Vẽ các hình tròn và trang trí theo ý thích của em.



LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG CHỤC, HÀNG TRĂM

Bình A có khoảng 300 viên sỏi.
Bình B có khoảng 80 viên sỏi.

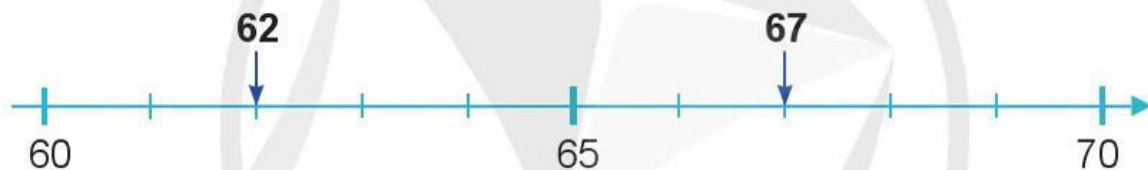
Bình C có khoảng
200 viên sỏi.



Sao câu trả lời của
các bạn lại là thế nhỉ?



Ví dụ 1: Làm tròn các số 62, 67 đến hàng chục



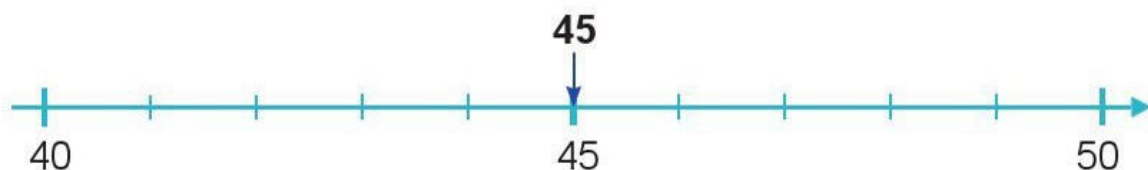
- Ta thấy: Số 62 gần với số 60 hơn số 70.

Vậy: Khi làm tròn số **62** đến hàng chục, ta được số **60** (gọi là làm tròn lùi).

- Ta thấy: Số 67 gần với số 70 hơn số 60.

Vậy: Khi làm tròn số **67** đến hàng chục, ta được số **70** (gọi là làm tròn tiến).

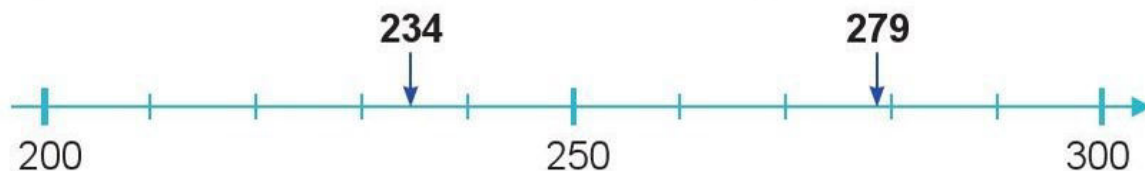
Ví dụ 2: Làm tròn số 45 đến hàng chục



Ta thấy: Số 45 cách đều hai số 40 và 50.

Quy ước: Khi làm tròn số **45** đến hàng chục, ta được số **50**.

Ví dụ 3: Làm tròn các số 234, 279 đến hàng trăm



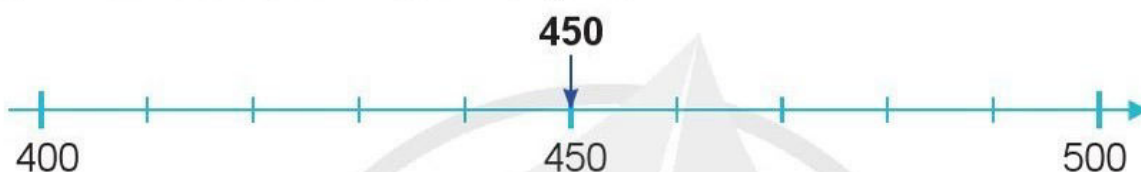
- Ta thấy: Số 234 gần với số 200 hơn số 300.

Vậy: Khi làm tròn số **234** đến hàng trăm, ta được số **200**.

- Ta thấy: Số 279 gần với số 300 hơn số 200.

Vậy: Khi làm tròn số **279** đến hàng trăm, ta được số **300**.

Ví dụ 4: Làm tròn số 450 đến hàng trăm



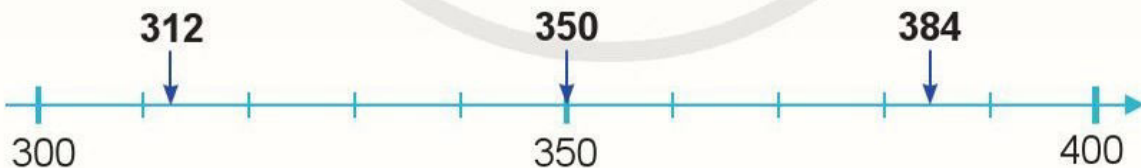
Ta thấy: Số 450 cách đều hai số 400 và 500.

Quy ước: Khi làm tròn số **450** đến hàng trăm, ta được số **500**.

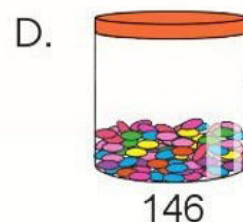
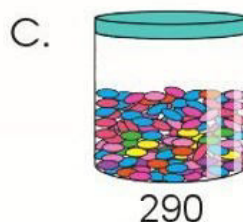
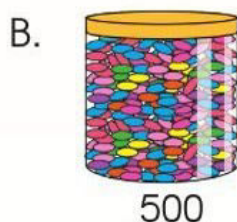
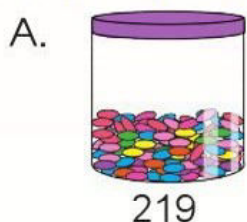
1 Quan sát tia số rồi làm tròn các số 44, 57, 72, 85 đến hàng chục:



2 Quan sát tia số sau rồi làm tròn các số 312, 350, 384 đến hàng trăm:



3 Đức muốn chọn một hộp kẹo có khoảng 200 viên. Theo em, Đức nên chọn hộp kẹo nào?



LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG NGHÌN, HÀNG CHỤC NGHÌN



Ví dụ 1: Làm tròn các số 8 100, 8 700 đến hàng nghìn



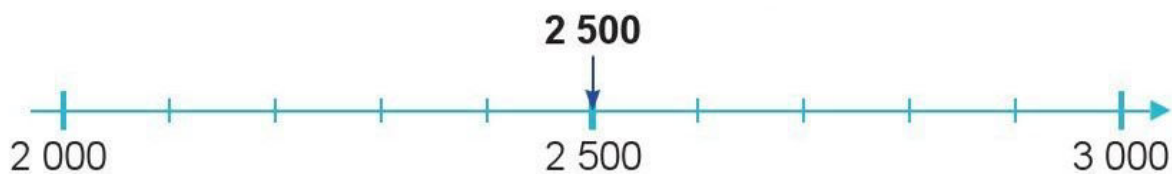
- Ta thấy: Số 8 100 gần với số 8 000 hơn số 9 000.

Vậy: Khi làm tròn số **8 100** đến hàng nghìn, ta được số **8 000**.

- Ta thấy: Số 8 700 gần với số 9 000 hơn số 8 000.

Vậy: Khi làm tròn số **8 700** đến hàng nghìn, ta được số **9 000**.

Ví dụ 2: Làm tròn số 2 500 đến hàng nghìn

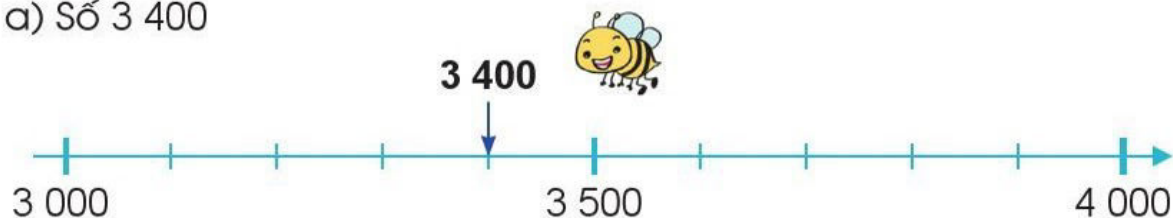


Ta thấy: Số 2 500 cách đều hai số 2 000 và 3 000.

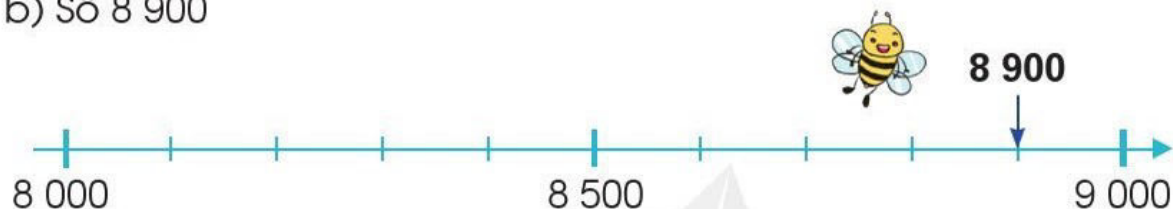
Quy ước: Khi làm tròn số **2 500** đến hàng nghìn, ta được số **3 000**.

1 Làm tròn các số sau đến hàng nghìn:

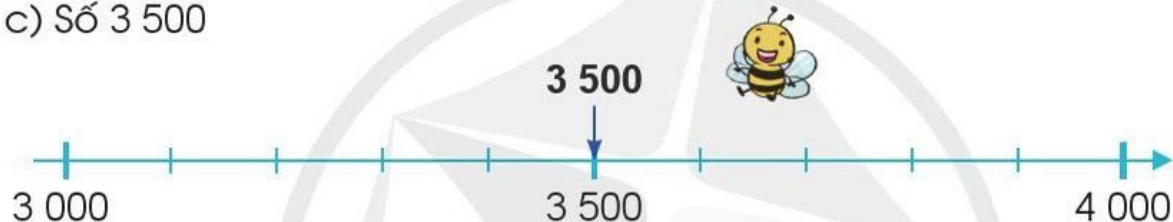
a) Số 3 400



b) Số 8 900

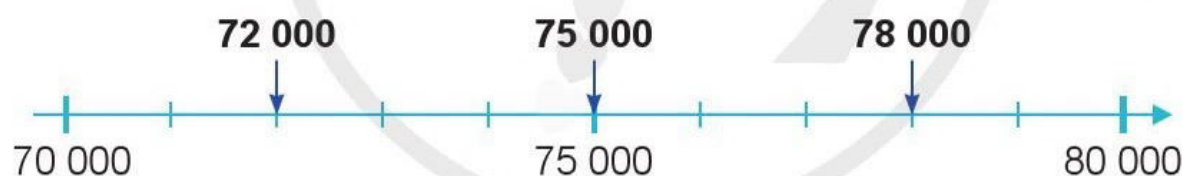


c) Số 3 500



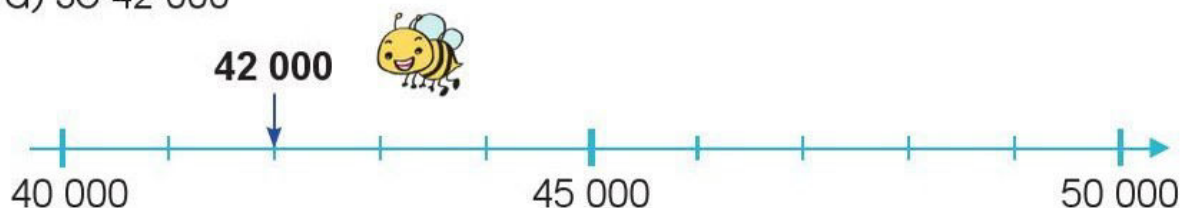
2 Làm tròn các số sau đến hàng chục nghìn (theo mẫu):

Mẫu: Làm tròn các số 72 000, 78 000, 75 000 đến hàng chục nghìn

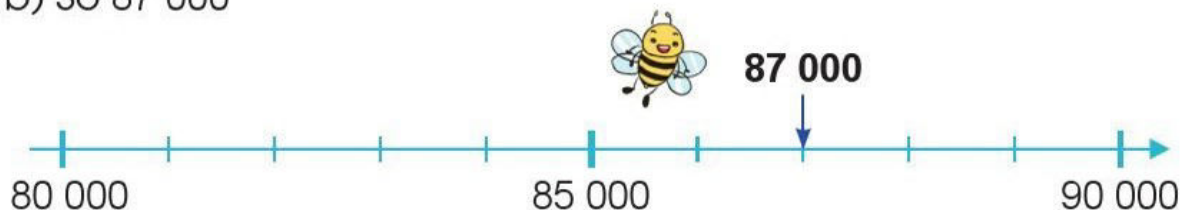


- Ta thấy: Số 72 000 gần với số 70 000 hơn số 80 000.
Vậy: Khi làm tròn số **72 000** đến hàng chục nghìn, ta được số **70 000**.
- Ta thấy: Số 78 000 gần với số 80 000 hơn số 70 000.
Vậy: Khi làm tròn số **78 000** đến hàng chục nghìn, ta được số **80 000**.
- Ta thấy: Số 75 000 cách đều hai số 70 000 và 80 000.
Quy ước: Khi làm tròn số **75 000** đến hàng chục nghìn, ta được số **80 000**.

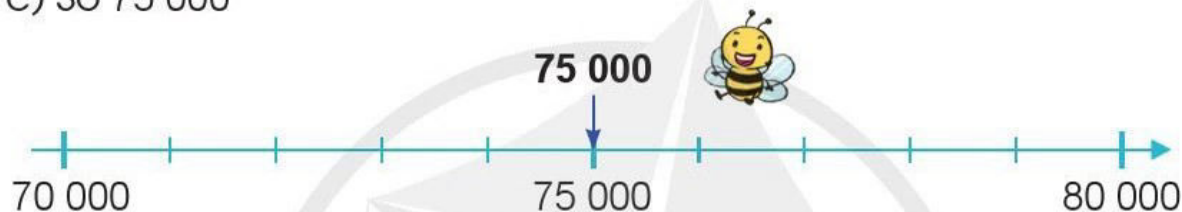
a) Số 42 000



b) Số 87 000



c) Số 75 000



3 Thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Làm tròn số 1 234 đến hàng chục.
- b) Làm tròn số 1 234 đến hàng trăm.
- c) Làm tròn số 1 234 đến hàng nghìn.



4 Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Làm tròn số 5 490 đến hàng nghìn ta được:

- A. 6 000. B. 5 500. C. 5 000. D. 5 400.

b) Làm tròn số 9 628 đến hàng trăm ta được:

- A. 9 630. B. 9 620. C. 9 700. D. 9 600.

5 Quan sát bảng sau rồi nói (theo mẫu):

Quãng đường	Chiều dài
Hà Nội – Lào Cai	286 km
Hà Nội – Lạng Sơn	154 km
Hà Nội – Hà Nam	63 km
Thành phố Hồ Chí Minh – Long An	47 km
Thành phố Hồ Chí Minh – An Giang	244 km
Thành phố Hồ Chí Minh – Kiên Giang	248 km

Mẫu: Quãng đường từ Hà Nội đến Lào Cai dài khoảng 290 km.

- a) Quãng đường từ Hà Nội đến Lạng Sơn dài khoảng km.
- b) Quãng đường từ Hà Nội đến Hà Nam dài khoảng km.
- c) Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Long An dài khoảng km.
- d) Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đến An Giang dài khoảng km.
- e) Quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Kiên Giang dài khoảng km.

6 Hiện nay, Việt Nam đã có những chuyến bay thẳng từ Thủ đô Hà Nội đến nhiều thủ đô của các quốc gia khác.

Để bay thẳng từ Thủ đô Hà Nội đến Thủ đô Pa-ri của nước Pháp, máy bay phải vượt qua quãng đường dài khoảng 9 190 km. Em hãy làm tròn độ dài quãng đường này đến hàng nghìn.



Thủ đô Pa-ri của nước Pháp

(Nguồn: <https://pixabay.com>)

LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Đọc các số sau: 1 879, 6 500, 43 001, 96 075, 47 293.

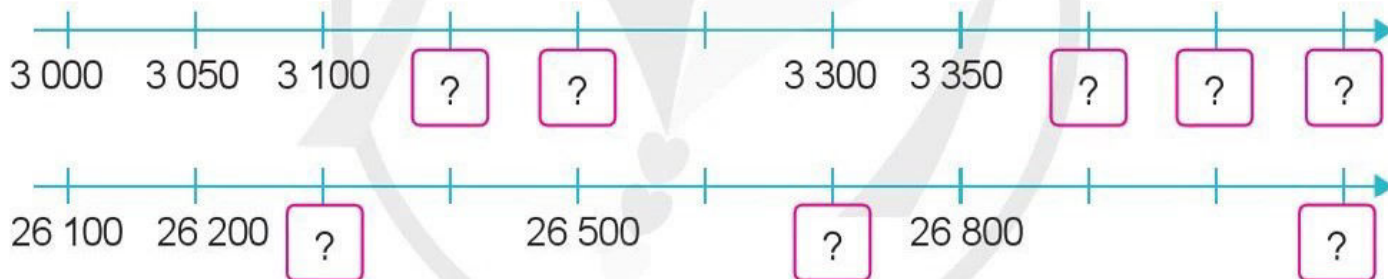
b) Viết các số sau:

Đọc số	Viết số
Hai nghìn bảy trăm sáu mươi lăm	?
Bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi tám	?
Chín mươi chín nghìn	?
Ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi tư	?

c) Viết các số ở câu b thành tổng của chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):

Mẫu: $2\ 765 = 2\ 000 + 700 + 60 + 5$

2 Số ?



3 Cho các số sau:



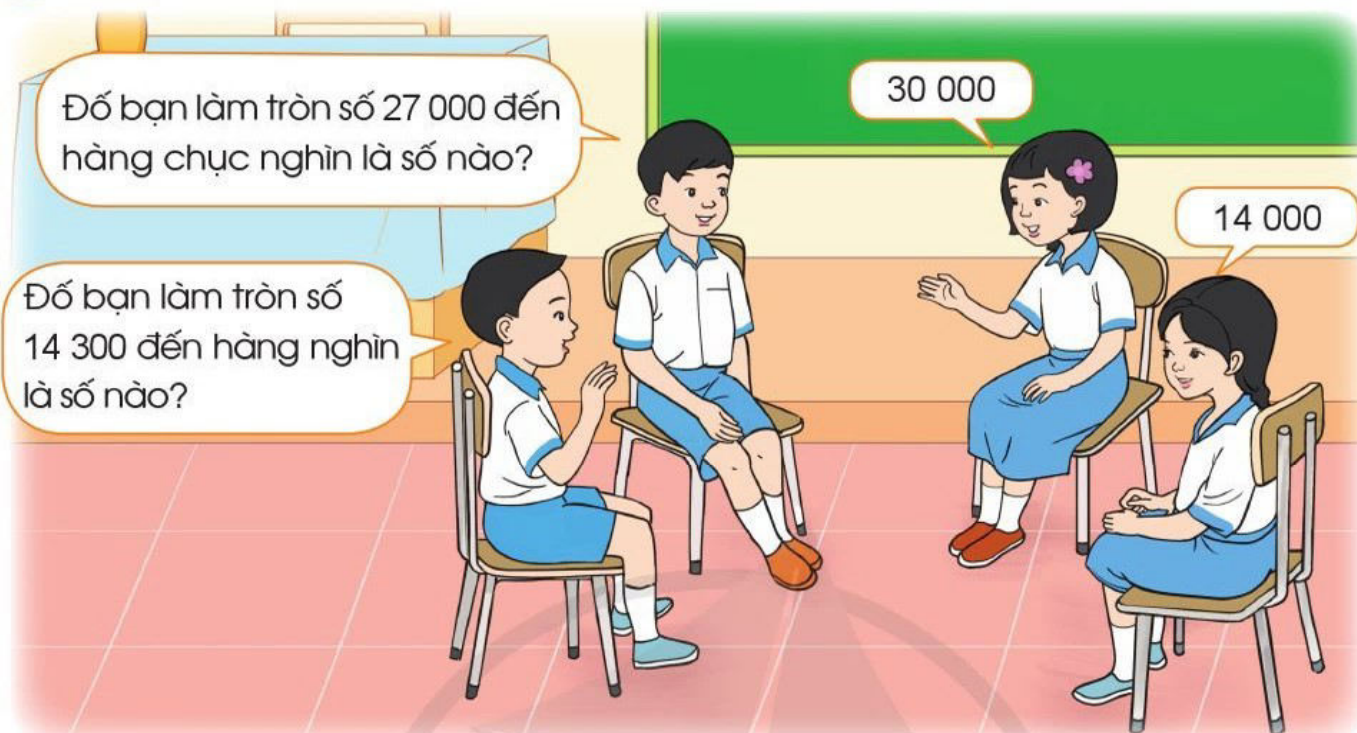
a) Tìm số bé nhất.

b) Tìm số lớn nhất.

c) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

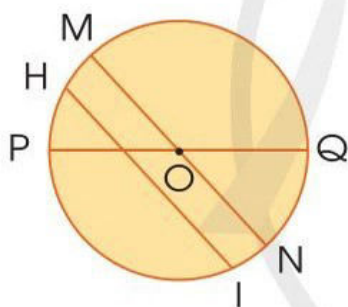
4

Thực hành: Làm tròn số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn.



5

a) Câu nào đúng, câu nào sai?



A. OM, ON, OP, OQ là các bán kính của hình tròn tâm O.

B. MN, PQ là các đường kính của hình tròn tâm O.

C. HI là đường kính của hình tròn tâm O.

b) Dùng compa vẽ một đường tròn vào vở.

6

a) Đọc cân nặng của mỗi con vật sau với đơn vị gam rồi cho biết con vật nào nặng nhất.



1 862 g



762 g



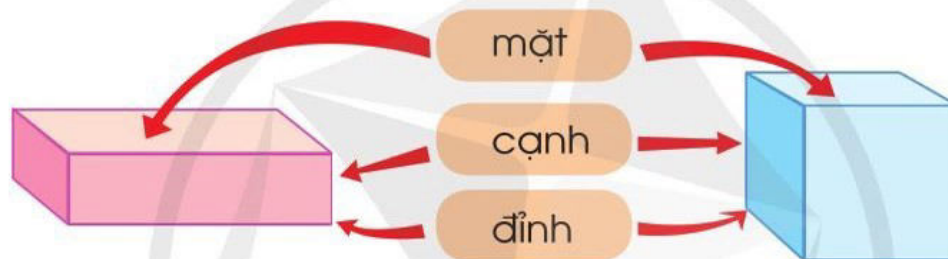
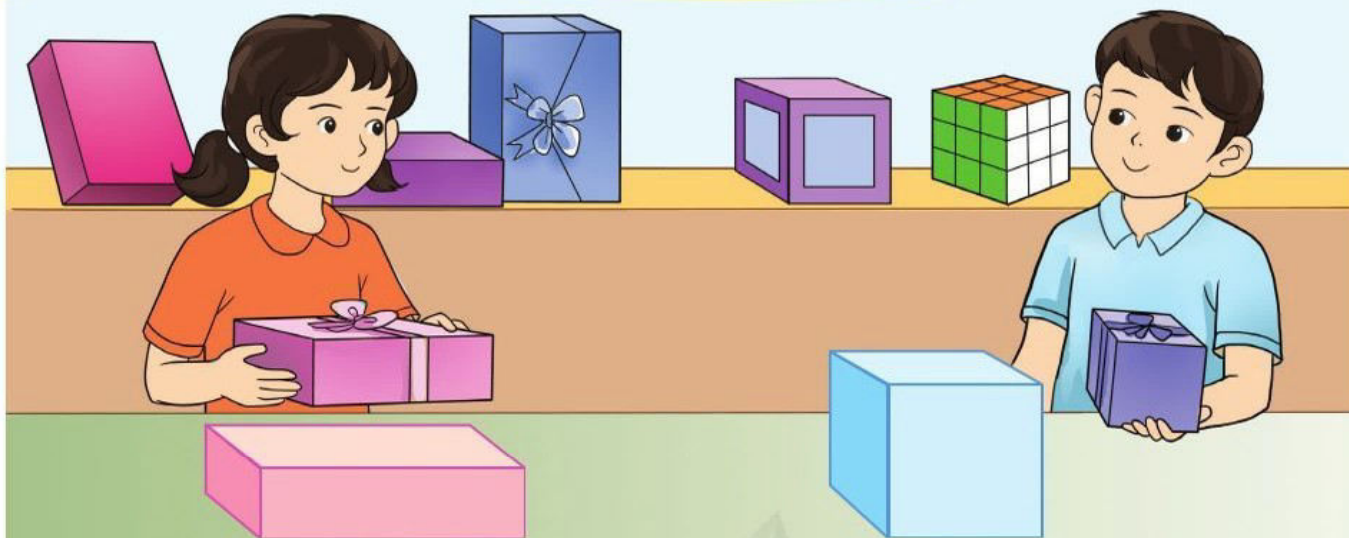
4 kg 876 g



2 kg 583 g

b) Kể một số tình huống thực tế sử dụng các số trong phạm vi 100 000.

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG



Khối hộp chữ nhật có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình chữ nhật
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

Khối lập phương có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình vuông
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

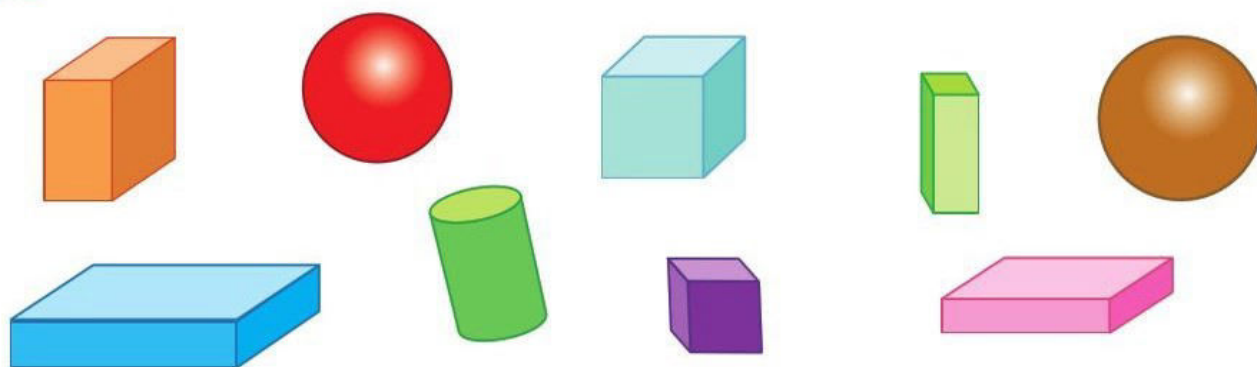
1

a) Lấy ra từ bộ đồ dùng học Toán một khối hộp chữ nhật và một khối lập phương rồi chỉ ra các đỉnh, cạnh, mặt của mỗi khối hình đó.

b) Chọn số thích hợp cho mỗi ô ? trong bảng dưới đây:

	Số đỉnh	Số cạnh	Số mặt
Khối hộp chữ nhật	?	?	?
Khối lập phương	?	?	?

2 Quan sát hình vẽ rồi trả lời các câu hỏi:

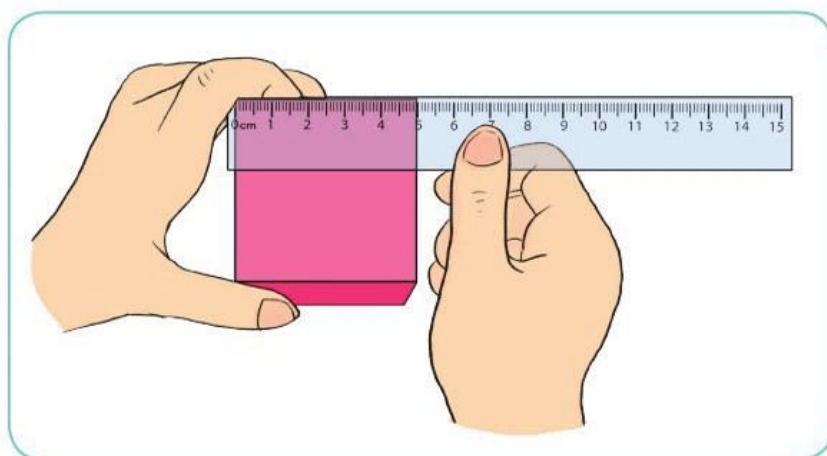


- a) Hình trên có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, bao nhiêu khối lập phương?
- b) Những hình nào có 6 mặt đều là hình vuông?
- c) Những hình nào có 12 cạnh?

3 Trò chơi “Đoán hình”



- ## 4
- Bạn Nguyễn nói rằng: “Chỉ cần đo độ dài 1 cạnh của chiếc hộp có dạng khối lập phương thì có thể biết được độ dài của tất cả các cạnh còn lại của chiếc hộp”. Em có đồng ý với bạn Nguyễn không? Tại sao?



THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ



9 giờ 10 phút



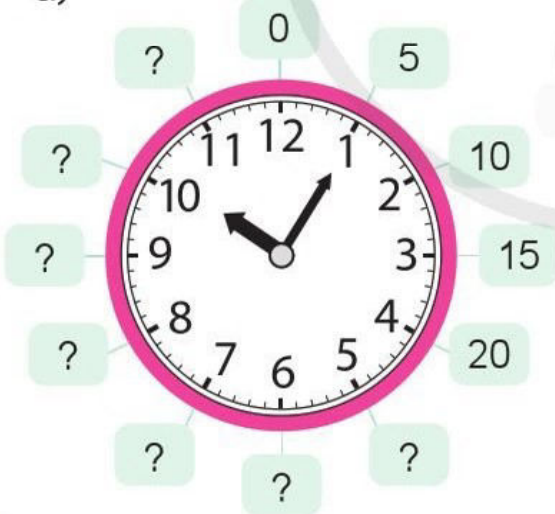
9 giờ 15 phút



9 giờ 35 phút

1 SỐ ?

a)



b)



? giờ ? phút



? giờ ? phút



? giờ ? phút

- 2 a) Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ: 6 giờ 5 phút và 6 giờ 10 phút. Từ 6 giờ 5 phút đến 6 giờ 10 phút là bao nhiêu phút?
b) Từ 11 giờ 25 phút đến 11 giờ 35 phút là bao nhiêu phút?

3 Xem đồng hồ và đọc giờ (theo mẫu):

Mẫu:



4 giờ 35 phút
hoặc
5 giờ kém 25 phút



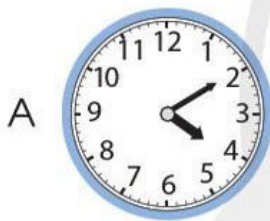
5 giờ 50 phút
hoặc
6 giờ kém 10 phút



12 giờ 55 phút
hoặc
1 giờ kém 5 phút



4 a) Mỗi đồng hồ sau tương ứng với cách đọc nào?



a) 4 giờ 10 phút

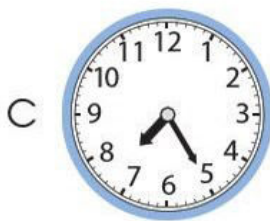
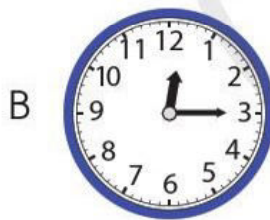
b) 7 giờ 25 phút

c) 12 giờ 15 phút

d) 8 giờ kém 10 phút

e) 11 giờ kém 15 phút

g) 10 giờ kém 5 phút



b) Xem đồng hồ và đọc giờ:



5 a) Nói hoạt động và thời gian diễn ra hoạt động ở mỗi bức tranh sau:

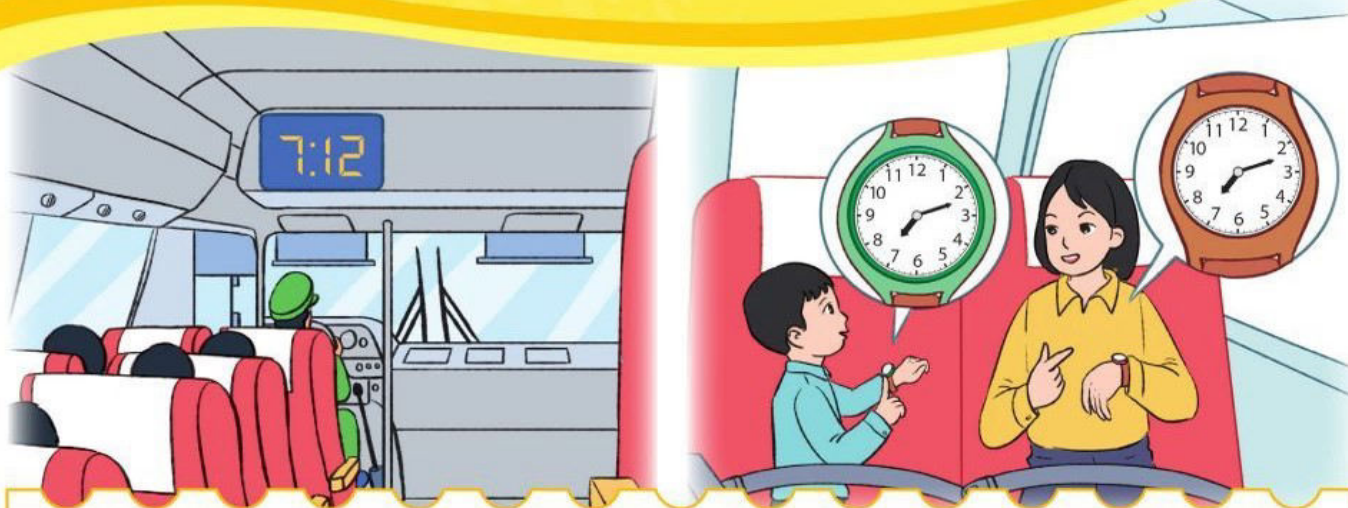


b) Bạn Nam muốn ghi lại thời gian tương ứng với mỗi hoạt động ở câu a, em hãy chỉ dẫn giúp bạn Nam.

Thời gian	Hoạt động
8 giờ 25 phút	Nhảy bao bố
?	Chơi kéo co
?	Ăn trưa
?	Chơi ô ăn quan
?	Truy tìm kho báu



THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ (tiếp theo)



7 giờ 12 phút



10 giờ 27 phút

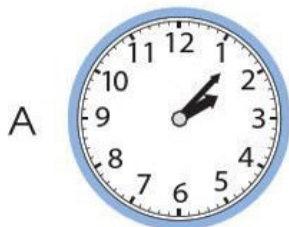


9 giờ 56 phút
hoặc
10 giờ kém 4 phút

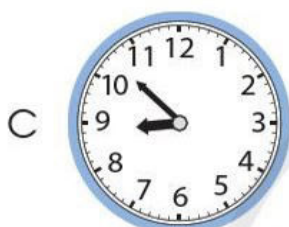
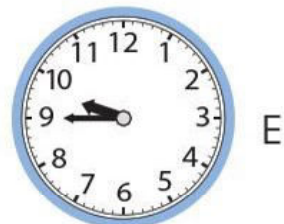
1 Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



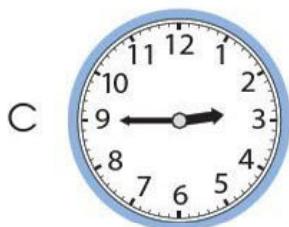
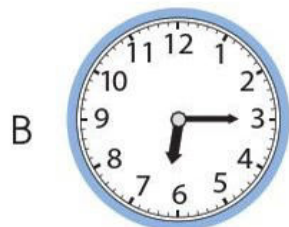
2 Mỗi đồng hồ sau tương ứng với cách đọc nào?



- a) 2 giờ 7 phút
- b) 11 giờ rưỡi
- c) 7 giờ 22 phút
- d) 9 giờ kém 8 phút
- e) 12 giờ 35 phút
- g) 10 giờ kém 15 phút



3 Hai đồng hồ nào dưới đây chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối?



4 Quan sát tranh vẽ rồi trả lời các câu hỏi:

a) Lan vẽ tranh trong thời gian bao nhiêu phút?



b) Hai bố con đã làm bánh trong thời gian bao nhiêu phút?



5 Trò chơi “Đố bạn”

Kim phút đang chỉ vào số 7.
Đố bạn sau 10 phút nữa
kim phút chỉ vào số mấy?

Kim phút chỉ vào số 9.



Tháng 1 có 31 ngày.



Ngày 1 tháng 5 là thứ Hai.



Tháng 6 có 30 ngày.



Tháng 1						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

Tháng 2						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28					

Tháng 5						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

Tháng 6						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		

Tháng 9						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

Tháng 10						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

Một năm có 12 tháng là: tháng Một, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một, tháng Mười hai.

2023

Tháng 3						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

Tháng 4						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30

Tháng 7						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

Tháng 8						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

Tháng 11						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Tháng 12						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Một năm có 12 tháng.



Một tuần có 7 ngày.



Số ngày trong từng tháng là:

Tháng 1 31 ngày	Tháng 2 28 hoặc 29 ngày	Tháng 3 31 ngày	Tháng 4 30 ngày
Tháng 5 31 ngày	Tháng 6 30 ngày	Tháng 7 31 ngày	Tháng 8 31 ngày
Tháng 9 30 ngày	Tháng 10 31 ngày	Tháng 11 30 ngày	Tháng 12 31 ngày

1

Trả lời các câu hỏi:

- Bây giờ đang là tháng mấy? Tháng này có bao nhiêu ngày?
- Những tháng nào trong năm có 30 ngày?
- Những tháng nào trong năm có 31 ngày?

2

Xem hai tờ lịch sau và trả lời các câu hỏi:

Tháng 11						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

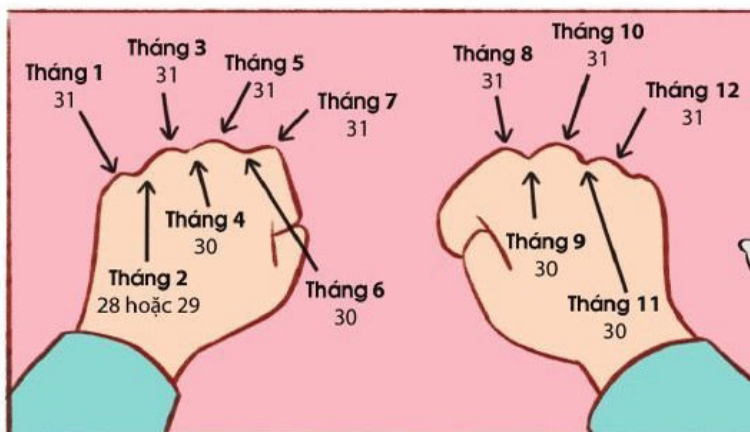
Tháng 12						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

- Tháng 11 có bao nhiêu ngày? Tháng 12 có bao nhiêu ngày?
- Ngày 20 tháng 11 là thứ mấy?
- Ngày cuối cùng của tháng 12 là thứ mấy?
- Các ngày Chủ nhật của tháng 12 là những ngày nào?

3

- Một triển lãm tranh diễn ra từ ngày 25 tháng 8 đến hết ngày 30 tháng 8. Hỏi triển lãm đó diễn ra trong bao nhiêu ngày?
- Hội chợ Xuân diễn ra trong một tuần bắt đầu từ ngày 9 tháng 1. Hỏi hội chợ đó kết thúc vào ngày nào?

4

Thực hành: Xác định số ngày trong mỗi tháng.

Tháng 1 có 31 ngày.



EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 a) Đọc mỗi số sau (theo mẫu):

- Chín mươi ba nghìn sáu trăm.
- Số 93 600 gồm 9 chục nghìn 3 nghìn 6 trăm.



93 600

96 821

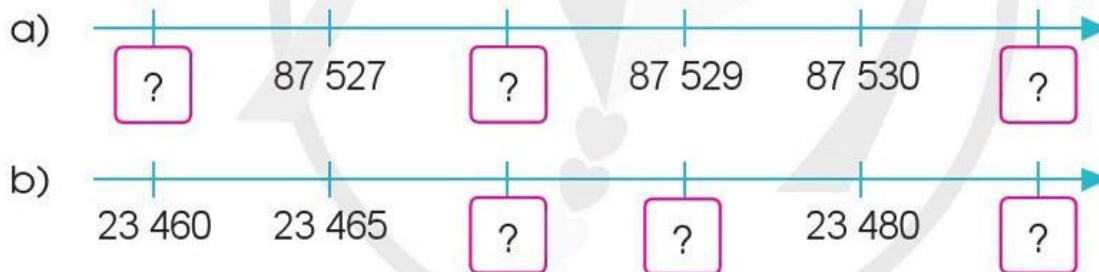
95 070

95 031

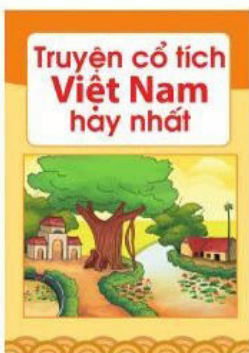
92 643

b) Trong các số ở câu a, số nào bé nhất, số nào lớn nhất?

2 Số ?



3 Làm tròn giá bán mỗi quyển sách sau đến hàng nghìn:



54 200 đồng

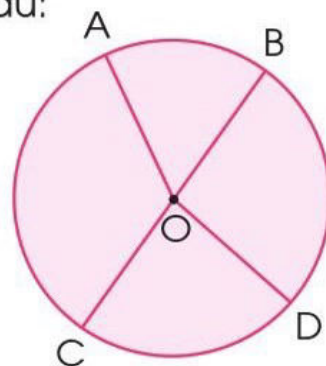


47 800 đồng

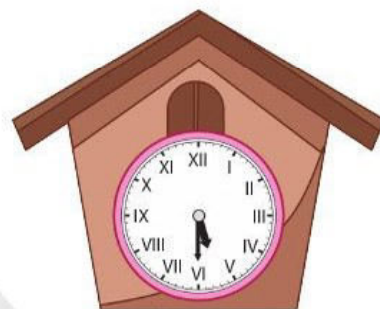


26 250 đồng

- 4** a) Nêu tâm, đường kính, bán kính của hình tròn sau:
 b) Chọn chữ đặt trước câu đúng:
 A. O là trung điểm của BC.
 B. O là trung điểm của AD.



- 5** a) Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



- b) Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:
 Ngày 30 tháng 8 là thứ Ba thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:
 A. Thứ Tư. B. Thứ Năm. C. Thứ Sáu. D. Thứ Bảy.

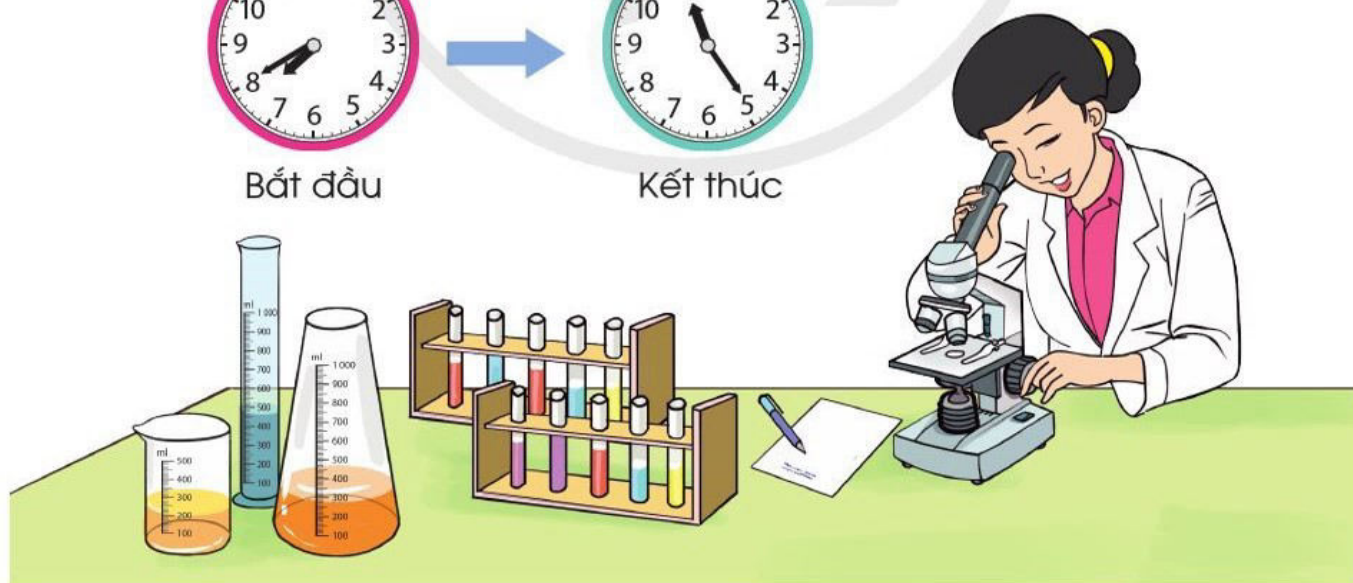
- 6** Quan sát tranh, trả lời câu hỏi:



Bắt đầu



Kết thúc



Chị Huyền bắt đầu làm việc lúc mấy giờ và kết thúc lúc mấy giờ?



**HỌC VUI
VUI HỌC**



EM VUI HỌC TOÁN

1 Thực hiện các hoạt động sau:

a) Viết một số có bốn chữ số bất kì.

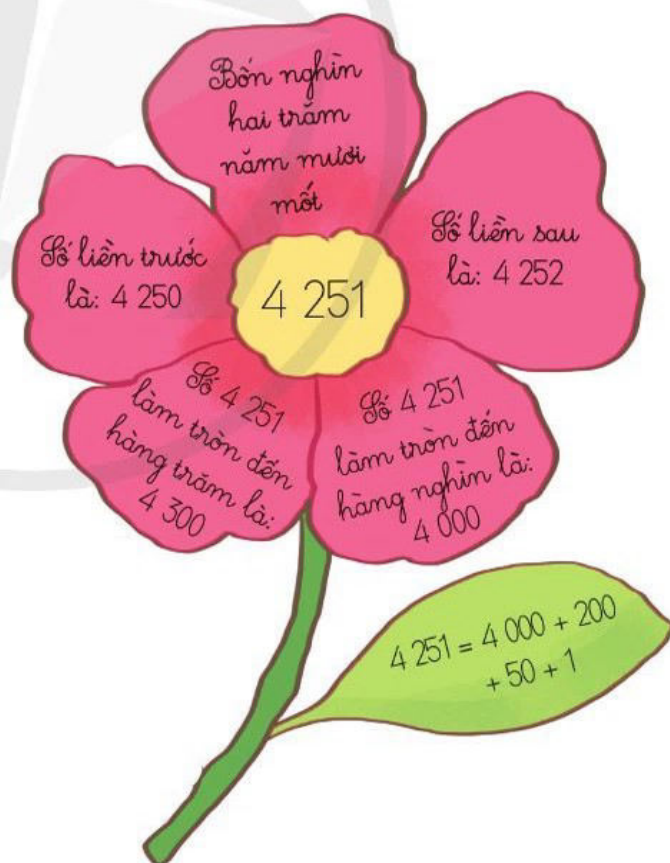
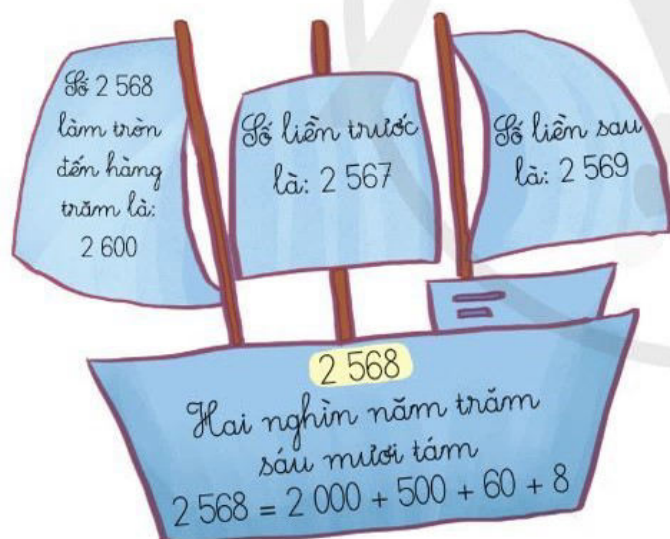
– Viết cách đọc số đó.

– Viết số đó thành tổng của nghìn, trăm, chục, đơn vị.

– Viết số liền trước (hoặc số liền sau) của số đó.

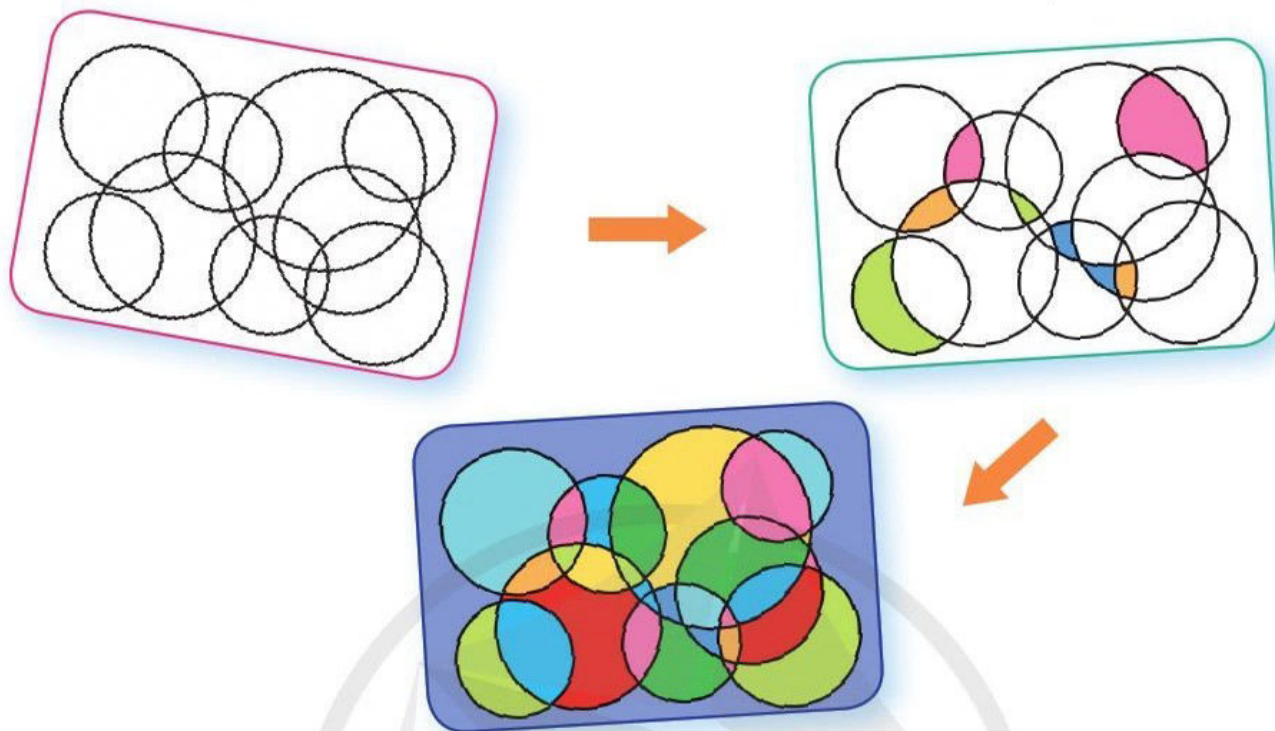
– Làm tròn số đó đến hàng trăm hoặc hàng nghìn.

b) Cắt, dán và viết các thông tin liên quan đến số vừa viết ở câu a rồi trang trí cho đẹp.



2 Góc sáng tạo: Trang trí hình tròn.

Dùng compa để vẽ các đường tròn rồi tô màu theo ý thích của em.



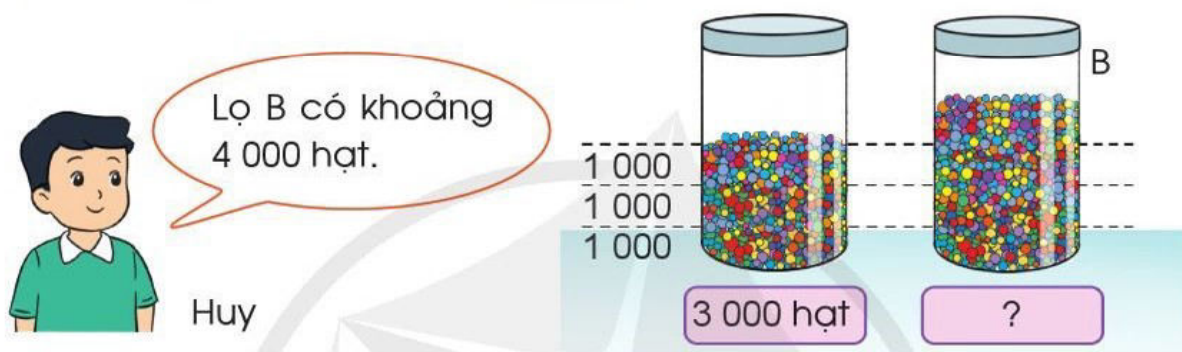
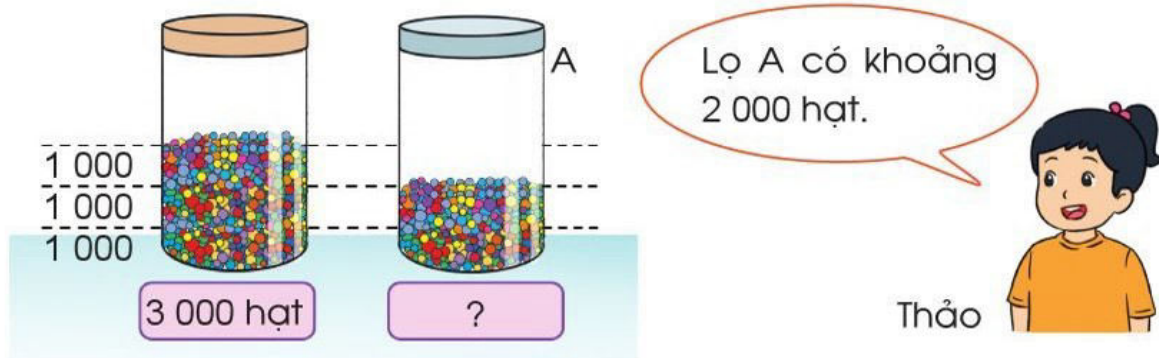
3 Thảo luận rồi vẽ đường tròn lớn trên sân trường mà không dùng compa.



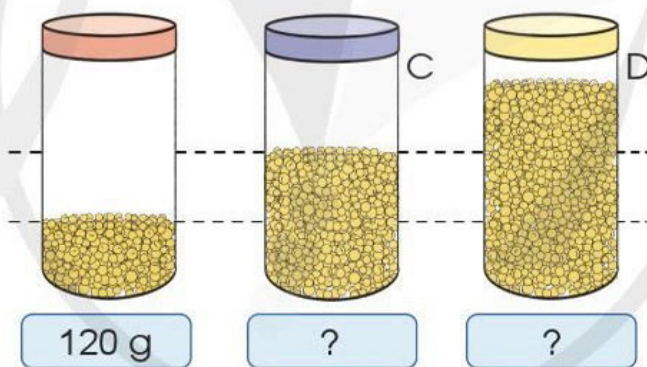
4

Tập ước lượng:

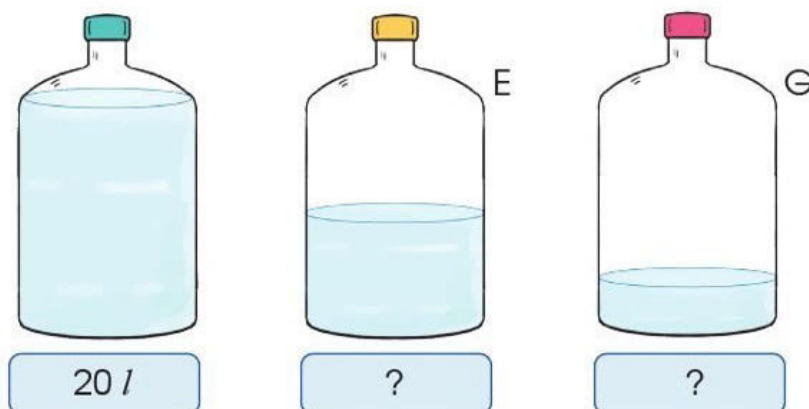
a) Quan sát tranh và nhận xét cách ước lượng của hai bạn dưới đây:



b) Quan sát tranh rồi ước lượng số gam hạt sen trong mỗi lọ sau:



c) Quan sát tranh rồi ước lượng mỗi bình sau chứa khoảng bao nhiêu lít nước:



4

CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA
TRONG PHẠM VI 100 000

Trò chơi	Cờ cá ngựa	Thả diều	Nhảy dây
Số người	4	6	3

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000



Tính $24\ 465 + 18\ 252 = ?$

$$\begin{array}{r} 24\ 465 \\ + 18\ 252 \\ \hline 42\ 717 \end{array}$$

- 5 cộng 2 bằng 7, viết 7.
- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 2 cộng 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

Vậy $24\ 465 + 18\ 252 = 42\ 717$

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 6\ 537 \\ + 2\ 348 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3\ 418 \\ + 2\ 657 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7\ 304 \\ + 876 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8\ 843 \\ + 207 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{l} 25\ 638 + 41\ 546 \\ 16\ 187 + 5\ 806 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 4\ 794 + 8\ 123 \\ 58\ 368 + 715 \end{array}$$

3 Tính nhẩm (theo mẫu):

Mẫu: 4 nghìn + 3 nghìn = 7 nghìn
 Vậy $4\ 000 + 3\ 000 = 7\ 000$

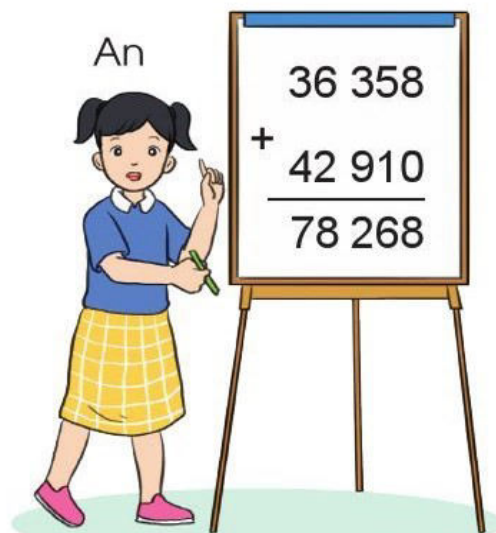
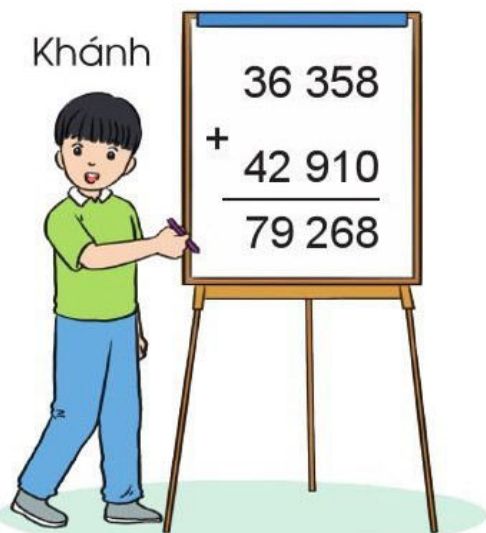
$$5\ 000 + 3\ 000$$

$$7\ 000 + 9\ 000$$

$$4\ 000 + 70\ 000$$

$$62\ 000 + 38\ 000$$

4 Theo em, bạn nào tính đúng?



5 Hưởng ứng phong trào “Kế hoạch nhỏ – Thu gom giấy vụn”, Trường Tiểu học Lê Văn Tám thu gom được 2 672 kg giấy vụn, Trường Tiểu học Kim Đồng thu gom được 2 718 kg giấy vụn. Hỏi cả hai trường đó thu gom được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

6 Quan sát sơ đồ, chỉ giúp Lan đường ngắn nhất đi từ nhà tới trường học và từ nhà tới bảo tàng.



PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

Nhà máy sản xuất được 25 285 hộp bánh, đã đóng gói xuất khẩu được 11 436 hộp. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu hộp bánh chưa đóng gói xuất khẩu?



Tính $25\ 285 - 11\ 436 = ?$

$$\begin{array}{r} 25\ 285 \\ - 11\ 436 \\ \hline 13\ 849 \end{array}$$

Vậy $25\ 285 - 11\ 436 = 13\ 849$

- 5 không trừ được 6, lấy 15 trừ 6 bằng 9, viết 9, nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4, 8 trừ 4 bằng 4, viết 4.
- 2 không trừ được 4, lấy 12 trừ 4 bằng 8, viết 8, nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.
- 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 3\ 154 \\ - 1\ 328 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64\ 173 \\ - 20\ 516 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15\ 380 \\ - 9\ 203 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

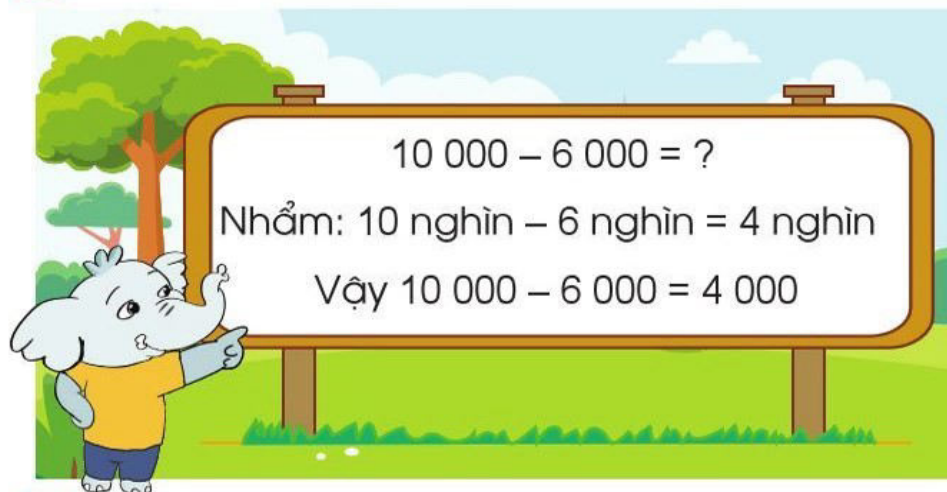
$$\begin{array}{r} 18\ 618 \\ - 9\ 584 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{l} 5\ 638 - 3\ 154 \\ 69\ 182 - 58\ 246 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 59\ 283 - 5\ 764 \\ 89\ 610 - 807 \end{array}$$

3 Tính nhẩm (theo mẫu):



$$7\,000 - 3\,000$$

$$10\,000 - 8\,000$$

$$72\,000 - 42\,000$$

$$100\,000 - 35\,000$$

4 Theo em, trái cây đặt trên đĩa cân nặng bao nhiêu gam?



5 Một video bài hát mới của một ban nhạc đã đạt được 84 000 lượt xem trên Internet ngay trong tuần đầu tiên. Hỏi để đạt được 100 000 lượt xem thì cần thêm bao nhiêu lượt xem nữa?



TIỀN VIỆT NAM



1 Số ?

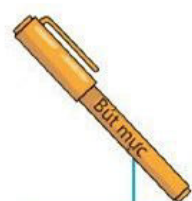


? đồng



? đồng

2 a) Chọn hai đồ vật em muốn mua ở hình dưới đây rồi tính số tiền phải trả.



12 000 đồng



8 000 đồng



15 000 đồng



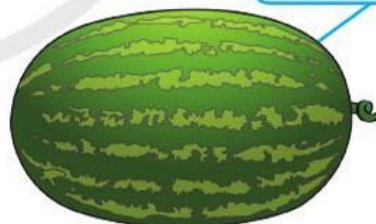
28 000 đồng

b) Tuấn có 100 000 đồng. Tuấn mua 1 bút mực, 1 thước kẻ và 1 hộp bút ở hình trên. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu tiền?

3 Quan sát hình vẽ, trả lời các câu hỏi:



39 000 đồng



49 000 đồng

a) Số tiền mua 1 quả dưa hấu nhiều hơn số tiền mua 1 khay táo là bao nhiêu?

b) Cửa hàng đang có chương trình khuyến mãi giảm giá 5 000 đồng mỗi khay táo cho khách hàng mua từ 2 khay táo trở lên. Hỏi khi mua 2 khay táo theo chương trình khuyến mãi này, bác Hồng phải trả bao nhiêu tiền?

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (KHÔNG NHỚ)

Để làm mỗi chiếc khăn bằng tơ sen cần 4 312 thân cây sen.

Làm 2 chiếc khăn như thế cần bao nhiêu thân cây sen?



Tính $4\,312 \times 2 = ?$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 4\,312 \\ \times \quad 2 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

Tính:

$$\begin{array}{r} 4\,312 \\ \times \quad 2 \\ \hline 8\,624 \end{array}$$

- 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.
- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.

Vậy $4\,312 \times 2 = 8\,624$

1 Tính:

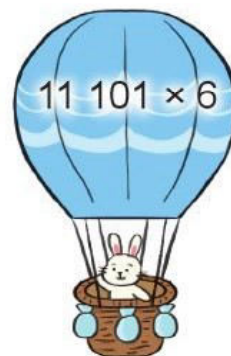
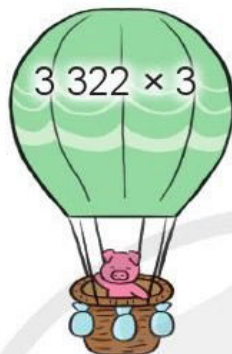
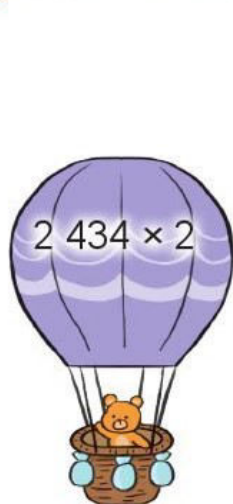
$$\begin{array}{r} 2\ 313 \\ \times \quad 3 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1\ 234 \\ \times \quad 2 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42\ 122 \\ \times \quad 2 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12\ 121 \\ \times \quad 4 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:



- 3** Mỗi quả dứa ép được 200 ml nước. Hỏi chị Lan ép 8 quả dứa như thế thì được bao nhiêu mi-li-lít nước dứa?



NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (CÓ NHỚ)



Tính $1\,325 \times 3 = ?$

Đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 1\,325 \\ \times \quad 3 \\ \hline 3\,975 \end{array}$$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5, nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy $1\,325 \times 3 = 3\,975$

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 1\,114 \\ \times \quad 6 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3\,293 \\ \times \quad 3 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34\,723 \\ \times \quad 2 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28\,102 \\ \times \quad 4 \\ \hline \boxed{?} \end{array}$$

2

Đặt tính rồi tính:

$$438 \times 2$$

$$1\,911 \times 5$$

$$7\,101 \times 8$$

$$12\,061 \times 4$$

3 Tính nhẩm (theo mẫu):



$$6\,000 \times 5$$

$$9\,000 \times 8$$

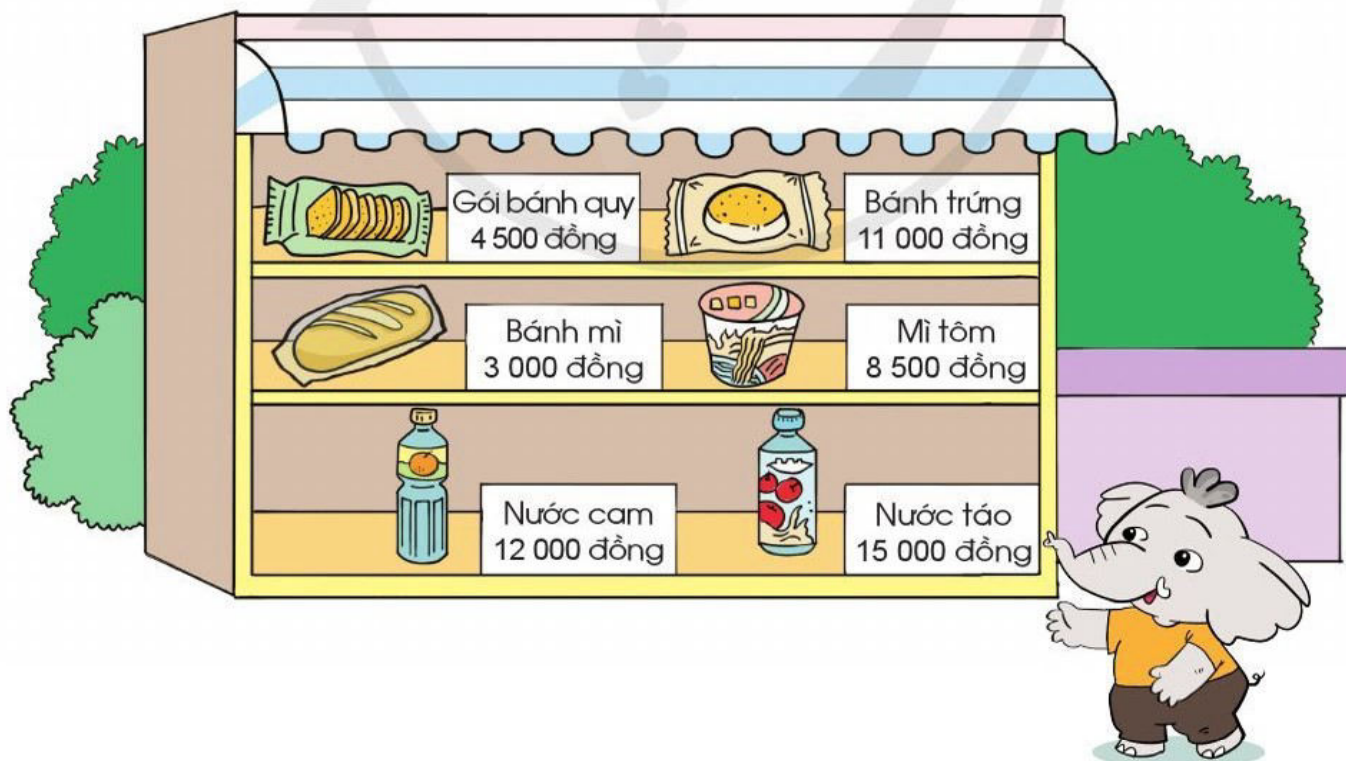
$$21\,000 \times 3$$

$$16\,000 \times 4$$

4 Số ?

Số đã cho	1 321	324	2 281	16 023
Gấp 2 lần số đã cho	2 642	?	?	?
Gấp 3 lần số đã cho	3 963	?	?	?

5 Chọn một mặt hàng em muốn mua ở bức tranh sau rồi tính xem nếu mua mặt hàng đó với số lượng là 5 thì cần trả bao nhiêu tiền.



LUYỆN TẬP

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 4\,234 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3\,192 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 21\,219 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11\,081 \\ \times \quad 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 825 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2\,418 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11\,405 \\ \times \quad 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12\,091 \\ \times \quad 8 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:

a)

$$3\,412 \times 2$$

$$2\,123 \times 4$$

$$1\,408 \times 6$$

b)

$$12\,331 \times 3$$

$$23\,714 \times 2$$

$$10\,611 \times 9$$

3 Tính nhẩm:

$$\begin{array}{l} 8\,000 \times 6 \\ 7 \times 9\,000 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 14\,000 \times 4 \\ 3 \times 29\,000 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 27\,000 \times 3 \\ 46\,000 \times 2 \end{array}$$

4 > < ?

$$13 \times 5 \quad ? \quad 31 \times 5$$

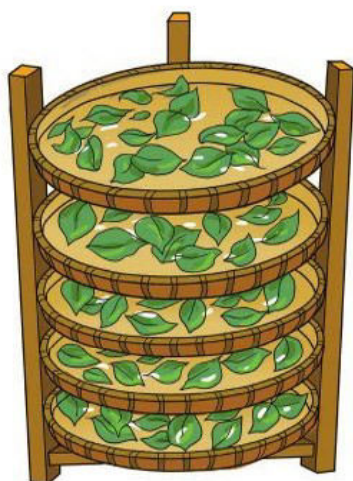
$$502 \times 6 \quad ? \quad 500 \times 6$$

$$240 \times 3 \quad ? \quad 420 \times 3$$

$$7 \times 620 \quad ? \quad 602 \times 7$$



- 5** Cô Sao nuôi tằm lấy tơ dệt vải, mỗi nong tằm cô thu được 182 kén. Hãy tính và nêu số kén tằm cô Sao có thể thu được trong các trường hợp sau:



Số nong tằm	1	2	3	4
Số kén thu được	182	?	?	?

- 6** Mỗi tòa nhà chung cư có 512 căn hộ. Hỏi 6 tòa nhà như vậy có tất cả bao nhiêu căn hộ?



CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

Trang trại có 3 936 quả dưa
cung cấp cho 3 siêu thị lớn.

Chia đều cho
3 siêu thị.



Tính $3\ 936 : 3 = ?$

$$\begin{array}{r}
 3\ 936 \overline{) 3} \\
 \underline{3} \\
 0\ 9 \\
 \underline{9} \\
 0\ 3 \\
 \underline{3} \\
 0\ 6 \\
 \underline{6} \\
 0
 \end{array}$$

- 3 chia 3 được 1, viết 1.
1 nhân 3 bằng 3, 3 trừ 3 bằng 0.
- Hạ 9, 9 chia 3 được 3, viết 3.
3 nhân 3 bằng 9, 9 trừ 9 bằng 0.
- Hạ 3, 3 chia 3 được 1, viết 1.
1 nhân 3 bằng 3, 3 trừ 3 bằng 0.
- Hạ 6, 6 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6, 6 trừ 6 bằng 0.

Vậy $3\ 936 : 3 = 1\ 312$

1 Tính:

$$4\ 862 \overline{) 2}$$

$$9\ 639 \overline{) 3}$$

$$48\ 488 \overline{) 4}$$



- 2 a) Tính rồi nêu thương và số dư trong mỗi phép chia sau:

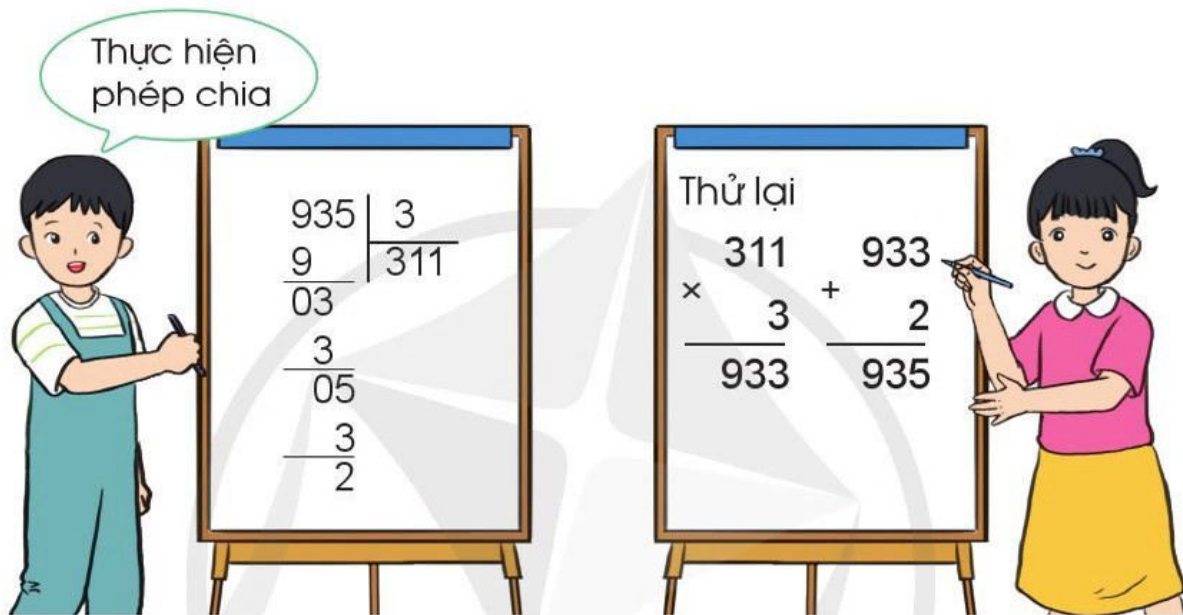
$$425 \overline{) 2}$$

$$55\,558 \overline{) 5}$$

- b) Thực hiện các phép chia rồi thử lại (theo mẫu):

Mẫu: $935 : 3 = ?$

Thực hiện phép chia



$$\begin{array}{r} 935 \overline{) 3} \\ 9 \overline{) 311} \\ \underline{03} \\ 3 \\ \underline{05} \\ 3 \\ \underline{3} \\ 2 \end{array}$$

Thử lại

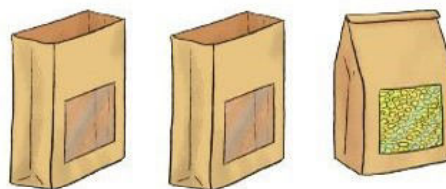
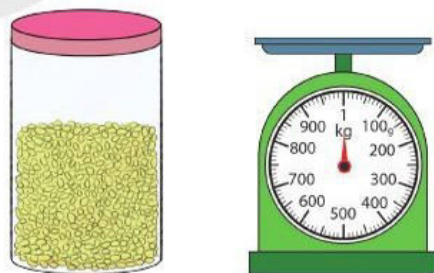
$$\begin{array}{r} 311 \\ \times 3 \\ \hline 933 \end{array} \quad + \quad \begin{array}{r} 933 \\ + 2 \\ \hline 935 \end{array}$$

Vậy $935 : 3 = 311$ (dư 2)

4 247 : 2

8 446 : 4

- 3 Có 930 g đỗ xanh, chia đều vào 3 túi. Hỏi mỗi túi đỗ xanh như thế cân nặng bao nhiêu gam?



CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)

Có 685 quyển sách xếp đều vào 5 thùng.



Tính $685 : 5 = ?$

$$\begin{array}{r} 685 \quad | \quad 5 \\ 5 \quad \downarrow \quad | \quad 137 \\ 18 \quad \downarrow \quad | \\ 15 \quad \downarrow \quad | \\ 35 \quad \downarrow \quad | \\ 35 \quad \downarrow \quad | \\ 0 \end{array}$$

- 6 chia 5 được 1, viết 1.
1 nhân 5 bằng 5, 6 trừ 5 bằng 1.
- Hạ 8, được 18, 18 chia 5 được 3, viết 3.
3 nhân 5 bằng 15, 18 trừ 15 bằng 3.
- Hạ 5, được 35, 35 chia 5 được 7, viết 7.
7 nhân 5 bằng 35, 35 trừ 35 bằng 0.

Vậy $685 : 5 = 137$

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 348 \quad | \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 728 \quad | \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 847 \quad | \quad 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 896 \quad | \quad 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 651 \quad | \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 846 \quad | \quad 6 \\ \hline \end{array}$$



2

Đặt tính rồi tính:

a) $955 : 5$

b) $5\,428 : 2$

c) $32\,457 : 2$

$348 : 3$

$6\,729 : 3$

$52\,645 : 4$

$764 : 4$

$4\,856 : 4$

$84\,674 : 6$

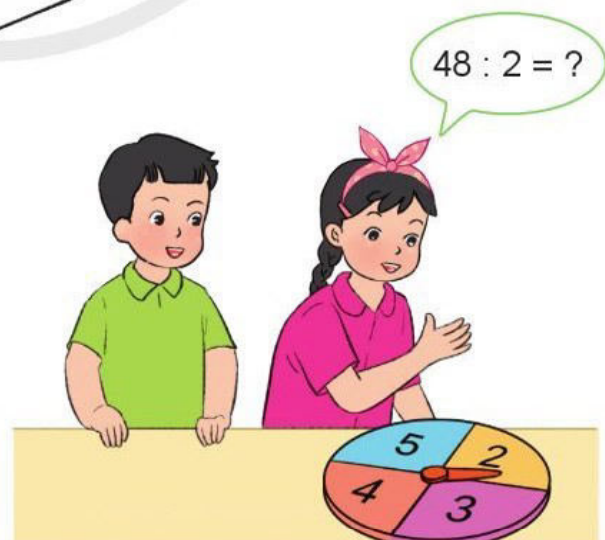
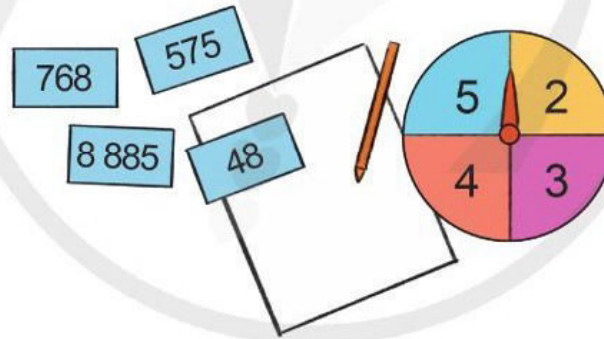
3

Một nhà máy sản xuất được 426 chiếc ô tô đồ chơi trong 3 ngày. Hỏi mỗi ngày nhà máy đó sản xuất được bao nhiêu chiếc ô tô đồ chơi? Biết mỗi ngày nhà máy sản xuất được số chiếc ô tô đồ chơi bằng nhau.



4

Lấy một thẻ số và chọn số ghi trên thẻ làm số bị chia, quay kim trên hình tròn để chọn số chia. Thực hiện phép chia rồi nêu kết quả:



LUYỆN TẬP

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 612 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 854 \\ \hline 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9\ 848 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4\ 851 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36\ 542 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69\ 684 \\ \hline 6 \end{array}$$

2 Tính rồi nêu thương và số dư trong mỗi phép chia sau:

a) $867 : 4$

b) $8\ 479 : 7$

c) $36\ 425 : 2$

$518 : 3$

$6\ 592 : 5$

$89\ 689 : 8$

3 Có 3 455 m vải, may mỗi bộ đồng phục hết 2 m. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ đồng phục và còn thừa mấy mét vải?



4

Số ?

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
7 594	3	?	?
8 498	7	?	?
56 472	4	?	?
60 859	5	?	?

5

Thực hiện các phép chia sau rồi dùng phép nhân để thử lại:

$$79\,184 : 7$$

$$57\,647 : 3$$

6

Trong trang trại nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, anh Thịnh trồng 8 660 cây ớt chuông trong 4 nhà kính, các nhà kính có số cây như nhau. Hỏi mỗi nhà kính có bao nhiêu cây ớt chuông?



CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)



$$\begin{array}{r}
 5\ 236 \quad | \quad 4 \\
 \underline{4} \\
 1\ 2 \\
 \underline{1\ 2} \\
 03 \\
 \underline{0} \\
 36 \\
 \underline{36} \\
 0
 \end{array}$$

Tính $5\ 236 : 4 = ?$

- 5 chia 4 được 1, viết 1.
1 nhân 4 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1.
- Hạ 2, được 12, 12 chia 4 được 3, viết 3.
3 nhân 4 bằng 12, 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 3, 3 chia 4 được 0, viết 0.
0 nhân 4 bằng 0, 3 trừ 0 bằng 3.
- Hạ 6, được 36, 36 chia 4 được 9, viết 9.
9 nhân 4 bằng 36, 36 trừ 36 bằng 0.

Vậy $5\ 236 : 4 = 1\ 309$

1 Tính:

$$327 \quad | \quad 3$$

$$636 \quad | \quad 6$$

$$7\ 632 \quad | \quad 4$$

$$8\ 448 \quad | \quad 8$$

$$2\ 167 \quad | \quad 2$$

$$8\ 516 \quad | \quad 5$$



2 Đặt tính rồi tính:

$$4\ 152 : 2$$

$$8\ 340 : 4$$

$$54\ 805 : 5$$

$$84\ 549 : 6$$

3 Đặt tính rồi tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 1\ 628 \overline{) 4} \\ \underline{1\ 6} \\ 02 \\ \underline{0} \\ 28 \\ \underline{28} \\ 0 \end{array}$$

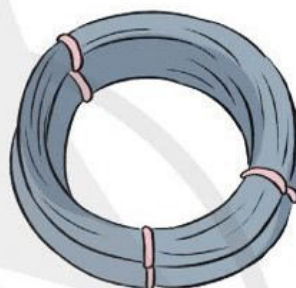
$$249 : 3$$

$$6\ 318 : 9$$

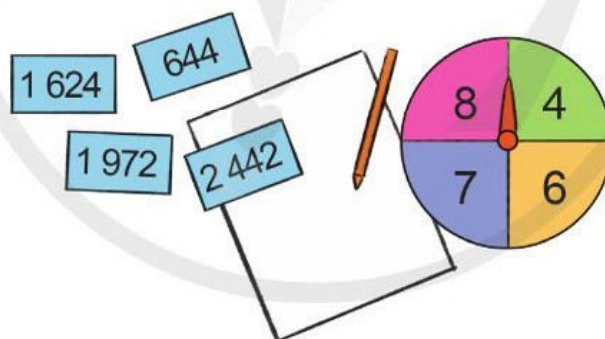
$$45\ 307 : 5$$

$$12\ 187 : 2$$

- 4 Cuộn dây thép dài 192 m, người ta định cắt cuộn dây thành các đoạn dây dài 5 m. Hỏi cắt được nhiều nhất bao nhiêu đoạn dây như thế và còn thừa mấy mét dây?



- 5 Lấy một thẻ số và chọn số ghi trên thẻ làm số bị chia, quay kim trên hình tròn để chọn số chia. Thực hiện phép chia rồi nêu kết quả:



$$1\ 624 : 4 = ?$$



LUYỆN TẬP

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 696 \\ 3 \overline{) } \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5\,692 \\ 4 \overline{) } \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2\,455 \\ 6 \overline{) } \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45\,615 \\ 3 \overline{) } \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính:

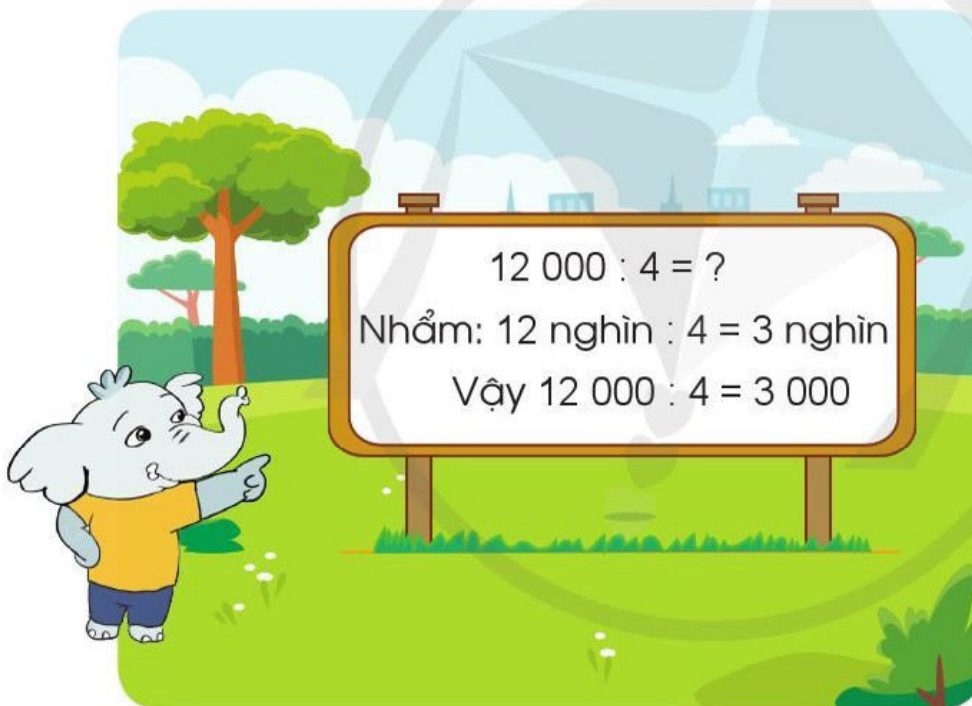
$$7\,684 : 2$$

$$4\,535 : 5$$

$$68\,138 : 3$$

$$34\,816 : 4$$

3 Tính nhẩm (theo mẫu):



$$\begin{array}{l} 8\,000 : 2 \\ 40\,000 : 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 36\,000 : 9 \\ 42\,000 : 7 \end{array}$$

4 Đặt tính rồi tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 8\,426 \\ 2 \overline{) } \\ 0\,4 \\ 02 \\ 06 \\ 0 \end{array}$$

$$93\,663 : 3$$

$$45\,684 : 4$$

$$21\,357 : 7$$

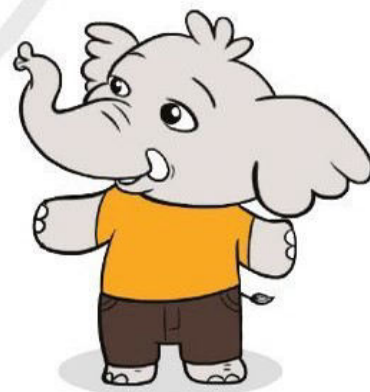
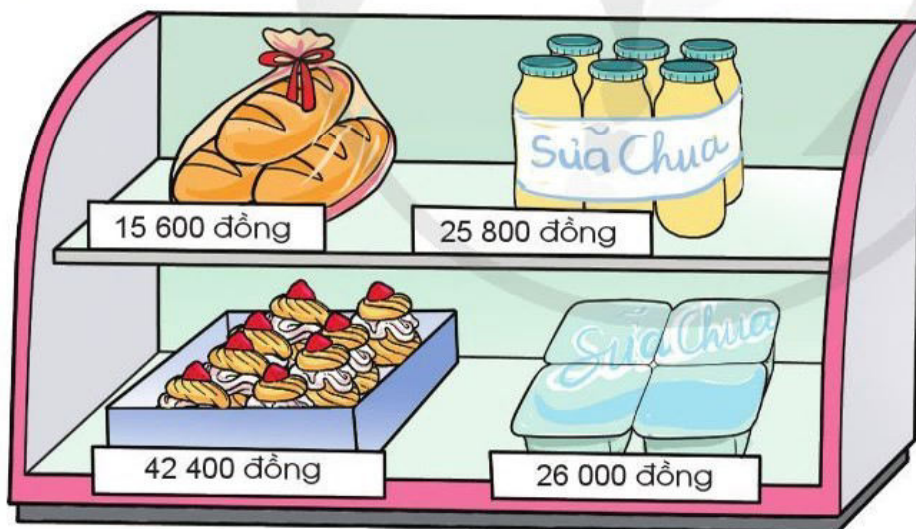


- 5** Một xưởng sản xuất nước mắm đã sản xuất được 1 230 l nước mắm, người ta muốn đóng vào các can như nhau. Hãy tính và nêu số can nước mắm đóng được trong các trường hợp sau:



Số lít mỗi can	2 l	3 l	5 l
Số can	?	?	?

- 6** Đọc giá tiền mỗi mặt hàng sau rồi trả lời các câu hỏi:



- a) Mua 1 lốc sữa chua có 6 chai hết 25 800 đồng. Hỏi mỗi chai sữa chua có giá bao nhiêu tiền?
- b) Mua 1 hộp bánh su kem có 8 chiếc hết 42 400 đồng. Hỏi mỗi chiếc bánh su kem có giá bao nhiêu tiền?

LUYỆN TẬP CHUNG

1 a) Đặt tính rồi tính:

$$6\,341 \times 2$$

$$1\,903 \times 5$$

$$4\,151 \times 6$$

$$12\,106 \times 8$$

b) Thực hiện các phép chia rồi dùng phép nhân để thử lại:

$$2\,486 : 2$$

$$5\,657 : 5$$

$$84\,357 : 7$$

$$64\,849 : 8$$

2 Tính nhẩm:

$$6\,000 \times 5$$

$$80\,000 : 2$$

$$54\,000 : 9$$

$$24\,000 \times 4$$

$$100\,000 : 5$$

$$32\,000 : 8$$

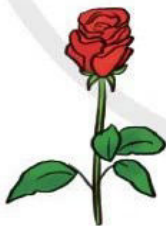
3 Người ta lắp bánh xe vào các ô tô, mỗi ô tô cần phải lắp 4 bánh xe. Hỏi có 1 634 bánh xe thì lắp được nhiều nhất bao nhiêu ô tô như thế và còn thừa mấy bánh xe?

4 Quan sát hình vẽ:



Hoa ly

15 000 đồng



Hoa hồng

4 500 đồng



Hoa đồng tiền

5 300 đồng



Hoa phăng

6 000 đồng

a) Trả lời các câu hỏi:

– Mua 6 bông hoa hồng phải trả bao nhiêu tiền?

– Mua 4 bông hoa ly và 5 bông hoa phăng phải trả bao nhiêu tiền?

b) Chọn số bông hoa em muốn mua rồi tính số tiền phải trả.

TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH



A. TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG

$$\begin{array}{l} 7 + 3 = 10 \\ 3 = 10 - 7 \\ 7 = 10 - 3 \end{array}$$

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

1 Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

a) $10 + ? = 15$

b) $? + 4 = 9$

c) $2\,000 + ? = 3\,400$

$123 + ? = 130$

$? + 50 = 370$

$? + 652 = 700$

2 Số ?

Số hạng	10	76	16	12	?	?
Số hạng	6	8	?	?	8	85
Tổng	?	?	26	37	12	95

Thùng còn
3 cuốn sách.



Tôi đã xếp 6 cuốn sách
lên giá. Đố bạn Voi:
Lúc đầu thùng có mấy
cuốn sách?

$$\boxed{?} - 6 = 3$$

B. TÌM SỐ BỊ TRỪ, TÌM SỐ TRỪ

1. Tìm số bị trừ

$$\triangle 9 - \bigcirc 6 = \square 3$$

$$\triangle 9 = \square 3 + \bigcirc 6$$

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu
cộng với số trừ.

2. Tìm số trừ

$$\triangle 9 - \bigcirc 6 = \square 3$$

$$\bigcirc 6 = \triangle 9 - \square 3$$

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ
trừ đi hiệu.

3. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

a) $\boxed{?} - 8 = 10$

b) $16 - \boxed{?} = 12$

c) $\boxed{?} - 226 = 10$

$\boxed{?} - 20 = 30$

$50 - \boxed{?} = 45$

$721 - \boxed{?} = 700$

4. Số ?

Số bị trừ	33	?	?	?	82	164	2 340
Số trừ	7	8	27	32	?	?	?
Hiệu	?	43	9	22	32	100	2 300

5 a) Lúc đầu trong ổ có 10 quả trứng, một số quả trứng đã nở, còn lại 6 quả trứng chưa nở. Hỏi có mấy quả trứng đã nở?

b) Anh Nam mua vé vào xem hội chợ hết 12 000 đồng, người bán vé trả lại anh Nam 8 000 đồng. Hỏi anh Nam đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền?



6 Thực hiện các hoạt động sau:

a) Viết một phép cộng, ví dụ: $175 + 207 = ?$

Tính tổng rồi sử dụng phép trừ để kiểm tra lại kết quả.

Tính:

$$\begin{array}{r} 175 \\ + 207 \\ \hline 382 \end{array}$$

$$175 + 207 = 382$$

Thử lại:

$$\begin{array}{r} 382 \\ - 207 \\ \hline 175 \end{array}$$

$$382 - 207 = 175$$

Để kiểm tra lại kết quả, ta có thể lấy tổng trừ đi một số hạng. Nếu có kết quả bằng số hạng kia thì phép cộng đã được thực hiện đúng.



b) Viết một phép trừ, ví dụ: $209 - 76 = ?$

Tính hiệu rồi sử dụng phép cộng để kiểm tra lại kết quả.

Tính:

$$\begin{array}{r} 209 \\ - 76 \\ \hline 133 \end{array}$$

$$209 - 76 = 133$$

Thử lại:

$$\begin{array}{r} 133 \\ + 76 \\ \hline 209 \end{array}$$

$$133 + 76 = 209$$

Để kiểm tra lại kết quả, ta có thể lấy hiệu cộng với số trừ. Nếu có kết quả bằng số bị trừ thì phép trừ đã được thực hiện đúng.



c) Viết phép cộng, phép trừ khác rồi cùng bạn tính và kiểm tra lại kết quả.

TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH (tiếp theo)

Mỗi tuần mình sẽ
đọc 2 tập truyện.

Bộ truyện đó có
tất cả 8 tập.

Bạn đọc hết
bộ truyện đó
trong mấy tuần?



$$2 \times ? = 8$$

A. TÌM MỘT THỪ SỐ CỦA PHÉP NHÂN

$$2 \times 4 = 8$$

$$4 = 8 : 2$$

$$2 = 8 : 4$$

Muốn tìm một thừa số ta lấy
tích chia cho thừa số kia.

1 Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

a) $3 \times ? = 27$

$4 \times ? = 48$

b) $? \times 3 = 603$

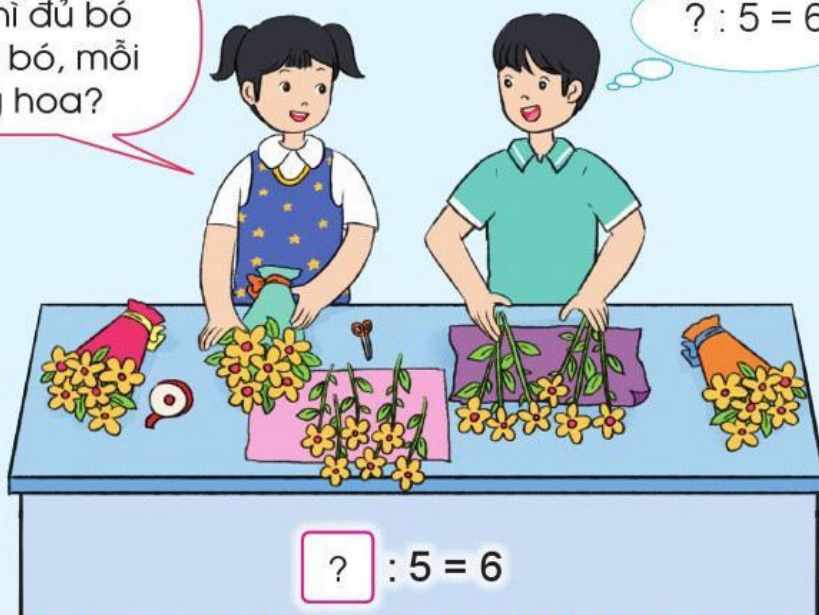
$? \times 2 = 8\ 284$

2 Số ?

Thừa số	31	9	5	?	?	?
Thừa số	3	?	?	8	4	5
Tích	?	36	85	64	96	5 505

Để bạn cần bao nhiêu
bông hoa thì đủ bó
đều thành 5 bó, mỗi
bó 6 bông hoa?

$$? : 5 = 6$$



B. TÌM SỐ BỊ CHIA, TÌM SỐ CHIA

1. Tìm số bị chia

$$30 : 5 = 6$$

$$30 = 6 \times 5$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

2. Tìm số chia

$$30 : 5 = 6$$

$$5 = 30 : 6$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

3. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

a) $? : 5 = 30$

b) $24 : ? = 4$

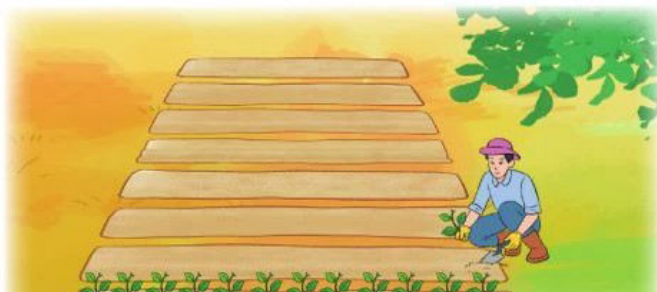
c) $? : 2 = 321$

$? : 4 = 11$

$69 : ? = 3$

$884 : ? = 2$

4. Bác Năm muốn lấy một số cây để trồng vào 8 luống, mỗi luống 12 cây. Tính số cây bác Năm cần lấy.



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

a) $1\ 536 + \boxed{?} = 6\ 927$ b) $\boxed{?} - 42 = 981$ c) $4\ 492 - \boxed{?} = 1\ 059$

$\boxed{?} + 729 = 8\ 153$ $\boxed{?} - 3\ 236 = 8\ 462$ $3\ 298 - \boxed{?} = 225$

d) $2 \times \boxed{?} = 1\ 846$

e) $\boxed{?} : 3 = 1\ 527$

g) $2\ 416 : \boxed{?} = 4$

$\boxed{?} \times 3 = 2\ 307$

$\boxed{?} : 4 = 1\ 823$

$7\ 545 : \boxed{?} = 5$

2 Tính kết quả của các phép trừ sau rồi dùng phép cộng để thử lại:

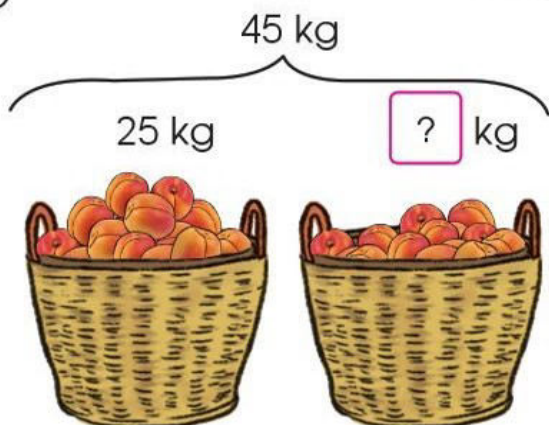
$75\ 905 - 54\ 732$

$90\ 009 - 87\ 004$

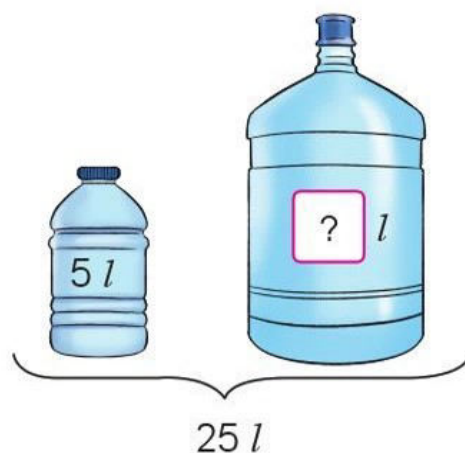


3 Số ?

a)



b)



- 4 Có 1 690 thùng hàng cần chuyển đến các siêu thị. Người ta đã vận chuyển được 4 chuyến, mỗi chuyến 218 thùng hàng. Hỏi còn bao nhiêu thùng hàng chưa được chuyển đi?



5 Thực hiện các hoạt động sau:

- a) Viết một phép chia, ví dụ: $246 : 2 = ?$
Tính thương rồi sử dụng phép nhân để kiểm tra lại kết quả.

Tính:

$$\begin{array}{r} 246 \overline{) 2} \\ 04 \overline{) 123} \\ 06 \\ 0 \end{array}$$

$$246 : 2 = 123$$

Thử lại:

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times 2 \\ \hline 246 \end{array}$$

$$123 \times 2 = 246$$

Để kiểm tra lại kết quả, ta có thể lấy thương nhân với số chia. Nếu có kết quả bằng số bị chia thì phép chia đã được thực hiện đúng.



- b) Tính kết quả của các phép chia sau rồi dùng phép nhân để thử lại:

$$59\,190 : 3$$

$$70\,826 : 7$$

- c) Viết phép chia khác rồi cùng bạn tính và kiểm tra lại kết quả.

- 6 Đức đồ Linh: Mua 4 chiếc bút hết 92 000 đồng. Hỏi mỗi chiếc bút giá bao nhiêu tiền?

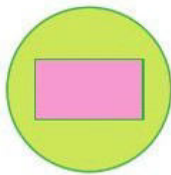
Em hãy giúp Linh trả lời câu hỏi trên và đặt thêm các câu hỏi tương tự rồi để bạn thực hiện.

DIỆN TÍCH MỘT HÌNH

Đây là bề mặt
chiếc bàn.

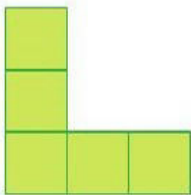


Đây là bề mặt
quyển sách.

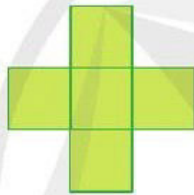


- Hình chữ nhật nằm hoàn toàn trong hình tròn.

Ta nói: Diện tích hình chữ nhật bé hơn diện tích hình tròn.

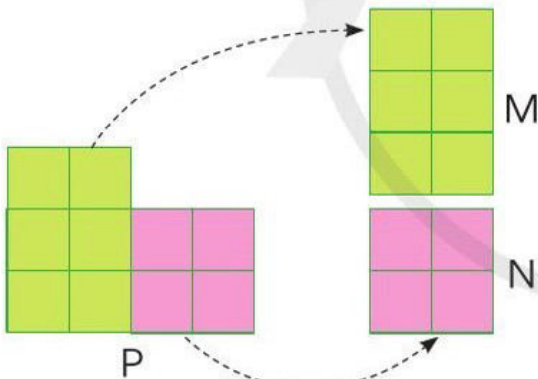


A



B

- Hình A gồm 5 ô vuông như nhau. Hình B cũng gồm 5 ô vuông như thế. Ta nói: Diện tích hình A bằng diện tích hình B.



P

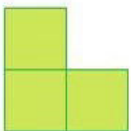
M

N

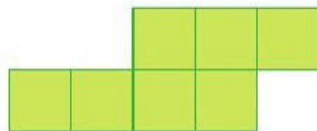
- Hình P gồm 10 ô vuông như nhau được tách thành hình M gồm 6 ô vuông và hình N gồm 4 ô vuông.

Ta nói: Diện tích hình P bằng tổng diện tích hình M và hình N.

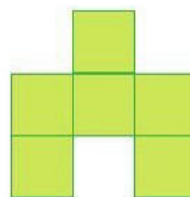
1 Diện tích mỗi hình sau gồm bao nhiêu ô vuông?



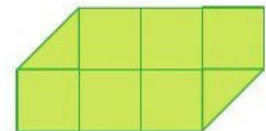
A



B

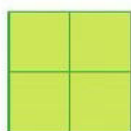


C

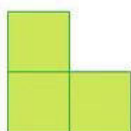


D

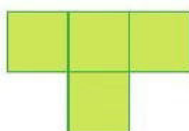
2 Các hình dưới đây được tạo thành từ các ô vuông như nhau:



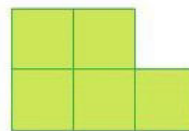
A



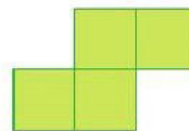
B



C



D

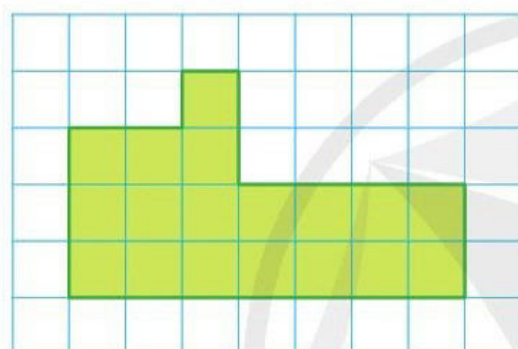


E

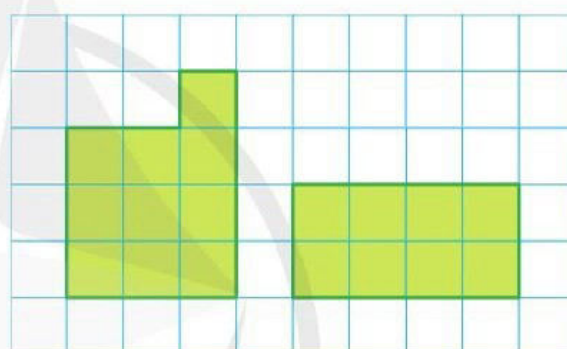
Trả lời các câu hỏi:

- Những hình nào có diện tích bằng nhau?
- Hình nào có diện tích lớn hơn diện tích hình A?

3 Quan sát hình rồi thực hiện các yêu cầu sau:



A



B

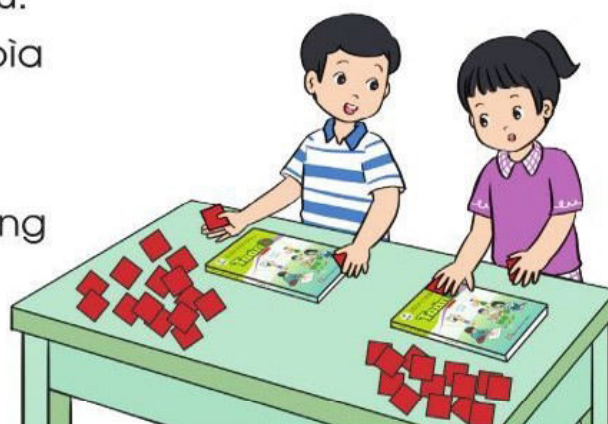
C

- Hình A gồm mấy ô vuông? Hình B gồm mấy ô vuông? Hình C gồm mấy ô vuông?
- So sánh diện tích hình A với tổng diện tích hình B và hình C.

4 Thực hành:

- Lấy một số hình vuông giống nhau.
- Xếp các hình vuông đó phủ kín bìa sách Toán.
- Đếm số hình vuông đã sử dụng.
- Nói: Diện tích bìa sách Toán khoảng

? hình vuông.

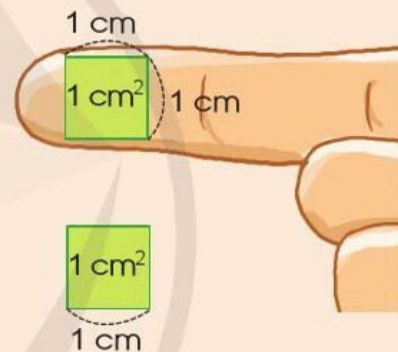


ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG

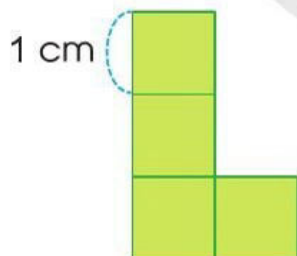
Lấy ra 8 hình vuông cạnh 1 cm để ghép hình.



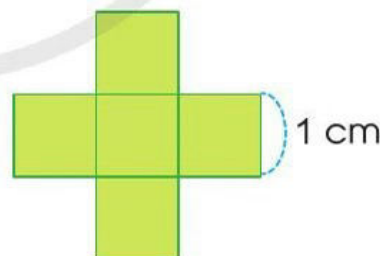
- Để đo diện tích ta dùng đơn vị đo diện tích, chẳng hạn: xăng-ti-mét vuông.
- Xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm.
- Xăng-ti-mét vuông viết tắt là cm^2 .



Ví dụ:



A

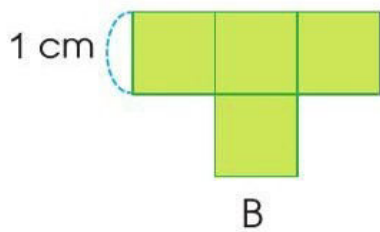


B

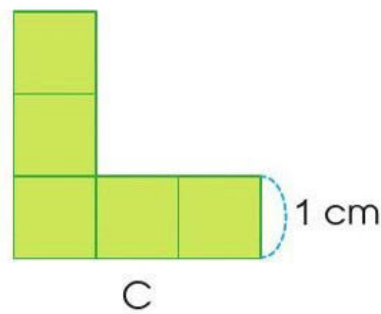
Hình A gồm 4 ô vuông 1 cm^2 . Diện tích hình A bằng 4 cm^2 .

Hình B gồm 5 ô vuông 1 cm^2 . Diện tích hình B bằng 5 cm^2 .

1 Số ?



Hình B gồm ? ô vuông 1 cm^2 .
Diện tích hình B bằng ? cm^2 .



Hình C gồm ? ô vuông 1 cm^2 .
Diện tích hình C bằng ? cm^2 .

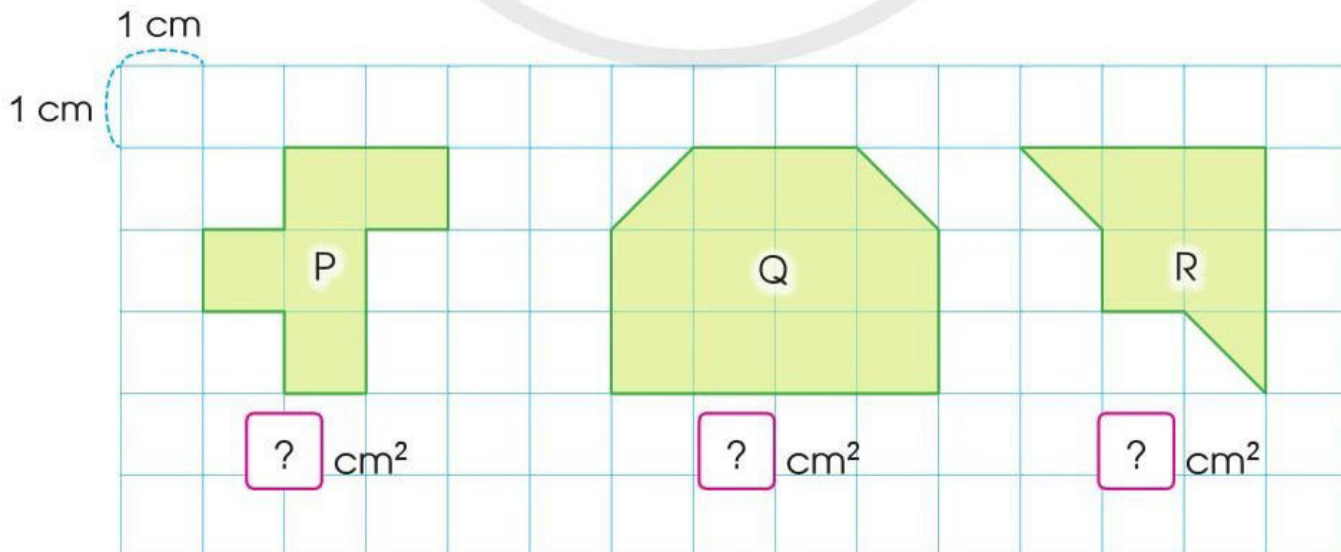
2 Tính (theo mẫu):

Mẫu: $10 \text{ cm}^2 + 5 \text{ cm}^2 = 15 \text{ cm}^2$
 $7 \text{ cm}^2 \times 6 = 42 \text{ cm}^2$

$8 \text{ cm}^2 + 5 \text{ cm}^2$
 $37 \text{ cm}^2 - 20 \text{ cm}^2$

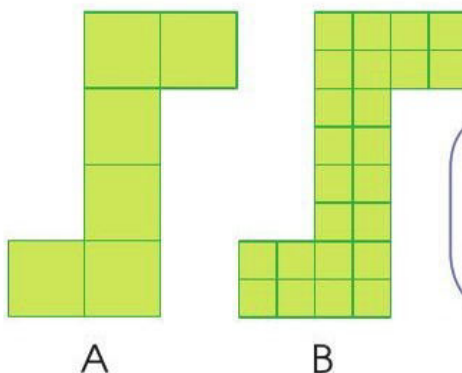
$9 \text{ cm}^2 \times 3$
 $36 \text{ cm}^2 : 4$

3 Số ?



4 Theo em, bạn nào nói đúng?

Hình A gồm 6 ô vuông bằng nhau, hình B gồm 24 ô vuông bằng nhau.
Vậy diện tích hình A bé hơn diện tích hình B.



1 ô vuông lớn bằng 4 ô vuông nhỏ. Vậy diện tích hình A bằng diện tích hình B.



Khang



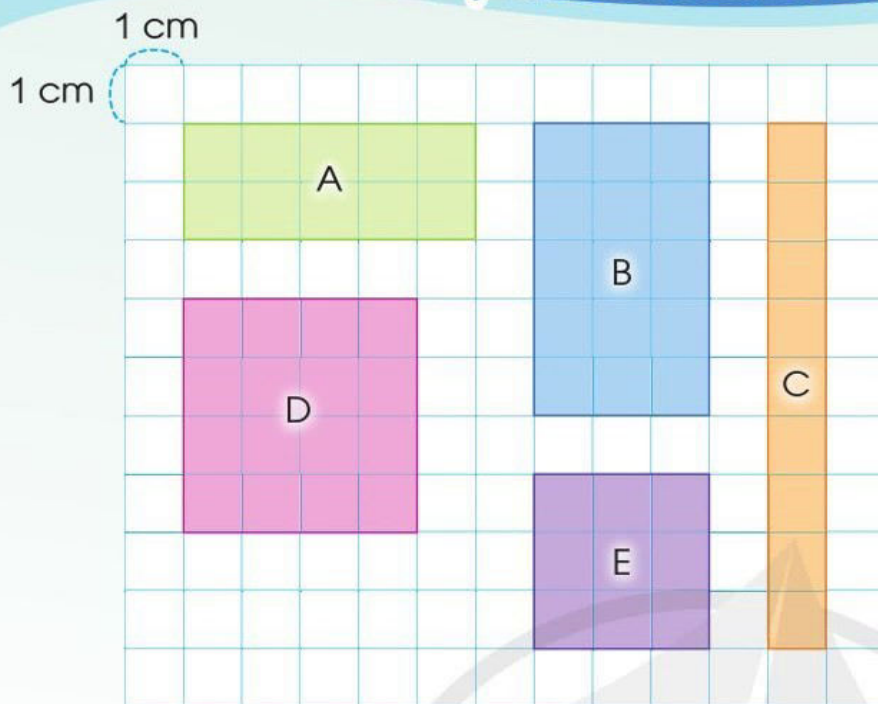
Hiền

5 **Thực hành:** Sử dụng lưới ô vuông (mỗi ô là 1 cm^2) để đo diện tích một số đồ vật (nhân vở, bề mặt hộp bút, một số dụng cụ trong bộ đồ dùng học Toán như hình vuông, hình chữ nhật,...).



DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

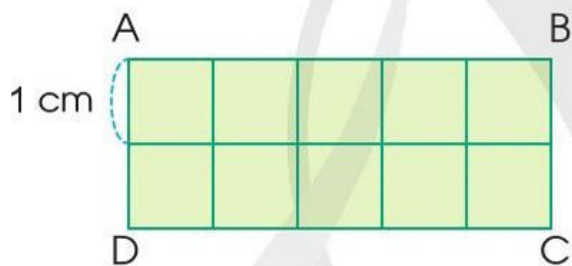
DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG



Tính diện tích mỗi hình.



1. Diện tích hình chữ nhật



Hình chữ nhật ABCD có:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (ô vuông)}$$

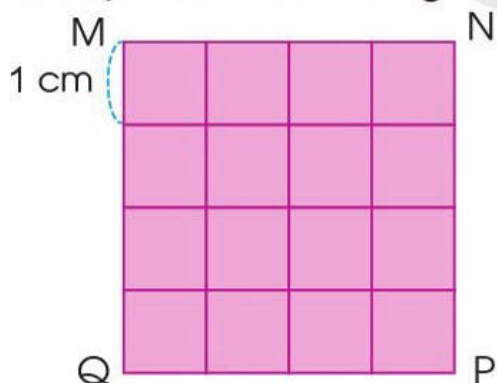
Diện tích mỗi ô vuông là 1 cm^2 .

Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

2. Diện tích hình vuông



Hình vuông MNPQ có:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (ô vuông)}$$

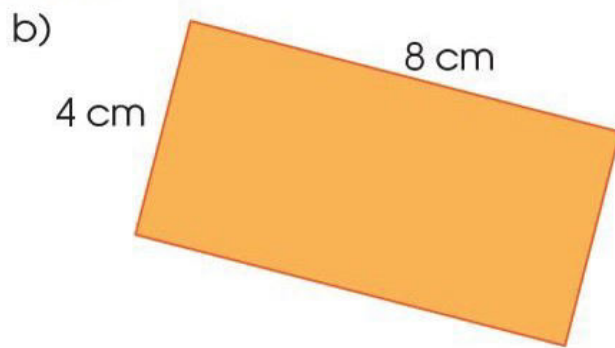
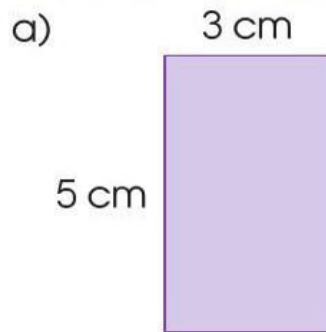
Diện tích mỗi ô vuông là 1 cm^2 .

Diện tích hình vuông MNPQ là:

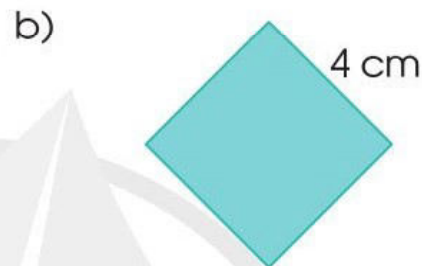
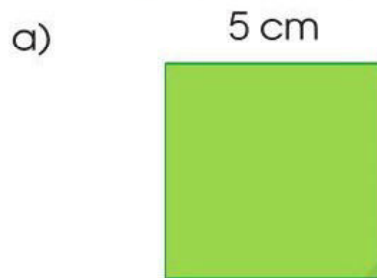
$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

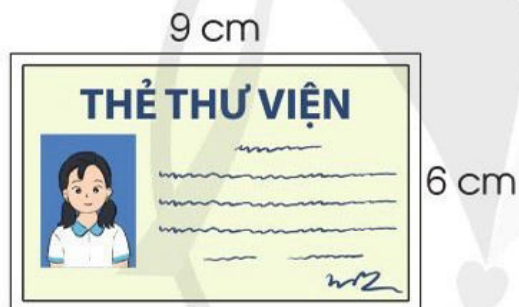
1 Tính diện tích mỗi hình chữ nhật sau:



2 Tính diện tích mỗi hình vuông sau:



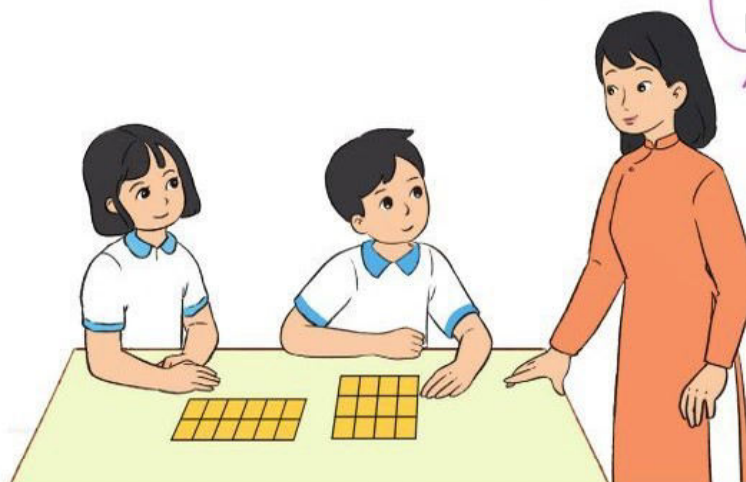
3 a) Tính diện tích thẻ thư viện sau:



b) Tính diện tích con tem sau:



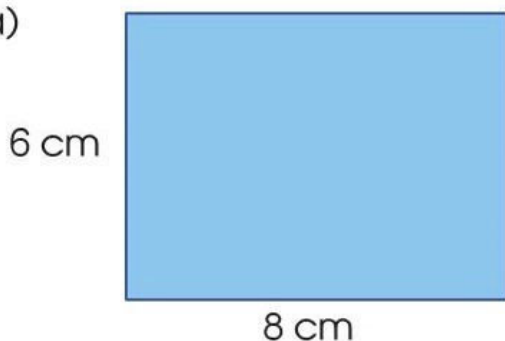
4 **Thực hành:** Sử dụng 12 mảnh giấy hình vuông diện tích 1 cm^2 để ghép thành các hình chữ nhật khác nhau nhưng có cùng diện tích là 12 cm^2 .



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính chu vi và diện tích các hình sau:

a)



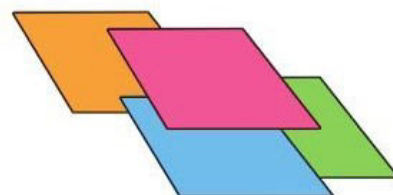
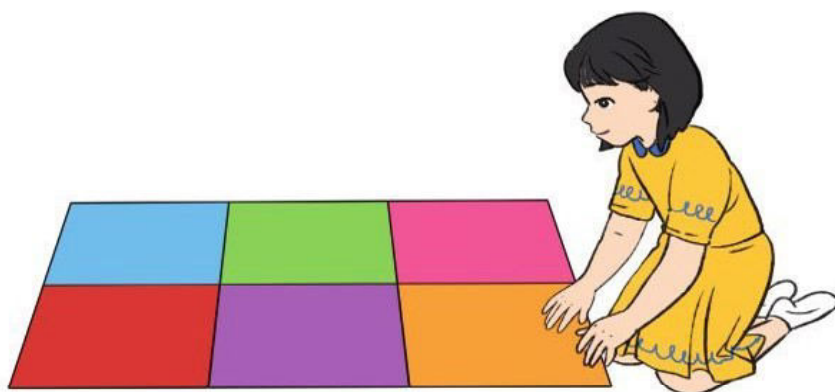
b)



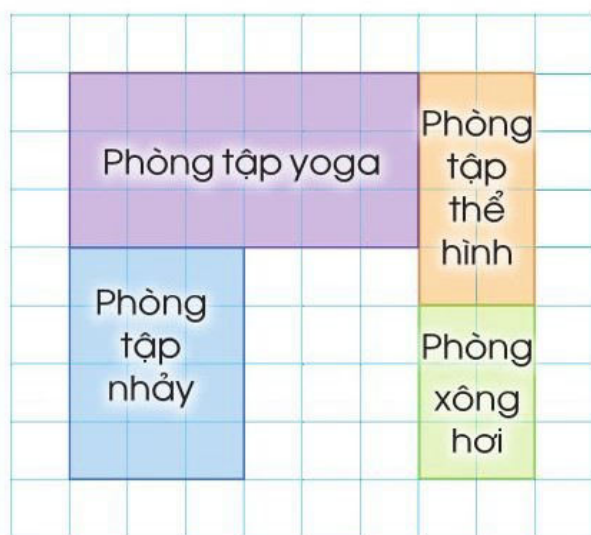
2 Tìm số đo thích hợp cho mỗi ô trong bảng dưới đây:

Tên hình	Chiều dài	Chiều rộng	Cạnh	Chu vi	Diện tích
Hình chữ nhật	5 cm	2 cm		?	?
Hình chữ nhật	15 cm	3 cm		?	?
Hình vuông			7 cm	?	?
Hình vuông			9 cm	?	?

3 Mai ghép 10 tấm thảm hình vuông có cạnh 40 cm thành một tấm thảm hình chữ nhật lớn có chiều rộng 80 cm. Hỏi chu vi của tấm thảm Mai ghép được bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

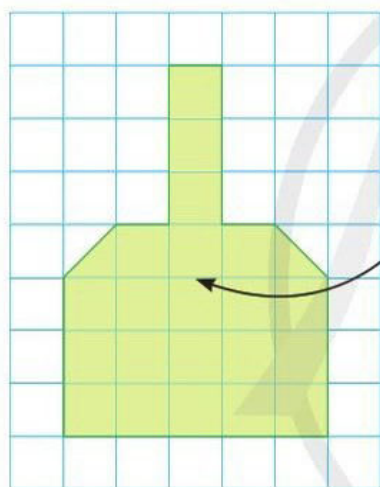


- 4** Quan sát sơ đồ các phòng của một trung tâm thể dục thẩm mỹ sau và trả lời các câu hỏi:

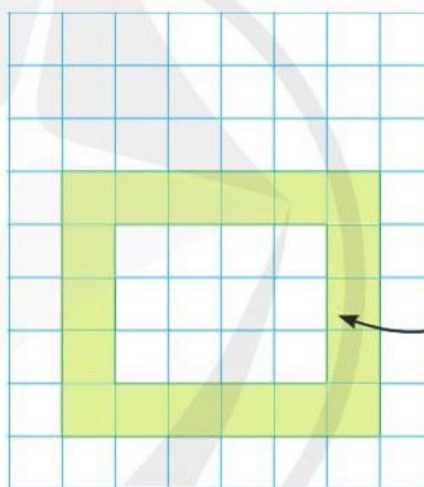


- a) Phòng nào có diện tích lớn nhất?
b) Phòng nào có diện tích bé nhất?

- 5** Theo em, miếng đề can ở hình A có đủ để dán thành hình B không?



A

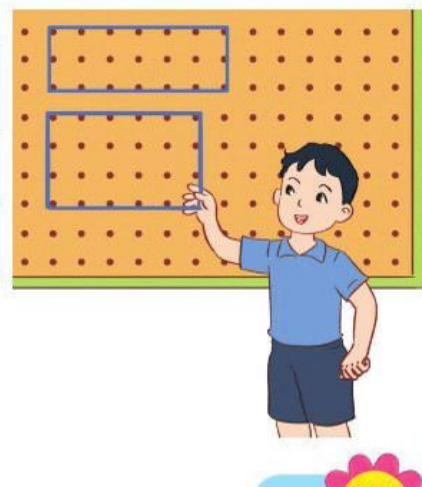


B

- 6** **Thực hành:** Tạo lập những hình chữ nhật có chu vi bằng nhau nhưng diện tích khác nhau và ghi lại kết quả.

Mẫu:

Hình	Chiều dài	Chiều rộng	Chu vi	Diện tích
A	5 cm	3 cm	16 cm	15 cm^2
B	6 cm	2 cm	16 cm	12 cm^2



THU THẬP, PHÂN LOẠI, GHI CHÉP SỐ LIỆU THỐNG KÊ



Số lượng bông hoa mỗi loại

Hoa hồng		4
Hoa hướng dương	###	6
Hoa cúc	###	7
Hoa đồng tiền	###	5

1 Số ?



?



?

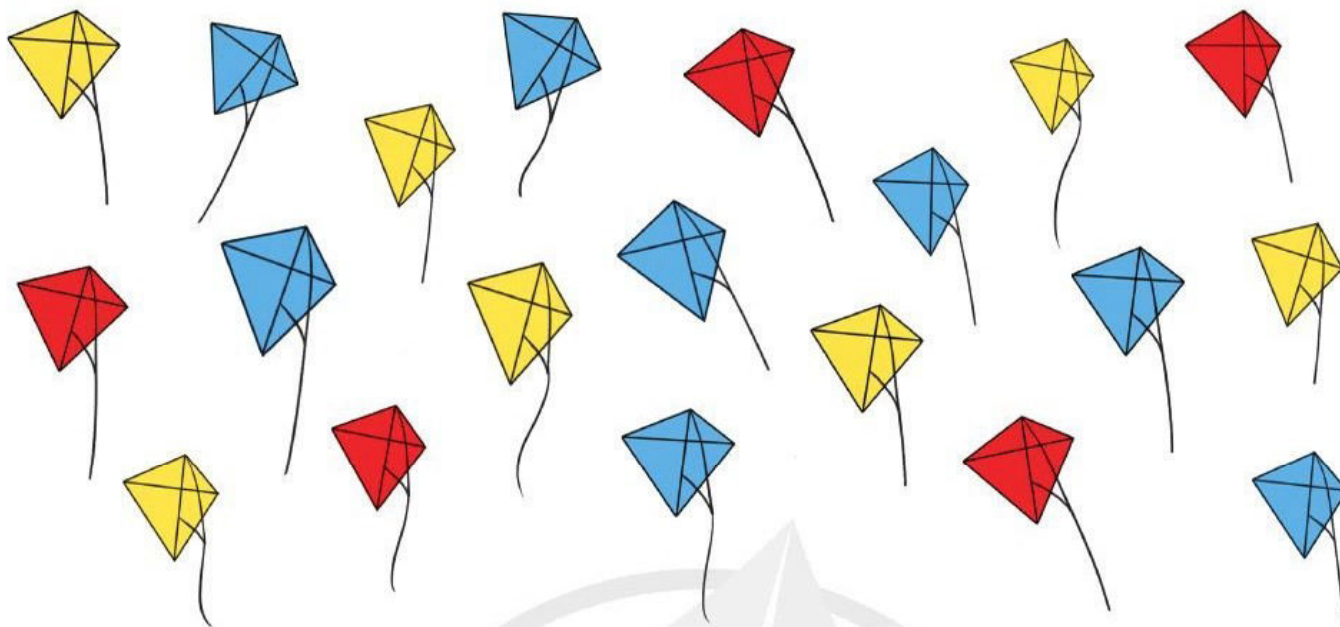


?



?

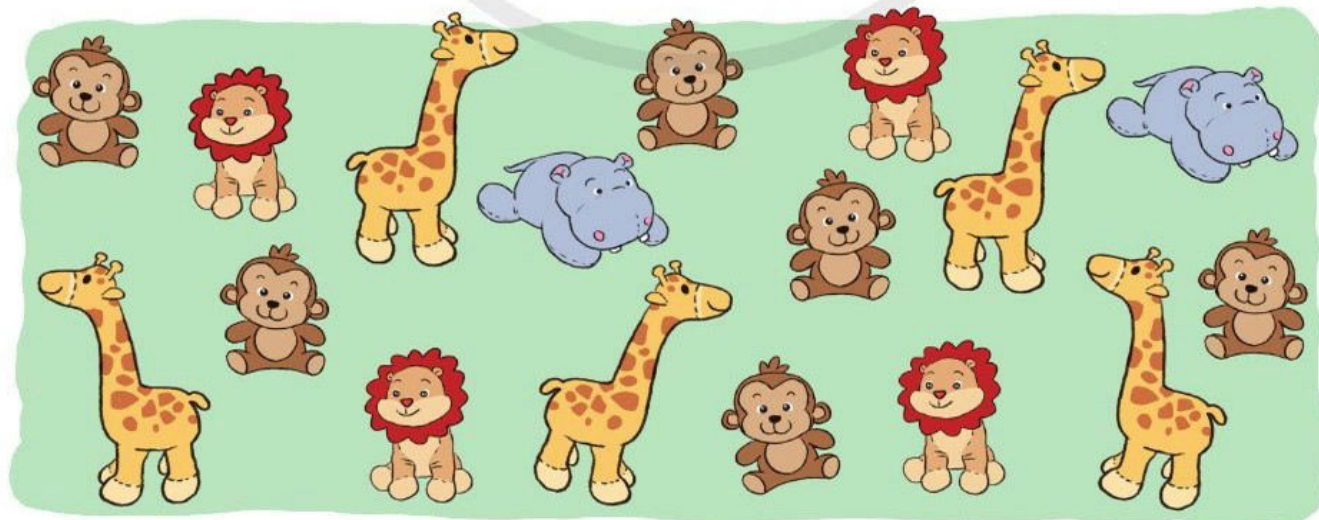
2 Kiểm đếm số chiếc điều mỗi loại trong hình vẽ sau (theo mẫu):



Số lượng chiếc điều mỗi loại

Chiếc điều có màu vàng	###	7
Chiếc điều có màu xanh	?	?
Chiếc điều có màu đỏ	?	?

3 a) Quan sát và cho biết trong tranh có những loại thú nhồi bông nào:



b) Kiểm đếm từng loại thú nhồi bông, đọc biểu đồ tranh rồi trả lời các câu hỏi:

Số lượng mỗi loại thú nhồi bông có trong tranh vẽ

Hươu cao cổ	    
Hà mã	 
Sư tử	   
Khỉ	     

- Có bao nhiêu con hà mã?
- Số khỉ nhiều hơn số hươu cao cổ là bao nhiêu con?
- Trong tranh vẽ có tất cả bao nhiêu con thú nhồi bông?

4

Quan sát biểu đồ tranh sau:

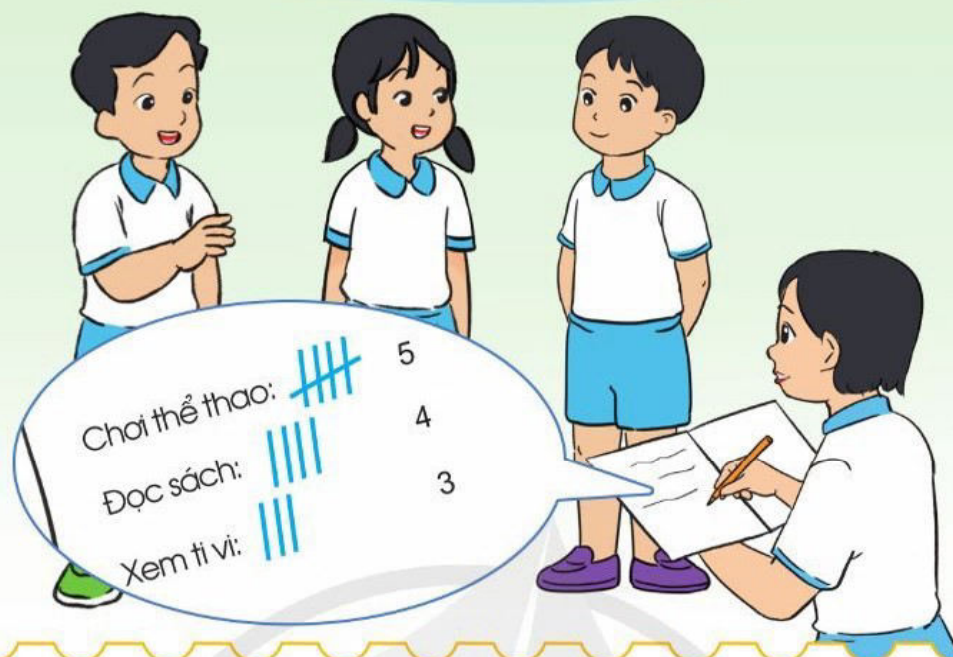
Số sách bán được trong bốn ngày

Ngày thứ nhất	   
Ngày thứ hai	       
Ngày thứ ba	     
Ngày thứ tư	        
Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 5 cuốn sách.	

Trả lời các câu hỏi:

- a) Bao nhiêu cuốn sách đã bán được trong ngày thứ tư?
- b) Ngày nào bán được 40 cuốn sách?
- c) Ngày thứ ba bán được nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu cuốn sách?
- d) Cả bốn ngày bán được bao nhiêu cuốn sách?

BẢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ



Số liệu điều tra nói trên được biểu diễn bằng bảng số liệu thống kê sau:

Hoạt động ưa thích sau giờ học của các bạn tổ Một

Hoạt động	Chơi thể thao	Đọc sách	Xem ti vi
Số người	5	4	3

Bảng này có các yếu tố:

- Tên của bảng
- Hàng trên ghi tên các hoạt động ưa thích
- Hàng dưới ghi số người tham gia mỗi dạng hoạt động

1 a) Quan sát bảng số liệu thống kê:

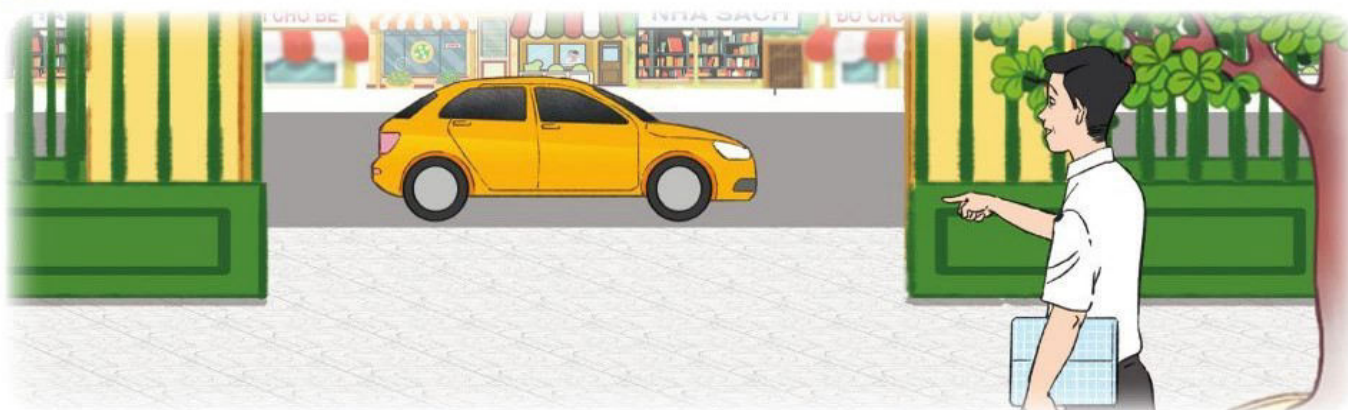
Số thùng kem mà một cửa hàng đã nhập về

Loại kem	Kem dừa	Kem dâu	Kem va-ni	Kem sô-cô-la
Số lượng thùng	4	5	3	6

b) Đọc bảng cho trong câu a và trả lời các câu hỏi:

- Cửa hàng đã nhập về bao nhiêu thùng kem dâu?
- Thùng kem loại nào được cửa hàng nhập về nhiều nhất? Thùng kem loại nào được cửa hàng nhập về ít nhất?
- Cửa hàng đã nhập về tất cả bao nhiêu thùng kem các loại?

2 a) Quan sát bảng số liệu thống kê:



Số lượng ô tô đi qua cổng trường

Thời gian	Từ 8 giờ đến 9 giờ sáng	Từ 9 giờ đến 10 giờ sáng	Từ 11 giờ đến 12 giờ trưa	Từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều
Số ô tô	12	9	15	6

b) Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

- Có bao nhiêu ô tô đi qua cổng trường từ 8 giờ đến 9 giờ sáng?
- Có bao nhiêu ô tô đi qua cổng trường từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều?
- Số ô tô đi qua cổng trường trong khoảng thời gian nào là nhiều nhất?
- Số ô tô đi qua cổng trường trong khoảng thời gian nào là ít nhất?
- Trong khoảng thời gian nào chỉ có 6 ô tô đi qua cổng trường?

3 a) Quan sát bảng số liệu thống kê:

Số đo chiều cao của học sinh

Tên	An	Bình	Cường	Duyên	Dũng
Chiều cao	140 cm	135 cm	138 cm	129 cm	130 cm

b) Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

- Chiều cao của bạn Bình là bao nhiêu xăng-ti-mét?
- Trong năm bạn trên, bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất?
- Bạn cao nhất cao hơn bạn thấp nhất bao nhiêu xăng-ti-mét?
- Bạn nào cao hơn bạn Duyên và thấp hơn bạn Cường?

4

Tuyến đường sắt Bắc – Nam hay tuyến đường sắt Thống Nhất là tuyến đường sắt bắt đầu từ Thủ đô Hà Nội và kết thúc tại Thành phố Hồ Chí Minh.



Bảng dưới đây cho biết chiều dài tuyến đường sắt từ ga Hà Nội đến một số tỉnh và thành phố có đường sắt đi qua.

Chiều dài tuyến đường sắt Bắc – Nam

Tuyến đường	Hà Nội – Vinh	Hà Nội – Huế	Hà Nội – Đà Nẵng	Hà Nội – Nha Trang	Hà Nội – Sài Gòn
Chiều dài	319 km	688 km	791 km	1 315 km	1 726 km

(Nguồn: <https://duongsatvietnam.com>)

Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

- Tuyến đường sắt Hà Nội – Sài Gòn dài bao nhiêu ki-lô-mét?
- Tuyến đường sắt Huế – Đà Nẵng dài bao nhiêu ki-lô-mét?
- Tuyến đường sắt Hà Nội – Sài Gòn dài hơn tuyến đường sắt Hà Nội – Vinh bao nhiêu ki-lô-mét?



KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN



- 1 a) Quan sát đồng xu gồm hai mặt như sau:



Mặt ngựa



Mặt sấp

Quy ước: Mặt xuất hiện chữ N trên đồng xu là mặt ngựa, mặt xuất hiện chữ S trên đồng xu là mặt sấp.

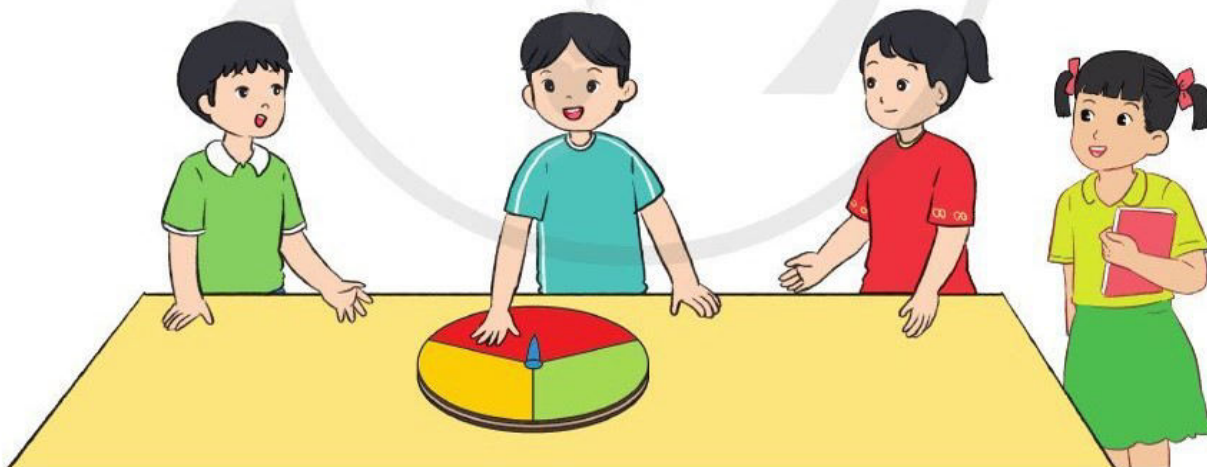
- b) Tung đồng xu ở câu a một lần. Nêu những khả năng có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu.

- 2 Một hộp đựng một số quả bóng xanh và một số quả bóng đỏ. Bạn An bịt mắt lấy một cách ngẫu nhiên một quả bóng. Hỏi có những khả năng nào về màu sắc của quả bóng được lấy ra?



- 3 Một hộp kín đựng 3 chiếc thẻ có hình dạng giống nhau, ghi các số 2, 7, 4. Bạn Khoa rút ra một cách ngẫu nhiên một chiếc thẻ. Hỏi có những khả năng nào về số ghi trên thẻ được lấy ra?

- 4 Trò chơi “Vòng xoay may mắn”



Bình quay đĩa tròn một lần. Khi vòng quay dừng lại thì chiếc kim sẽ chỉ vào một phần đĩa tròn đã tô màu. Hỏi chiếc kim có những khả năng chỉ vào màu nào khi đĩa tròn dừng lại?



EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 Đặt tính rồi tính:

a)

$$40\,279 + 1\,620$$

$$78\,175 - 2\,155$$

$$18\,043 + 42\,645$$

$$58\,932 - 21\,316$$

b)

$$2\,123 \times 4$$

$$12\,081 \times 7$$

$$7\,540 : 5$$

$$12\,419 : 2$$

2 Tính giá trị của các biểu thức sau:

$$(12\,726 + 10\,618) \times 2$$

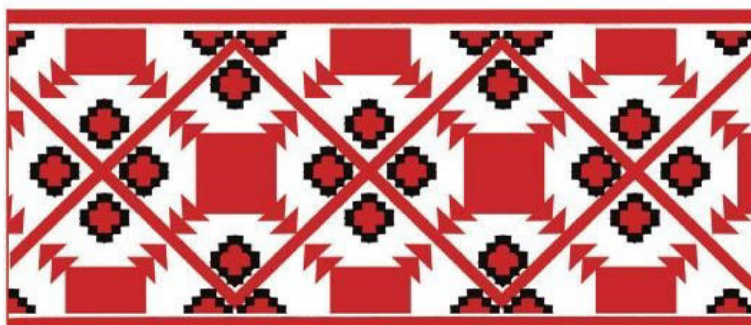
$$54\,629 - 48\,364 : 4$$

3

a) Khung của một bức tranh có dạng hình vuông với cạnh 75 cm. Hỏi chu vi của khung bức tranh đó bằng bao nhiêu mét?



b) Một mảnh hoa văn trang trí trên tấm vải thổ cẩm có dạng hình chữ nhật với chiều dài 21 cm, chiều rộng 9 cm. Tính diện tích mảnh hoa văn đó.



4 Bảng sau cho biết số trường tiểu học ở Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2019:

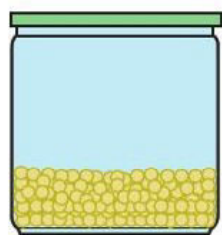
Năm học	2015 – 2016	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019
Số trường tiểu học ở Việt Nam	15 254	15 052	14 937	13 970

(Nguồn: <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke-giao-duc-tieu-hoc.aspx>)

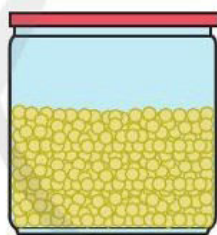
Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

- Năm học nào có số lượng trường tiểu học nhiều nhất?
- Số lượng trường tiểu học năm học 2017 – 2018 ít hơn số lượng trường tiểu học năm học 2016 – 2017 là bao nhiêu trường?
- Làm tròn số trường tiểu học ở Việt Nam trong bảng trên đến hàng nghìn và đọc các số vừa làm tròn.
- Tuấn nhận xét: “Số lượng trường tiểu học ở Việt Nam giảm dần qua các năm học”. Em có đồng ý với nhận xét của Tuấn không?

- 5** a) Ước lượng số gam đậu tương trong lọ đựng nhiều hơn:

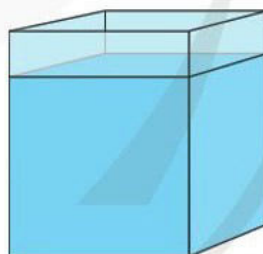


500 g

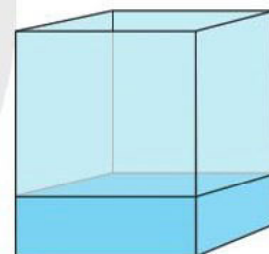


? g

- b) Ước lượng số mi-li-lít nước trong bể lớn hơn:

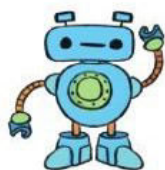


? ml



2 000 ml

- 6** a) Chọn hai đồ vật em muốn mua trong hình dưới đây và tính số tiền cần trả.



100 000 đồng



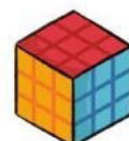
39 000 đồng



22 000 đồng



76 000 đồng



23 000 đồng

- b) Với 100 000 đồng em hãy lựa chọn những đồ vật ở câu a để mua được nhiều loại nhất.

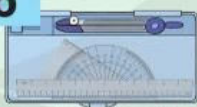


**HỌC VUI
VUI HỌC**



EM VUI HỌC TOÁN

1 Trải nghiệm “Mua sắm thông minh”

1  Ô tô đồ chơi 29 000 đồng	2  Vở ô li 8 500 đồng	3  Bút sáp màu 73 500 đồng	4  Hộp chì màu 31 000 đồng
5  Hộp bút màu đa năng 49 000 đồng	6  Bộ thước kẻ 34 000 đồng	7  Hộp bút 39 000 đồng	8  Bình nước 35 000 đồng

a) Chuẩn bị: Mỗi nhóm một tờ ghi danh mục sản phẩm và giá bán.

b) Thực hiện:

- Chọn 2 sản phẩm có tổng giá tiền không quá 50 000 đồng.
- Chọn 3 sản phẩm có tổng giá tiền gần 100 000 đồng.

2 Thực hiện các hoạt động sau:

a) Quan sát và nhận biết các tờ tiền sau bằng cách đọc chữ ghi mệnh giá in trên các tờ tiền.

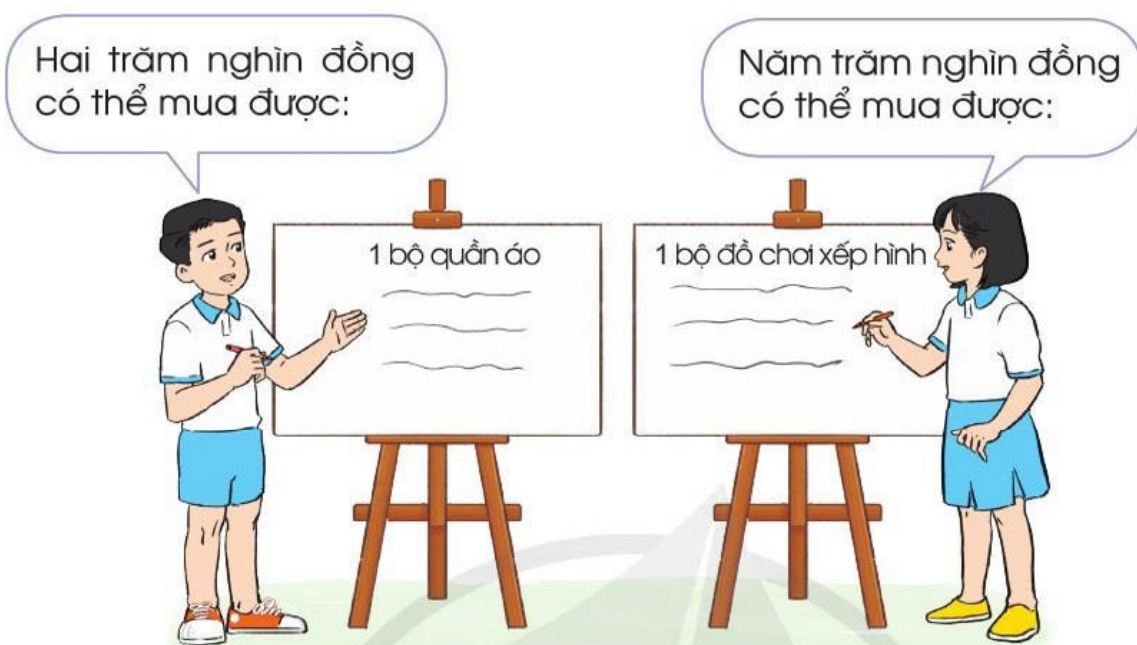


Hai trăm nghìn đồng



Năm trăm nghìn đồng

b) Thảo luận nhóm, kể một số đồ vật có giá bán khoảng hai trăm nghìn đồng, năm trăm nghìn đồng mà em biết.



3 a) Quan sát và gọi tên tờ tiền của mỗi quốc gia sau:



b) Hãy chia sẻ với các bạn về tờ tiền của một quốc gia khác mà em biết.



4

Thực hiện các hoạt động sau:

a) Thảo luận những vấn đề cần thu thập số liệu liên quan đến các bạn lớp em.

Ví dụ:

- Các môn thể thao ưa thích;
- Món ăn ưa thích;
- Phương tiện đến trường;

...



b) Thực hiện thu thập số liệu và ghi lại kết quả với một vấn đề được chọn.

Ví dụ: Thu thập ý kiến chọn màu áo đồng phục của lớp, ghi lại kết quả.



Màu sắc	Kiểm đếm	Số lượng
Xanh da trời		11
Cam		6
Đỏ		2
Tím		4
Tổng số:		23

c) Tổng hợp kết quả thành bảng số liệu, nêu các nhận xét và đưa ra quyết định chọn màu áo đồng phục cho lớp dựa trên kết quả thống kê.

ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

1 $\begin{array}{|c|} \hline > \\ < \\ = \\ \hline \end{array}$?

$$5\ 689 \quad ? \quad 5\ 690$$

$$6\ 000 + 4\ 000 \quad ? \quad 9\ 000$$

$$7\ 100 \quad ? \quad 7\ 099$$

$$7\ 000 + 2\ 000 \quad ? \quad 9\ 000$$

$$4\ 000 \quad ? \quad 3\ 600 + 400$$

$$8\ 000 + 2\ 000 \quad ? \quad 11\ 000$$

2 Sắp xếp các số 4 768, 5 189, 4 827, 5 786 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

3 a) Viết các số 2 894, 7 205, 5 668, 3 327 thành tổng của nghìn, trăm, chục, đơn vị (theo mẫu):

Mẫu: $2\ 894 = 2\ 000 + 800 + 90 + 4$

b) Viết các tổng sau thành số (theo mẫu):

Mẫu: $3\ 000 + 500 + 20 + 7 = 3\ 527$

$$4\ 000 + 700 + 40 + 2$$

$$2\ 000 + 600 + 40 + 8$$

$$5\ 000 + 500 + 50 + 5$$

$$3\ 000 + 900 + 8$$

4 Tính nhẩm:

$$6\ 000 + 3\ 000 - 5\ 000$$

$$8\ 000 - 3\ 000 - 2\ 000$$

$$7\ 000 - (1\ 500 + 4\ 500)$$

$$6\ 000 + 2\ 000 - 3\ 000$$



5

Đặt tính rồi tính:

23×3

114×6

$4\,325 \times 2$

$12\,318 \times 3$

$93 : 3$

$558 : 5$

$9\,216 : 4$

$84\,273 : 6$

6

Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $250 - 550 : 5$

b) $350 : 7 - 6$

c) $450 - (50 + 350)$

d) $(500 + 40) \times 2$

7

Ở một bảo tàng sinh vật biển, buổi sáng có 120 lượt khách tham quan, buổi chiều có nhiều hơn buổi sáng 30 lượt khách. Hỏi cả ngày hôm đó bảo tàng đã đón bao nhiêu lượt khách tham quan?



8

Năm nay con 8 tuổi, tuổi của mẹ gấp 4 lần tuổi của con. Hỏi mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?



ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH

TRONG PHẠM VI 100 000 (tiếp theo)

1 Tính nhẩm:

$$50\,000 + 30\,000$$

$$70\,000 - 50\,000$$

$$16\,000 + 50\,000$$

$$34\,000 - 4\,000$$

$$30\,000 \times 2$$

$$13\,000 \times 3$$

$$80\,000 : 4$$

$$28\,000 : 7$$

2 Đặt tính rồi tính:

$$47\,516 + 25\,348$$

$$52\,375 - 28\,167$$

$$314 \times 6$$

$$19\,276 : 4$$

$$24\,835 + 32\,446$$

$$96\,253 - 35\,846$$

$$5\,218 \times 3$$

$$47\,635 : 7$$

3 Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Giá trị của biểu thức $(20\,354 - 2\,338) \times 4$ là:

A. 9 802.

B. 78 778.

C. 72 904.

D. 72 064.

b) Giá trị của biểu thức $56\,037 - (35\,154 - 1\,725)$ là:

A. 19 158.

B. 22 608.

C. 38 133.

D. 3 633.

4 Mẹ mang 100 000 đồng đi chợ, mẹ mua thịt hết 57 000 đồng, mua rau hết 15 000 đồng. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu tiền?



- 5 Trong một thư viện có 2 638 quyển sách viết bằng tiếng Việt. Số sách viết bằng tiếng Việt nhiều hơn số sách viết bằng tiếng nước ngoài là 705 quyển. Hỏi trong thư viện có tất cả bao nhiêu quyển sách viết bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài?



- 6 May mỗi bộ quần áo vừa hết 3 m vải. Hỏi nếu một công ty may có 10 250 m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như thế và còn thừa mấy mét vải?

- 7 Mèo Vạc là một huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang. Huyện Mèo Vạc có nhiều phong tục tập quán văn hoá truyền thống và nhiều cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ như dãy núi đá tai mèo, đỉnh Mã Pì Lèng,... Tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019, dân số của huyện Mèo Vạc là 86 071 người.

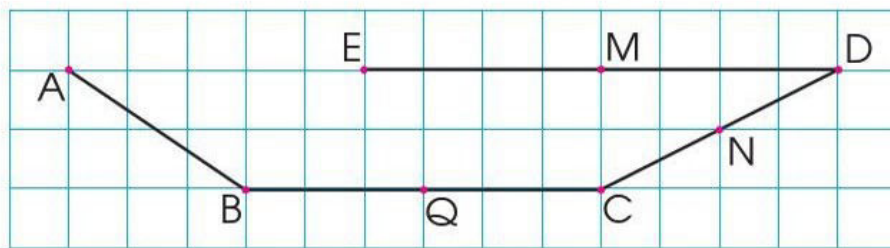
(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Em hãy làm tròn số dân của huyện Mèo Vạc tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến hàng nghìn.

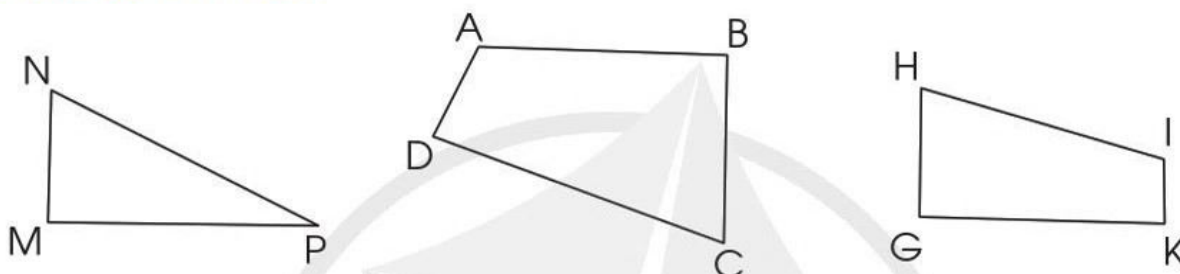


ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Nêu tên trung điểm của các đoạn thẳng BC, CD và DE:



2 Cho các hình sau:

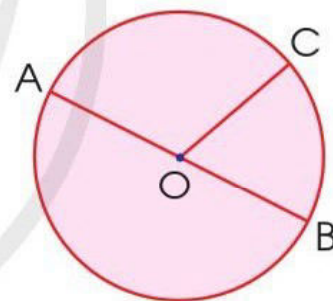


- Nêu tên hình và các đỉnh, cạnh, góc có trong mỗi hình trên.
- Dùng ê ke để kiểm tra trong mỗi hình trên có mấy góc vuông.

3 Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Các bán kính của hình tròn bên là:

- OC, AB.
- OA, OC, AB.
- OA, OB, OC.
- OA, OB, AB.



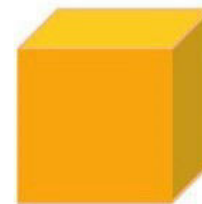
4 Mỗi đồng hồ sau tương ứng với cách đọc nào?



- 3 giờ 5 phút
- 4 giờ 15 phút
- 7 giờ 20 phút
- 9 giờ kém 15 phút
- 10 giờ kém 10 phút
- 12 giờ kém 5 phút



5 Chọn chữ đặt trước đáp án đúng:



a) Khối hộp chữ nhật có:

- A. 16 đỉnh. B. 12 đỉnh. C. 8 đỉnh. D. 24 đỉnh.

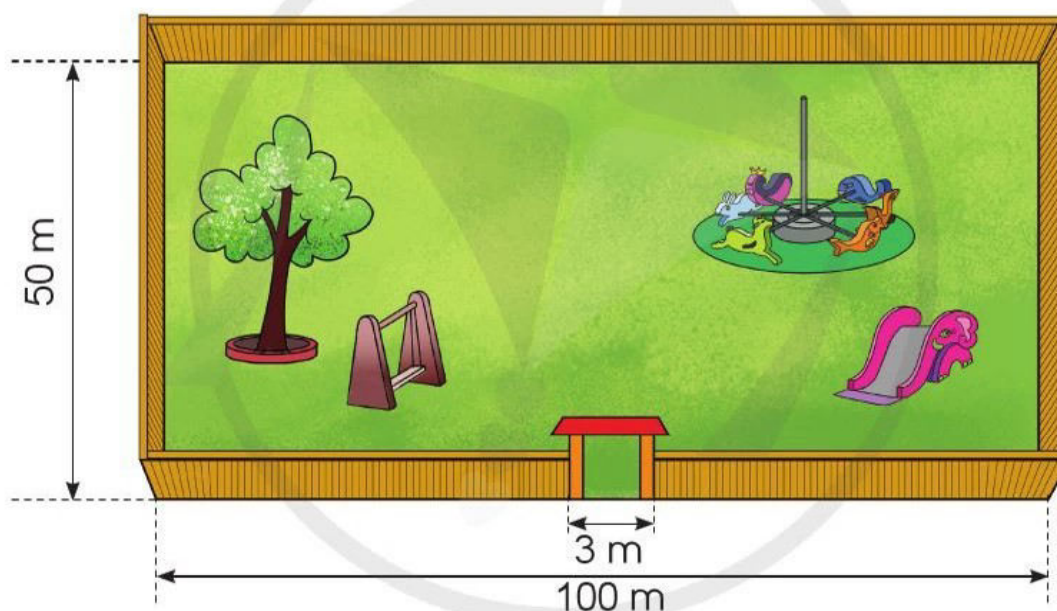
b) Khối lập phương có:

- A. 4 mặt. B. 6 mặt. C. 8 mặt. D. 12 mặt.

c) Khối hộp chữ nhật có:

- A. 16 cạnh. B. 24 cạnh. C. 8 cạnh. D. 12 cạnh.

6 Người ta muốn làm hàng rào quanh một cái sân hình chữ nhật có kích thước như hình vẽ sau:



Hỏi người ta cần phải rào bao nhiêu mét? Biết rằng phần để làm cổng rộng 3 m.

7 Minh Ánh bắt đầu tập đàn lúc 9 giờ kém 10 phút và tập đàn trong 45 phút. Hỏi Minh Ánh tập đàn xong lúc mấy giờ?



ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

- 1 Một cửa hàng kiểm đếm một số loại đồ uống giải khát đã bán trong ngày (tính theo cốc):

Đồ uống giải khát đã bán trong ngày

Nước mía	
Nước cam	
Nước dừa	

Quan sát bảng ghi chép trên và trả lời các câu hỏi:

- Cửa hàng đã bán được bao nhiêu cốc nước mía?
- Đồ uống loại nào cửa hàng đã bán được 11 cốc?

- 2 a) Quan sát biểu đồ tranh sau:

Số thùng sơn cửa hàng đã bán được trong một tuần

Màu trắng	
Màu xanh	
Màu vàng	
Màu đỏ	
Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 3 thùng sơn.	

b) Đọc biểu đồ trên và trả lời các câu hỏi:

- Cửa hàng đã bán được bao nhiêu thùng sơn màu trắng?
- Cửa hàng đã bán được 9 thùng sơn màu nào?
- Cửa hàng đã bán được số lượng thùng sơn bằng nhau ở những màu nào?
- Cửa hàng đã bán được tất cả bao nhiêu thùng sơn?



- 3** Dưới đây là bảng số liệu thống kê số người đến khám răng tại một phòng khám nha khoa vào các ngày trong một tuần:



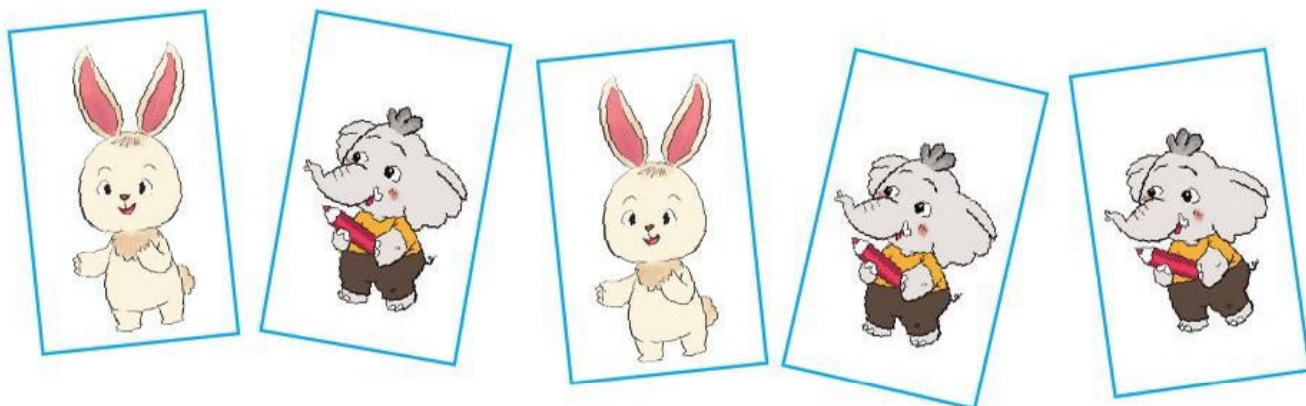
Số người đến khám răng trong một tuần

Ngày	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
Số người	7	5	3	2	6	8	14

Đọc bảng trên và trả lời các câu hỏi:

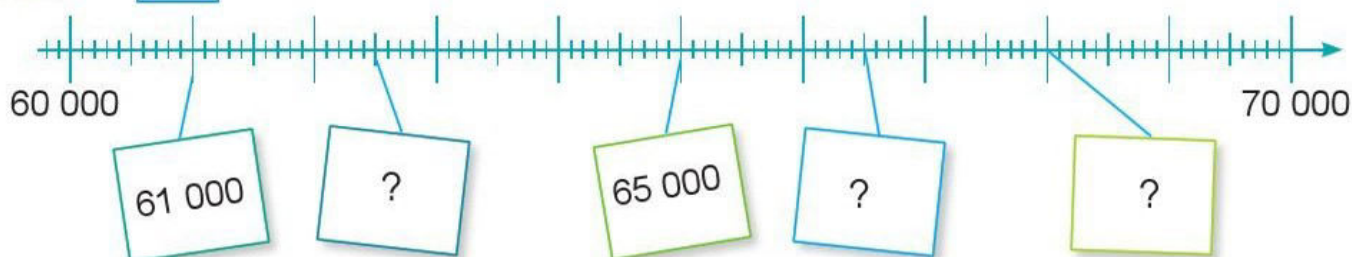
- Có bao nhiêu người đến khám răng trong ngày thứ Hai?
- Số người đến khám răng trong ngày Chủ nhật nhiều hơn trong ngày thứ Hai là bao nhiêu người?
- Ngày nào chỉ có 2 người đến khám răng?
- Có bao nhiêu người đến khám răng trong cả tuần?

- 4** Trộn các thẻ sau lại với nhau và rút ra một cách ngẫu nhiên một thẻ. Theo em, thẻ được rút ra có thể có những khả năng nào?



ÔN TẬP CHUNG

1 a) Số ?



b) Làm tròn số 62 000 đến hàng chục nghìn.

c) Sắp xếp các số dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn:

15 896, 15 968, 15 986, 15 698.

2 Đặt tính rồi tính:



$$39\,178 + 17\,416$$

$$86\,293 - 4\,538$$

$$41\,924 \times 2$$

$$35\,920 : 5$$

3 Dưới đây là bảng số liệu thống kê lượng tinh dầu tràm của một cửa hàng đã bán được trong ba tháng cuối năm.

Tháng	10	11	12
Lượng tinh dầu tràm	3 200 ml	2 250 ml	4 800 ml

Dựa vào bảng trên, hãy trả lời các câu hỏi:

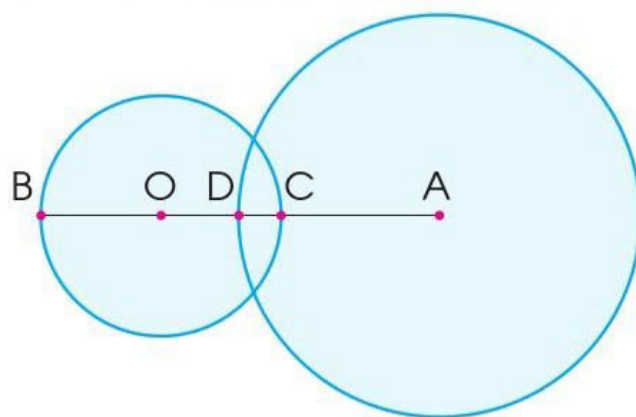
a) Tháng 11 cửa hàng bán được bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu tràm?

b) Tháng nào cửa hàng bán được nhiều tinh dầu tràm nhất?

c) Cả ba tháng cửa hàng bán được bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu tràm?

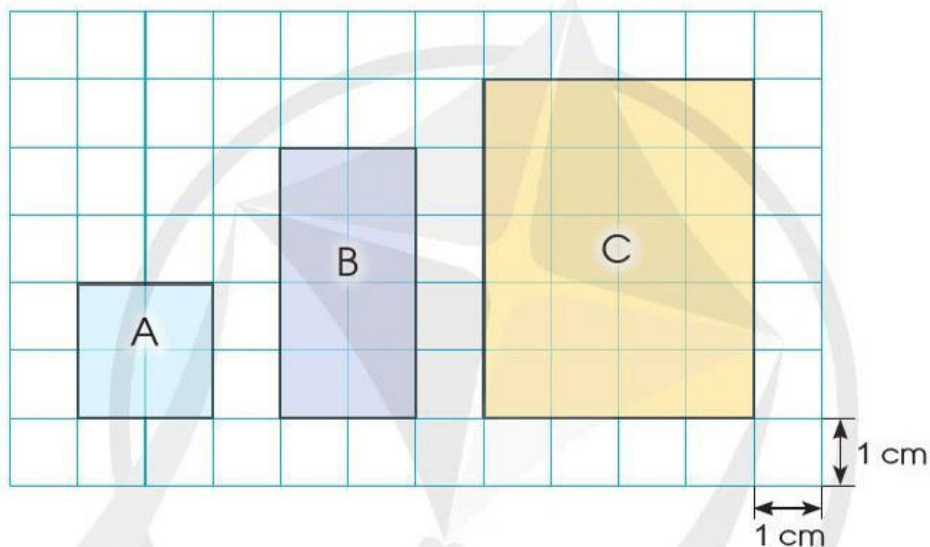


- 4 a) Chỉ ra tâm, bán kính của mỗi hình tròn sau:



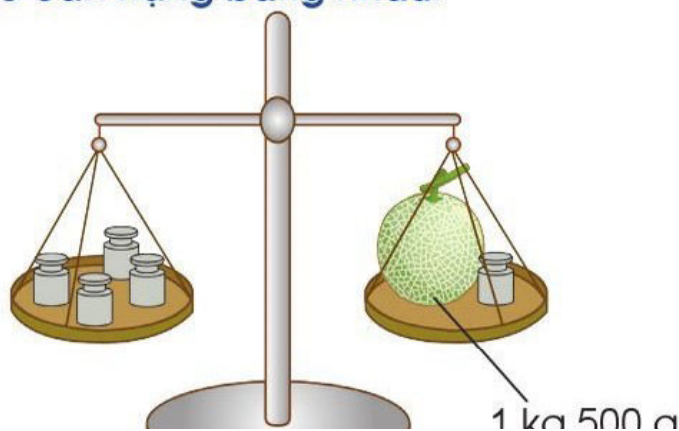
b) Đọc tên trung điểm của đoạn thẳng BC trong hình trên.

- 5 Quan sát hình vẽ, chọn câu đúng:



- a) Diện tích hình B gấp 2 lần diện tích hình A.
b) Diện tích hình C gấp 4 lần diện tích hình A.
c) Chu vi hình B gấp 2 lần chu vi hình A.
d) Chu vi hình C gấp 5 lần chu vi hình A.

- 6 Theo em, mỗi quả cân dưới đây cân nặng bao nhiêu gam? Biết rằng các quả cân có cân nặng bằng nhau.



BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang
B	
bán kính	24
bảng số liệu thống kê	95
C	
các số trong phạm vi 10 000	4
các số trong phạm vi 100 000	12
cạnh	36
chia cho số có một chữ số	65, 67, 71
D	
diện tích một hình	83
diện tích hình chữ nhật	88
diện tích hình vuông	88
Đ	
điểm ở giữa	22
đỉnh	36
đường kính	24
H	
hình tròn	24
K	
khả năng xảy ra của một sự kiện	98
khối hộp chữ nhật	36
khối lập phương	36
L	
làm tròn số đến hàng chục	28
làm tròn số đến hàng chục nghìn	30
làm tròn số đến hàng nghìn	30
làm tròn số đến hàng trăm	28

Từ ngữ	Trang
M	
mặt	36
một vạn	4
N	
năm	44
nhân với số có một chữ số	59, 61
P	
phép cộng trong phạm vi 100 000	53
phép trừ trong phạm vi 100 000	55
S	
so sánh các số trong phạm vi 100 000	18
số La Mã	10
số tròn mười nghìn	12
số tròn nghìn	4
T	
tâm	24
tháng	44
thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê	92
thực hành xem đồng hồ	38, 41
tiền Việt Nam	57
tìm thành phần chưa biết của phép tính	76, 77, 79, 80
trung điểm của đoạn thẳng	22
V	
vẽ trang trí hình tròn	26
X	
xăng-ti-mét vuông (cm ²)	85



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

TẠ THỊ ÁNH – NGUYỄN THỊ NGÂN – NGUYỄN THỊ THANH THUY

Thiết kế sách và minh họa:

TRẦN THỊ THU AN – LƯU CHÍ ĐỒNG

Trình bày bìa:

LƯU CHÍ ĐỒNG

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THẢO HOA – ĐOÀN THỊ LINH

Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.

TOÁN 3 - TẬP HAI

Mã số:

ISBN: 978-604-.....-.....-.....

In cuốn, khổ 19 x 26,5 cm, tại

Địa chỉ:

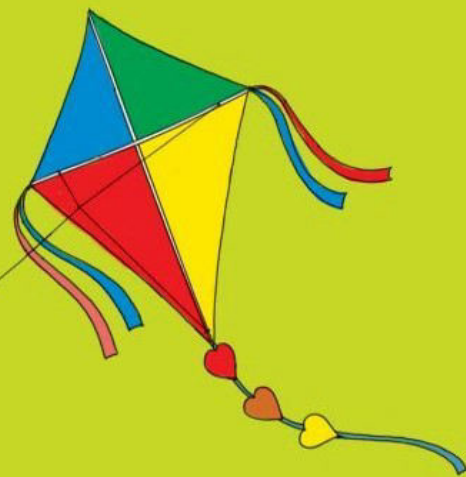
Cơ sở in:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:/CXBIPH/...../ĐHSP

Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBĐHSP ngày/...../.....

In xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



*T*oán 3 là cuốn sách giáo khoa dành cho học sinh lớp 3 được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.

Sách được biên soạn đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Các hoạt động học tập được tổ chức theo tiến trình từ dễ đến khó, hướng đến việc khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh. Sách được trình bày hấp dẫn, khơi gợi sự tò mò, kích thích hứng thú, tạo dựng niềm tin trong học tập môn Toán ở học sinh.

Sách là sản phẩm tâm huyết của tập thể tác giả – những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm trong giáo dục tiểu học.



**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

SÁCH KHÔNG BÁN